

CÔNG TY TNHH FOUR LEAF DRESS

-----o0o-----

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN ĐẦU TƯ: NHÀ MÁY MAY FOUR LEAF DRESS
Địa điểm: xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

- Nghệ An, tháng 12 năm 2025 -

CÔNG TY TNHH FOUR LEAF DRESS

-----Ω*Ω-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN: NHÀ MÁY MAY CÔNG TY FOUR LEAF DRESS**

Địa điểm: xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



Quản

**GIÁM ĐỐC
Phan Văn Việt**

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



**TỔNG GIÁM ĐỐC
HAYASHIZAKI YOSHIYUKI**

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ | 5 |
| 1. Tên chủ dự án đầu tư: | 5 |
| 2.1. Địa điểm thực hiện dự án: | 6 |
| 2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến dự án: | 6 |
| 2.3. Quy mô dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): | 7 |
| 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư: | 7 |
| 3.1. Công suất của dự án đầu tư: | 7 |
| 3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư: | 8 |
| 3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư: | 9 |
| 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư: | 9 |
| 4.1. Nhu cầu sử dụng các loại máy móc thiết bị: | 10 |
| 4.2. Nhu cầu sử dụng điện: | 9 |
| 4.3. Nhu cầu sử dụng nước: | 9 |
| 4.4. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu khác: | 10 |
| 5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư: | 15 |
| 5.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng khu đất thực hiện dự án: | 15 |
| 5.2. Hiện trạng hạ tầng khu vực dự án: | 16 |
| Chương II | 17 |
| SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, | 17 |
| KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG | 17 |
| 1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: | 17 |
| 2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải môi trường: | 17 |
| Chương III | 20 |
| KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP | 20 |
| BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ | 20 |
| 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải: | 20 |
| 1.1. Thu gom, thoát nước mưa: | 20 |
| 1.2. Thu gom, thoát nước thải: | 21 |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| | |
|---|-----------|
| 1.3. Xử lý nước thải | 22 |
| 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:..... | 31 |
| 3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:..... | 34 |
| 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:..... | 35 |
| 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung..... | 38 |
| 6. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khi dự án đi vào vận hành..... | 38 |
| 7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:..... | 55 |
| Chương IV | 58 |
| NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG..... | 58 |
| 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải | 58 |
| 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải | 60 |
| Chương V | 61 |
| KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH | 61 |
| XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC..... | 61 |
| MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN | 61 |
| 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:..... | 61 |
| 1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm..... | 61 |
| 1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải | 61 |
| Chương VI..... | 64 |
| CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ | 64 |
| PHỤ LỤC BÁO CÁO | 66 |

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

| | |
|-------|-------------------------------|
| ANTT | : An ninh trật tự |
| ATGT | : An toàn giao thông |
| BOD | : Nhu cầu oxy sinh hóa |
| BTCT | : Bê tông cốt thép |
| BTNMT | : Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| BVMT | : Bảo vệ môi trường |
| BXD | : Bộ Xây dựng |
| COD | : Nhu cầu oxy hóa học |
| CP | : Chính phủ |
| CTNH | : Chất thải nguy hại |
| CTR | : Chất thải rắn |
| GHCP | : Giới hạn cho phép |
| KCN | : Khu công nghiệp |
| HTKT | : Hạ tầng kỹ thuật |
| KK | : Không khí |
| MT | : Môi trường |
| NĐ | : Nghị định |
| QCVN | : Quy chuẩn Việt Nam |
| QĐ | : Quyết định |
| TCVN | : Tiêu chuẩn Việt Nam |
| TSS | : Tổng chất rắn lơ lửng |
| TTXH | : Trật tự xã hội |
| UBND | : Ủy ban nhân dân |
| VOC | : Chất hữu cơ bay hơi |
| VLXD | : Vật liệu xây dựng |
| VSMT | : Vệ sinh môi trường |
| VSTP | : Vệ sinh thực phẩm |
| XLNT | : Xử lý nước thải |

DANH MỤC HÌNH

| | |
|---|----|
| Hình 1.1. Sơ đồ vị trí thực hiện dự án | 6 |
| Hình 1.3. Phối cảnh dự án | 9 |
| Hình 3.1: Sơ đồ thoát nước mưa của dự án | 20 |
| Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt | 21 |
| Hình 3.3. Sơ đồ đấu nối nước thải | 22 |
| Hình 3.4. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt | 23 |
| Hình 3.6 Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung..... | 24 |
| Hình 3.7. Mặt bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung | 25 |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|--|----|
| Bảng 1.2. Tính toán nhu cầu sử dụng nước | 10 |
| Bảng 1.4. Hóa chất sử dụng của dự án | 14 |
| Bảng 3.1. Kích thước các bể trong HTXLNT | 29 |
| Bảng 3.5. Khối lượng CTNH phát sinh từ dự án..... | 37 |
| Bảng 3.6. Sự cố thường gặp của Hệ thống xử lý nước thải và phương án xử lý | 41 |
| Bảng 3.7. Sự cố thường gặp với chất thải rắn và phương án xử lý | 44 |
| Bảng 3.8. Các nội dung thay đổi so với ĐTM..... | 55 |

Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Four Leaf Dress.

- Địa chỉ: số 95, đường Lê Hồng Phong, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hayashizaki Yoshiyuki

- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Số điện thoại: 0913 274 383.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 2902168149 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 23/06/2023.

- Mã số thuế: 2902168149

Các văn bản pháp lý khác có liên quan đến dự án:

- *Chủ trương đầu tư dự án:*

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 5443168176 chứng nhận lần đầu ngày 12/5/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1 ngày 07/07/2025 do Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp.

+ Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 53/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 05/5/2023, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 04/7/2025.

- *Quyết định phê duyệt quy hoạch 1/500:*

+ Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Nghĩa Đàn về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy may công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- *Thẩm định thiết kế xây dựng:*

+ Giấy phép xây dựng số 04/GPXD-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Đàn cấp ngày 26 tháng 6 năm 2024 cấp cho Công ty TNHH Four Leaf Dress về việc xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án Nhà máy may công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- *Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:*

Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy may công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Tuân thủ theo Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH Four Leaf Dress phối

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

hợp với đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần VinaGreen Group tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An) trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

2. Tên dự án đầu tư:

Dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress.

2.1. Địa điểm thực hiện dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An).

Phạm vi ranh giới của dự án như sau:

Phía Tây Bắc giáp: Đường gom Quốc lộ 48D;

Phía Đông Nam giáp: Đất lúa;

Phía Đông Bắc giáp: Đường giao thông nội đồng;

Phía Tây Nam giáp: Đất lúa.



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí thực hiện dự án

2.2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 2902168149 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/06/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 5443168176, chứng nhận lần đầu ngày 12/5/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1 ngày 07/07/2025.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 53/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 05/05/2023, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 04/07/2025.

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

2.3. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến dự án:

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Cơ quan thẩm định các giấy phép có liên quan đến môi trường: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường: UBND tỉnh Nghệ An.

2.4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy may công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

2.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ của dự án:

Chuyên gia công hàng may mặc lễ phục và thời trang. Sản phẩm xuất khẩu 100%.

2.6. Quy mô dự án đầu tư:

Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư là 135.430.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật đầu tư công thì Dự án thuộc nhóm B (tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng).

Dự án không thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

Căn cứ khoản 1 điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, khoản 8 điều 01 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 dự án nhóm III thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường cấp tỉnh. Báo cáo được thực hiện theo mẫu phụ lục VIII - báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm (kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

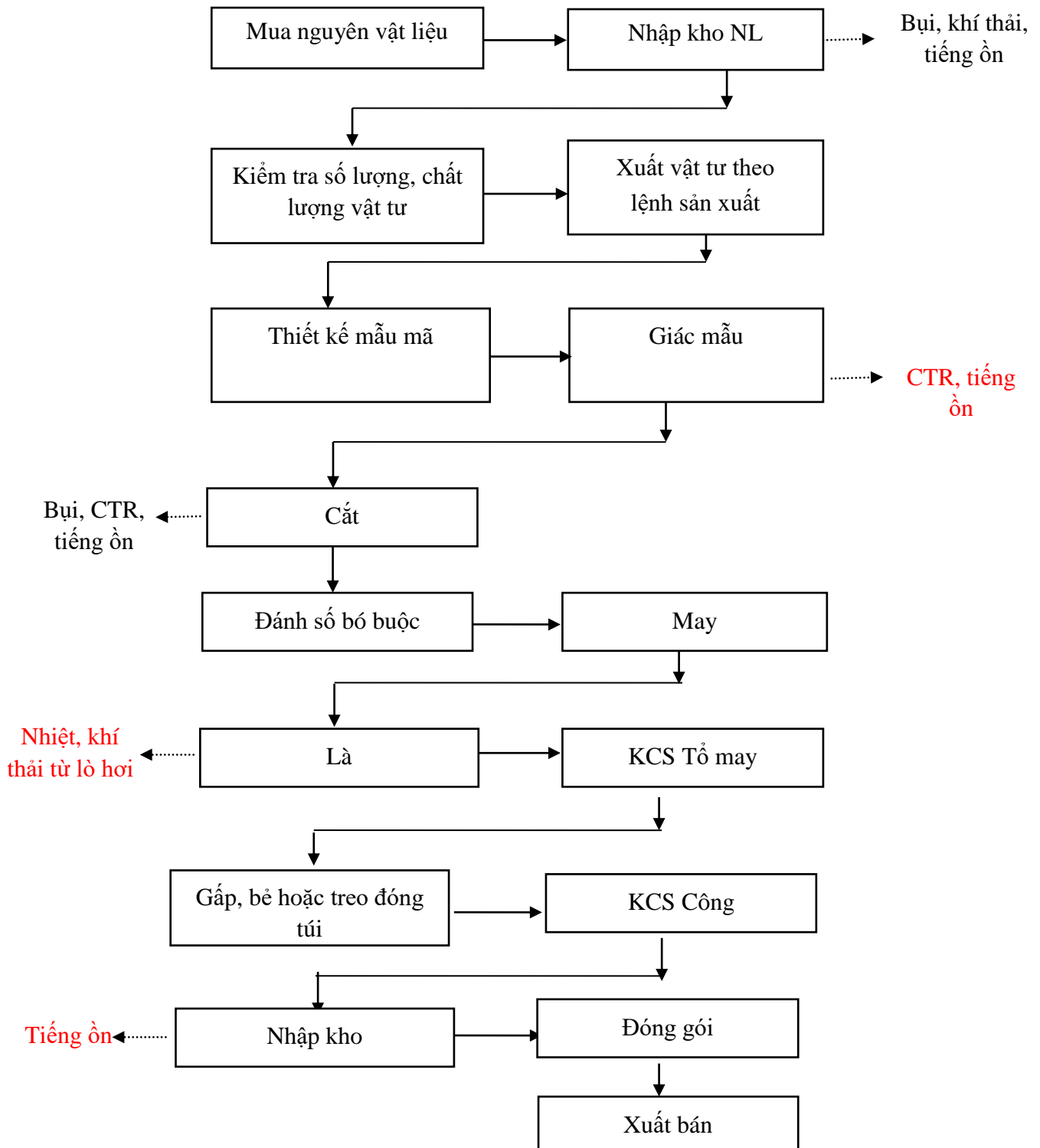
- Công suất thiết kế: sản xuất hàng may mặc 1.000.000 sản phẩm/năm.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

- Nhu cầu lao động: Khoảng 1.000 người (trong đó gồm 40 nhân viên văn phòng và 960 công nhân).

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Quá trình sản xuất của dự án được thực hiện dựa trên khả năng thao tác thủ công của người lao động kết hợp với sự hỗ trợ của máy móc, thiết bị.



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất của nhà máy

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm đầu ra của dự án chủ yếu là lễ phục và quần áo thời trang xuất khẩu như Áo phông, Áo sơ mi, Váy, Áo khoác, Quần bò, Quần dài, Quần sooc, Quần áo bộ trẻ em, Quần áo bộ người lớn.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

4.1. Nhu cầu sử dụng điện:

Nhu cầu cấp điện của Dự án bao gồm: Cấp điện cho các khu vực của nhà máy như khu vực nhà xưởng, khu nhà văn phòng và các công trình phụ trợ.

Dự án xây dựng mới 1 trạm biến áp 1.000KVA - 35/0,4kV đảm bảo cấp điện cho nhà máy. Ngoài ra để đề phòng lúc mất điện dự án còn có 1 máy phát điện dự phòng công suất 500kVA.

- Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ đường dây có sẵn trên đường Quốc lộ 48D.

4.2. Nhu cầu sử dụng nước:

a. Nguồn cung cấp nước

Nguồn cấp: Nguồn nước sử dụng của Nhà máy từ nguồn nước dưới đất.

Mạng lưới cấp nước: Nước sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước cấp được đưa về bể nước sinh hoạt. Từ bể nước sinh hoạt theo đường ống cấp nước chính có đường ống D125mm vận chuyển nước tới các ống nhánh phân phối cho các hạng mục công trình thuộc dự án và cho các hạng chữa cháy.

b. Nhu cầu sử dụng nước

- **Tiêu chuẩn cấp nước:** căn cứ QCVN 01:2021/BXD.

- **Nhu cầu cấp nước:**

- Nước sinh hoạt:

Khi đi vào hoạt động ổn định, số cán bộ công nhân viên tại nhà máy là 1.000 người, hoạt động 1 ca/ngày (8 giờ), tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt cho công nhân là 45 l/người/ngày, cho nhân viên văn phòng là 85 l/người/ngày. Lượng nước cấp sinh hoạt cụ thể là:

1) Nước cấp cho nhân viên văn phòng: $40 \text{ người} \times 85 \text{ lít/người/ngày} = 3,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2) Nước cấp cho công nhân lao động trực tiếp: $960 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ngày} = 43,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước cấp cho quá trình sản xuất:

+ Nước cấp cho hệ thống làm mát: khoảng $4 \text{ m}^3/\text{ngày}$

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

+ Nước cấp cho nồi hơi công nghiệp: khoảng 1,5 m³/ngày

- Nước dự trữ PCCC: 1 đám cháy kéo dài khoảng 3 giờ, định mức cấp nước chữa cháy là 15l/s => lượng nước dự trữ PCCC là 162m³/đám cháy. Tổng nhu cầu cấp nước của Dự án được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 1.1. Tính toán nhu cầu sử dụng nước

| TT | Hoạt động dùng nước | Quy mô | Tiêu chuẩn dùng nước | Lượng nước cần cấp |
|-----------|----------------------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------------------|
| 1 | Nước sinh hoạt | | | 46,6m³/ngày |
| | Nhân viên văn phòng | 40 | 85lit/người/ngày | 3,4 m ³ /ngày |
| | Công nhân lao động trực tiếp | 960 | 45 lit/người/ngày | 43,2 m ³ /ngày |
| 2 | Nước cấp cho hệ thống điều hòa | 1 hệ thống | - | 4 m³/ngày |
| 3 | Nước cấp cho nồi hơi công nghiệp | 2 hệ thống | - | 1,5 m³/ngày |
| | Tổng 1+2 | | | 50,6 m³/ngày |
| 3 | Nước dự trữ cho PCCC | 3 giờ/ đám cháy | 15 l/s | 162 m ³ /đám cháy |

(Nguồn: Hồ sơ dự án)

Chủ đầu tư đã xây dựng Hệ thống XLNT có công suất 150m³/ngày.đêm tại vị trí số 9 trên bản vẽ quy hoạch đã được phê duyệt.

4.3. Nhu cầu sử dụng các loại máy móc thiết bị

Trong quá trình hoạt động hiện tại sử dụng các loại máy móc thiết bị sau:

Bảng 1.2. Danh mục các loại máy móc, thiết bị trong giai đoạn vận hành

| STT | Tên thiết bị | Đơn vị | Số lượng | Tình trạng | Xuất xứ |
|------------|-----------------------------------|---------------|-----------------|-------------------|------------------------------|
| I | Phòng mẫu | | | | Nhật Bản, Việt Nam, Đài Loan |
| 1 | Bảng thông số hóa (nhập mẫu cứng) | Chiếc | 1 | Mới 100% | Nt |
| 2 | Máy in sơ đồ | Chiếc | 3 | Mới 100% | Nt |
| 3 | Máy cắt dập cứng | Chiếc | 2 | Mới 100% | Nt |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| STT | Tên thiết bị | Đơn vị | Số lượng | Tình trạng | Xuất xứ |
|------------|---|---------------|-----------------|-------------------|----------------|
| II | Phòng cắt | | | | |
| 1 | Máy kiểm vải | Chiếc | 4 | Mới 100% | Nt |
| 2 | Máy xả vải | Chiếc | 2 | Mới 100% | Nt |
| 3 | Máy cắt tay 10" | Chiếc | 5 | Mới 100% | Nt |
| 4 | Máy cắt tay 8" | Chiếc | 5 | Mới 100% | Nt |
| 5 | Máy cắt vòng | Chiếc | 2 | Mới 100% | Nt |
| 6 | Máy ép méch | Chiếc | 2 | Mới 100% | Nt |
| 7 | Máy đánh số | Chiếc | 10 | Mới 100% | Nt |
| 8 | Máy cắt đĩa | Chiếc | 2 | Mới 100% | Nt |
| 9 | Sọt đựng hàng | Chiếc | 30 | Mới 100% | Nt |
| 10 | Bàn trải vải không thổi hơi (15m/bàn x 5 bàn = 75m) | Mét | 75 | Mới 100% | Nt |
| 11 | Máy cắt đầu bàn | Chiếc | 8 | Mới 100% | Nt |
| 12 | Bàn trải vải thổi hơi (18 khổ 2,3m) | Mét | 42 | Mới 100% | Nt |
| 13 | Máy trải vải tự động | Chiếc | 5 | Mới 100% | Nt |
| 14 | Xe xả vải | Chiếc | 30 | Mới 100% | Nt |
| III | Chuyên may | | | | |
| 1 | Máy 1 kim Hikari bể dầu kín | Chiếc | 300 | Mới 100% | Nt |
| 2 | Máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ | Chiếc | 300 | Mới 100% | Nt |
| 3 | Máy vắt sổ điện tử 2k4c cỡ nhỏ | Chiếc | 60 | Mới 100% | Nt |
| 4 | Bộ căng chun cho máy vắt sổ cỡ nhỏ | Chiếc | 30 | Mới 100% | Nt |
| 5 | Máy trần đèn đế bằng điện tử | Chiếc | 100 | Mới 100% | Nt |
| 6 | Máy trần đèn xen trái điện tử | Chiếc | 100 | Mới 100% | Nt |
| 7 | Bàn hút | Chiếc | 60 | Mới 100% | Nt |
| 8 | Bàn là | Chiếc | 60 | Mới 100% | Nt |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| STT | Tên thiết bị | Đơn vị | Số lượng | Tình trạng | Xuất xứ |
|------------|-------------------------------------|---------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 9 | Dây bàn là | Chiếc | 60 | Mới 100% | Nt |
| IV | Máy may khác | | | | |
| 1 | Máy đing cúc điện tử Juki | Chiếc | 10 | Mới 100% | Nt |
| 2 | Bộ cấp cúc | Chiếc | 15 | Mới 100% | Nt |
| 3 | Máy đi bo điện tử Juli | Chiếc | 4 | Mới 100% | Nt |
| 4 | Máy thườ bằng điện tử Hikari | Chiếc | 20 | Mới 100% | Nt |
| V | Phòng hoàn thành | | | | |
| 1 | Máy dò kim bằng tải Hashima | Chiếc | 1 | Mới 100% | Nt |
| 2 | Máy dò kim tay Hashima | Chiếc | 1 | Mới 100% | Nt |
| 3 | Súng bắn thẻ bài | Chiếc | 5 | Mới 100% | Nt |
| 4 | Cắt băng dính đóng gói | Chiếc | 50 | Mới 100% | Nt |
| 5 | Xe hàng | Chiếc | 20 | Mới 100% | Nt |
| 6 | Máy hút ẩm | Chiếc | 2 | Mới 100% | Nt |
| VI | Thiết bị văn phòng | | | | |
| 1 | Máy tính | Chiếc | 30 | Mới 100% | Nt |
| 2 | Bàn + ghế | Bộ | 30 | Mới 100% | Nt |
| 3 | Xe công vụ 7 chỗ | Chiếc | 2 | Mới 100% | Nt |
| 4 | Xe đưa đón CB 24 chỗ ngồi | Chiếc | 2 | Mới 100% | Nt |
| 5 | Xe đưa đón CB 47 chỗ ngồi | Chiếc | 1 | Mới 100% | Nt |
| 6 | Điều hòa | Chiếc | 10 | Mới 100% | Nt |
| VII | Thiết bị khác | | | | |
| 1 | Nồi hơi | Chiếc | 2 | Mới 100% | Nt |
| 2 | Máy nén khí | Chiếc | 1 | Mới 100% | Nt |
| 3 | Máy phát điện | Chiếc | 1 | Mới 100% | Nt |
| 4 | Thiết bị điện + hệ thống phòng cháy | Bộ | 1 | Mới 100% | Nt |
| 5 | Giá kệ kho | Chiếc | 1 | Mới 100% | Nt |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| STT | Tên thiết bị | Đơn vị | Số lượng | Tình trạng | Xuất xứ |
|-----|---------------------------|--------|----------|------------|---------|
| 6 | Máy in | Chiếc | 7 | Mới 100% | Nt |
| 7 | Máy photo | Chiếc | 1 | Mới 100% | Nt |
| 8 | Máy fax | Chiếc | 1 | Mới 100% | Nt |
| 9 | Điện thoại bàn | Chiếc | 7 | Mới 100% | Nt |
| 10 | Xe tải | Chiếc | 3 | Mới 100% | Nt |
| 11 | Xe nâng dỡ hàng trong kho | Chiếc | 3 | Mới 100% | Nt |

(Nguồn: Hồ sơ dự án)

4.4. Nhu cầu nguyên vật liệu sản xuất:

Khi Nhà máy đi vào hoạt động với công suất 1.000.000 sản phẩm/năm thì nhu cầu vật tư cho một năm sản xuất dự tính trong bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu về nguyên vật liệu sản xuất trong 1 năm

| STT | Tên vật tư | Đơn vị | Số lượng | Xuất xứ |
|-----|-----------------------------|----------------|-----------|----------|
| 1 | Vải chính khổ các loại | m ² | 1.000.000 | Nhật Bản |
| 2 | Vải lót khổ các loại | m ² | 1.500.000 | Nt |
| 3 | Mex khổ các loại | m ² | 400.000 | Nt |
| 4 | Bông khổ các loại | m ² | 600.000 | Nt |
| 5 | Bo nút | m ² | 50.000 | Nt |
| 6 | Lông vũ | kg | 5.000 | Nt |
| 7 | Cúc bấm | Bộ | 800.000 | Nt |
| 8 | Đinh Rivet | Bộ | 800.000 | Nt |
| 9 | Chốt chặn | Bộ | 800.000 | Nt |
| 10 | Hạt chặn | Bộ | 600.000 | Nt |
| 11 | Ôrê | Bộ | 600.000 | Nt |
| 12 | Khoá móc | Bộ | 800.000 | Nt |
| 13 | Đệm vai | Bộ | 800.000 | Nt |
| 14 | Cúc nhựa các loại | chiếc | 800.000 | Nt |
| 15 | Khoá đai | Bộ | 600.000 | Nt |
| 16 | Nhãn mác các loại | chiếc | 1.200.000 | Nt |
| 17 | Thẻ bài | chiếc | 600.000 | Nt |
| 18 | Túi dự phòng | chiếc | 500.000 | Nt |
| 19 | Đạn nhựa (Dây treo thẻ bài) | chiếc | 300.000 | Nt |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| STT | Tên vật tư | Đơn vị | Số lượng | Xuất xứ |
|-----|----------------------|--------|------------|---------|
| 20 | Mắc treo | chiếc | 300.000 | Nt |
| 21 | Vòng cổ | chiếc | 300.000 | Nt |
| 22 | Chỉ may | m | 10.000.000 | Nt |
| 23 | Băng dán đường may | m | 200.000 | Nt |
| 24 | Băng viền (dây viền) | m | 200.000 | Nt |
| 25 | Chun các loại | m | 110.000 | Nt |
| 26 | Túi nylon | chiếc | 120.000 | Nt |
| 27 | Băng dán thùng | m | 30.000 | Nt |

(Nguồn: Hồ sơ Công ty)

4.5. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu khác:

Nhiên liệu phục vụ cho hoạt động của dự án bao gồm:

- Dầu DO cho nồi hơi và máy phát điện dự phòng:

+ Nồi hơi công suất 1000kg/giờ: 76,2 lít/giờ x 8h/1 ngày x 26 ngày x 12 tháng = 190.195,2 lít (tương ứng với 190 m³/1 năm).

+ Nồi hơi công suất 500kg/giờ: 38,1 lít/giờ x 8h/1 ngày x 26 ngày x 12 tháng = 95.097,6 lít (tương ứng với 95 m³/1 năm).

+ Máy phát điện dự phòng: Khoảng 20.000 lít (tương ứng với 20 m³/năm)

Vậy tổng lượng dầu DO dự kiến sử dụng là: 190 m³ + 95 m³ + 20m³= 305 m³

- Dầu cho máy may công nghiệp: sử dụng loại dầu Shell Vexilla G, khối lượng khoảng 240 lít/năm.

- Gas phục vụ cho hoạt động nấu nướng tại nhà ăn 1.500 kg/năm.

- Hóa chất trong công đoạn xử lý nước cấp và xử lý nước thải: hóa chất xử lý nước thải, xử lý nước cấp.

Bảng 1.4. Hóa chất sử dụng của dự án

| TT | Tên hóa chất | Công thức Hóa học | Nhận biết | Công dụng | Khối lượng (tháng) |
|----|--------------------|---|---------------------|-----------------|--------------------|
| 1 | PAC | [Al ₂ (OH) _n Cl _{6-n} .xH ₂ O] _m | Bột màu vàng | Xử lý nước cấp | 35kg |
| 2 | Axit Sunfuric | H ₂ SO ₄ | Chất lỏng không màu | Xử lý nước cấp | 15l |
| 3 | Natri hypochlorite | NaClO | Dạng bột trắng | Xử lý nước thải | 60kg |
| 4 | Muối Natri clorua | NaCl | Chất lỏng không màu | Xử lý nước thải | 65kg |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| | | | | | |
|---|--------------|---|----------------------|-----------------|------|
| 5 | Mật ri đường | - | Lông đặc, màu nâu đỏ | Xử lý nước thải | 120l |
|---|--------------|---|----------------------|-----------------|------|

Các nhiên liệu dầu Diesel, hóa chất được mua trực tiếp trên địa bàn và không sử dụng kho lưu giữ để hạn chế sự cố cháy nổ.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

5.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng khu đất thực hiện dự án

Dự án đầu tư Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An) đã có Hợp đồng thuê đất số 148/HĐ-TH ngày 11/9/2024 giữa Ủy ban nhân tỉnh Nghệ An với Công ty TNHH Four Leaf Dress.

Khu đất Nhà máy có diện tích là 19.089,0m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 181195 cho Công ty TNHH Four Leaf Dress. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 04/6/2074.

Dự án đã được cấp giấy phép xây dựng số 04/GPXD-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Đàn cấp phép ngày 26/6/2024 cho Công ty TNHH Four Leaf Dress.

Hiện tại dự án đã cơ bản hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình đảm bảo tiến độ đầu tư dự án.

5.2. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư:

Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch dự án là 20.000,8m². Gồm các thông số như sau:

- Diện tích lập quy hoạch: 19.089,0m²;
- Diện tích đất hoàn trả: 911,8 m²;
- Tổng diện tích đất xây dựng: 10.187,0 m²;
- Diện tích cây xanh, sân đường giao thông nội bộ: 8.970,0 m²;
- Diện tích bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật: 20.164,0 m²;
- Mật độ xây dựng: 53,3%;
- Tầng cao công trình: 01 tầng.

1.2.1. Các hạng mục công trình chính

Bảng 1.5. Tổng hợp các hạng mục công trình của dự án

| STT | Hang mục | Diện tích xây dựng (m ²) | Tầng cao (tầng) |
|-----|-------------------------------|--------------------------------------|-----------------|
| 1 | Cổng chính, biển hiệu, cột cờ | - | - |
| 2 | Nhà trực bảo vệ | 25 | 01 |
| 3 | Nhà văn phòng | 450,0 | 01 |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| | | | |
|----|--------------------------|-------------|----------|
| 4A | Nhà Gara xe 1 | 402,0 | 01 |
| 4B | Nhà Gara xe 2 | 300,0 | 01 |
| 4C | Nhà Gara xe 3 | 144,0 | 01 |
| 4D | Nhà Gara xe 4 | 72,0 | 01 |
| 5 | Nhà xưởng, kho và nhà ăn | 7.950,0 | 01 |
| 6A | Kho rác 1 | 100,0 | 01 |
| 6B | Kho rác 2 | 64,0 | 01 |
| 7 | Bể nước | 250,0 | - |
| 8 | Trạm bơm và đài nước | 50,0 | - |
| 9 | Bể xử lý nước thải | 180,0 | - |
| 10 | Nhà để máy phát điện | 96,0 | 01 |
| 11 | Trạm điện | 36,0 | - |
| 12 | Tạc dầu đặt chìm | 40,0 | - |

5.3. Hiện trạng hạ tầng khu vực dự án

Khu đất xây dựng dự án nằm thuộc địa phận xã Nghĩa Đàn – tỉnh Nghệ An, nơi đây có hạ tầng kỹ thuật khá thuận lợi. Dự án được kết nối với những tiện ích dịch vụ đa dạng, vị trí giao thông thuận tiện.

- *Giao thông:* Dự án tiếp giáp Quốc lộ 48D.

- Các công trình trọng điểm trong khu vực:

+ Cách dự án khoảng 1km về phía Đông Bắc là Cụm công nghiệp nhỏ Nghĩa Mỹ.

+ Cách dự án khoảng 1,5km về phía Đông Nam là Trụ sở các cơ quan đoàn thể của UBND xã Nghĩa Đàn.

5.4. Tiến độ thực hiện dự án:

- Hoàn thành và đưa dự án đi vào hoạt động trong vòng 12 tháng kể từ ngày được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

- *Quy hoạch BVMT Quốc gia:*

Dự án phù hợp với Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cụ thể, cơ sở phù hợp với mục tiêu chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường.

- *Chiến lược BVMT Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030:*

Dự án phù hợp với Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 5/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Cụ thể, dự án phù hợp với nhóm mục tiêu cải thiện điều kiện sống của người dân.

Theo Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022, dự án có các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với các nhóm nhiệm vụ của chiến lược, bao gồm: nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường; nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; nhóm giải pháp tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- *Quy hoạch tỉnh Nghệ An:*

Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng chính phủ.

+ Về phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh: phát triển các ngành dịch vụ nhanh, hiệu quả, bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh dự án thuộc vùng 1 và ngành du lịch;

+ Về phương án phân vùng bảo vệ môi trường: Dự án không thuộc danh mục vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

- Dự án phù hợp với các quy hoạch /kế hoạch sử dụng đất của huyện Nghĩa Đàn và xã Nghĩa Trung trước đây tại các văn bản:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

+ Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 11/03/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nghĩa Đàn.

+ Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch huyện Nghĩa Đàn.

- Dự án phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới”.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải môi trường:

Hoạt động chính của dự án với ngành nghề chính là gia công hàng may mặc xuất khẩu. Nhà máy phát sinh nước thải, chất thải rắn, khí thải.

Về nước thải, lượng nước thải chủ yếu của nhà máy là nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân nhà máy, nước thải từ hoạt động sản xuất. Lượng nước thải phát sinh tại nhà máy khoảng 50,6 m³/ngày.đêm. Hệ thống xử lý nước thải Nhà máy May Four Leaf Dress sử dụng công nghệ sinh học kết hợp giá thể vi sinh di động MBBR có công suất 150 m³/ngày.đêm, đây là công nghệ mới có hiệu quả xử lý cao, đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn đầu ra cột B, QCVN 40:2011/BTNMT ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$) quy định giá trị thông số ô nhiễm của nước thải khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Nước thải sau xử lý được thoát ra nguồn tiếp nhận là mương nội đồng cạnh Nhà máy.

Hiện trạng xả thải tại khu vực: ngoài nước thải của nhà máy, mương nội đồng còn tiếp nhận nước thải sinh hoạt của người dân địa phương và các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, nước mưa trong khu vực... Thành phần tính chất nước thải là nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả thải ra mương nội đồng. Theo công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn thải cho phép, việc xả nước thải vào nguồn nước không làm ảnh hưởng tới mục tiêu sử dụng của nguồn nước tiếp nhận. Vì vậy khả năng tiếp nhận của mương nội đồng đối với nước thải của Nhà máy là phù hợp.

Chế độ thủy văn của mương nội đồng thay đổi theo mùa, lưu lượng nước đạt cực đại vào các mùa mưa do lượng nước mưa được tăng cường và quá trình thấm thấu nước dưới đất cũng diễn ra với cường độ lớn cũng như lượng nước chảy từ các vùng khác cũng nhiều hơn. Ngoài ra chế độ thủy văn của mương còn phụ thuộc phần lớn vào hoạt động động tưới tiêu nông nghiệp của nông dân khu vực xung quanh. Qua khảo sát, kích thước của mương thủy lợi đủ khả năng tiếp nhận lưu lượng nước thải xả

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

thải của nhà máy.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

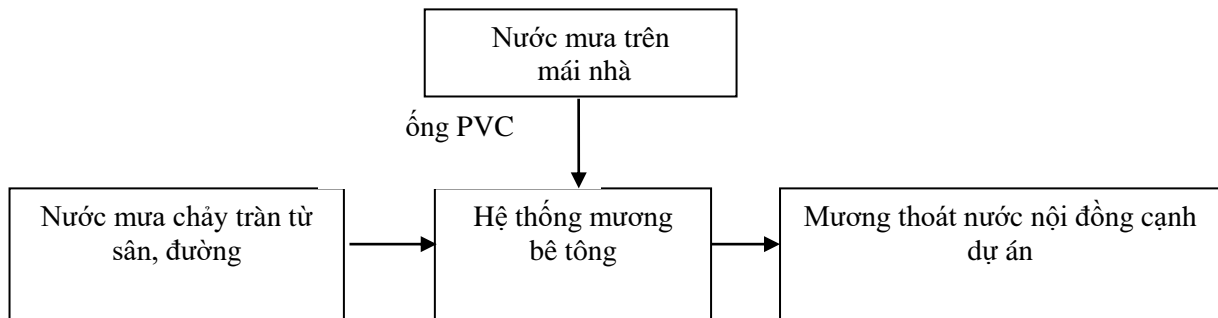
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Thu gom, thoát nước mưa:



Hình 3.1: Sơ đồ thoát nước mưa của dự án

Nước mưa chảy tràn có mức độ ô nhiễm không đáng kể nên được dẫn vào hệ thống thoát nước riêng bao gồm:

Đối với nước mưa chảy tràn trên mái nhà, ban công, các căn hộ lắp đặt các ống PVC DN110 để thu nước mái chảy xuống chân công trình, dưới chân công trình bố trí hố ga thu nước mái và chảy vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà.

Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn ngoài nhà hoạt động theo chế độ tự chảy từ bề mặt đường, sân bãi xuống mương thoát mưa dọc đường nội bộ. Xây dựng hệ thống mương thoát nước mưa chảy theo độ dốc sân đường, vào hệ thống thu nước xung quanh nhà xưởng và mương xây hoàn trả phía Tây Nam dự án đổ vào mương đất nằm cạnh dự án và thoát ra hệ thống mương đất theo hướng Đông.

- + Xây dựng mương thoát nước bê tông B= 0,5m có chiều dài 432m.
- + Xây dựng mương thoát nước bê tông B= 0,6m có chiều dài 39m.
- + Cống tròn BTCT D=0,5m có chiều dài 15m; D= 0,6m có chiều dài 20m.
- + Hoàn trả mương thoát nước phía Tây Nam B= 0,6m có chiều dài 208m (mương hở bê tông).
- + Hướng thoát nước mưa chảy tràn của dự án từ Tây Bắc xuống Tây Nam, đầu nối với mương thoát nước nội đồng Tây Nam tại 02 điểm.

+ Bố trí nhân viên thường xuyên quét dọn tuyến đường nội bộ, khai thông cống rãnh tránh tắc nghẽn làm ngập úng khu vực dự án. Hố ga được định kì nạo vét thường

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

xuân khoảng 1 tháng/lần. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

Tọa độ vị trí điểm xả nước mưa (theo hệ tọa độ VN2000 KTT 105°30' múi chiều 3°):

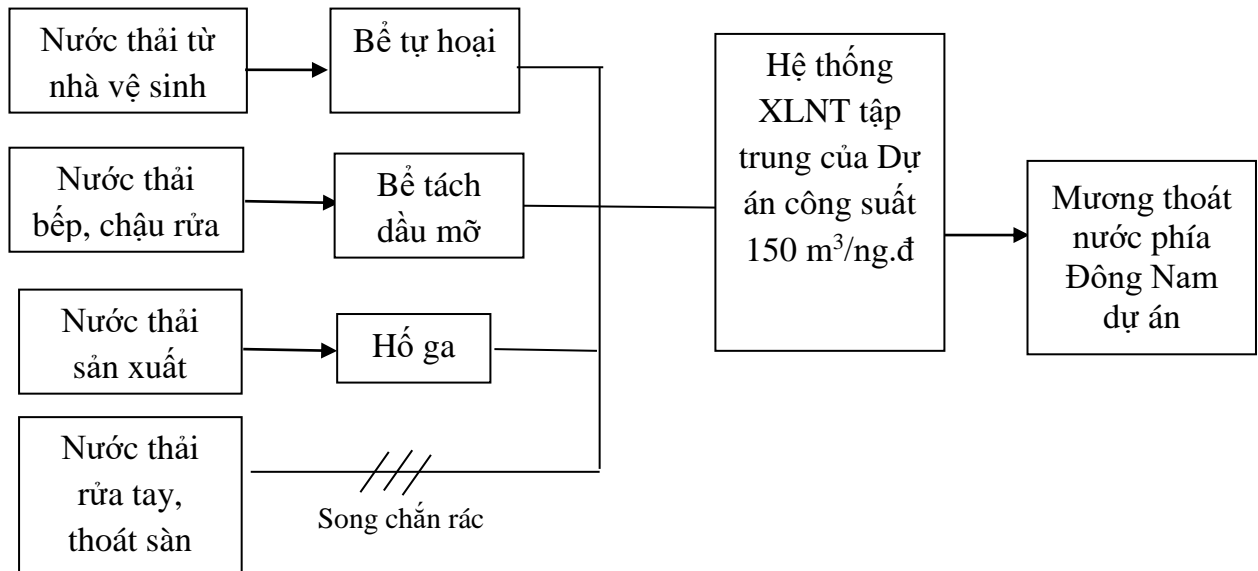
+ Vị trí thoát nước mưa số 1: $X = 2136784$, $Y = 575692$.

+ Vị trí thoát nước mưa số 2: $X = 2136835$, $Y = 575738$

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án được xây dựng riêng hoàn toàn độc lập với hệ thống thoát nước mưa.

Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải của dự án như sau:



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

Nước thải của Dự án bao gồm nước thải vệ sinh (nước thải phát sinh từ bồn cầu), nước thải khu vực bếp, nước thải từ sản xuất và nước thải rửa tay chân, thoát sàn được thu gom theo 04 hệ thống đường ống:

Dòng thứ 1: Nước thải từ quá trình thải của con người (từ các nhà vệ sinh). Nước thải này có hàm lượng BOD và COD cao: chủ đầu tư đã xây dựng các bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Cặn ở bể tự hoại định kỳ khoảng 1 năm sẽ được hút 1 lần bằng cách thuê các phương tiện chuyên dụng của đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

Dòng thứ 2: Nước thải từ khu vực nhà bếp theo mương D200 chảy về khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

Dòng thứ 3: Nước thải sản xuất (bao gồm nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp, nước thải nồi hơi) theo mương D200 chảy về khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

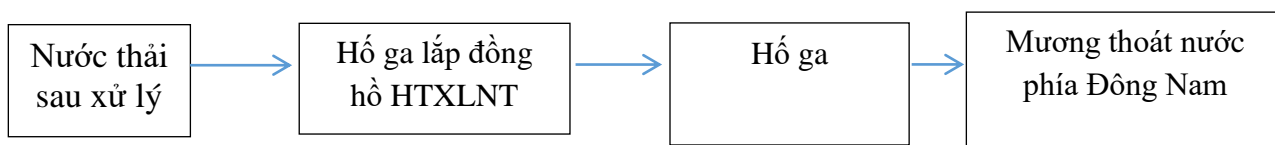
Dòng thứ 4: Nước thải từ hoạt động rửa tay chân, lau sàn,... loại nước thải này có được qua song chắn rác sau đó thoát theo theo mương D200 dẫn vào bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

Bảng 3.1. Bảng thống kê khối lượng thoát nước thải

| STT | Tên vật tư | Đơn vị | Khối lượng |
|-----|------------|--------|------------|
| 2 | Cống D200 | m | 432 |
| 3 | Hố ga | Hố | 17 |

Điểm đầu nối nước thải sau xử lý

Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải thoát ra mương thoát nước phía Đông Nam dự án.



Hình 3.3. Sơ đồ đầu nối nước thải

Chế độ đầu nối nước thải: liên tục, 24h/ngày.

Phương thức đầu nối: Tự chảy.

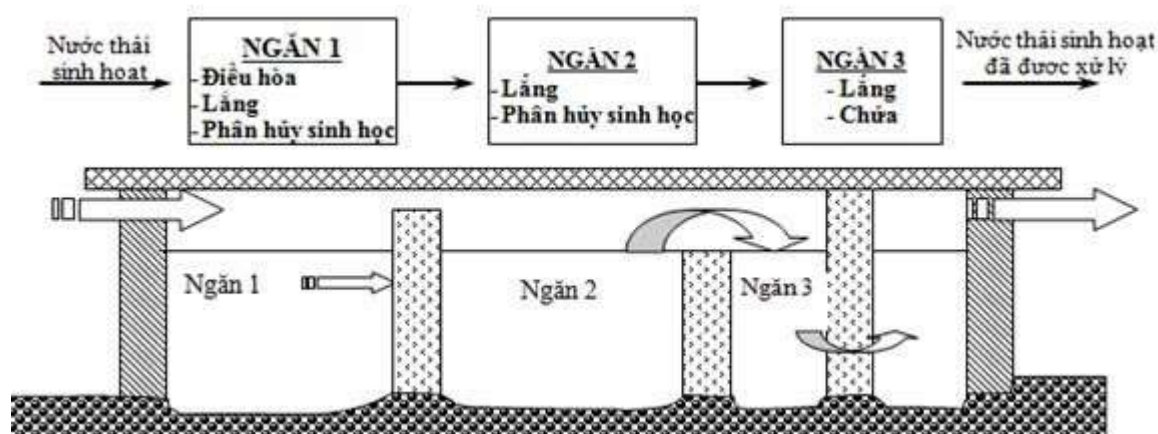
Tọa độ vị trí điểm đầu nối (theo VN2000 KTT 105°30' múi chiều 3°): Mương thoát nước phía Đông Nam có tọa độ X = 2136836, Y = 575739.

1.3. Xử lý nước thải

Nước thải phát sinh tại dự án được phân làm 4 dòng để xử lý:

Dòng thứ 1: Nước thải từ quá trình thải của con người (từ các nhà vệ sinh): Chủ đầu tư đã xây dựng bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại được đầu tư xây dựng ngầm dưới các công trình của dự án. Cặn ở bể tự hoại định kỳ khoảng 1 năm sẽ được hút 1 lần bằng cách thuê các phương tiện chuyên dụng. Nước sau quá trình xử lý ở bể tự hoại dẫn về khu xử lý nước thải tập trung.

Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn



Hình 3.4. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt

Nguyên tắc hoạt động:

Nước thải sinh hoạt từ các bộ xí, chậu tiêu của nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí (yếm khí) sẽ bị phân hủy, một phần tạo các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan. Nước thải qua bể tự hoại được lắng cặn và lên men (cặn lắng chủ yếu là chất hữu cơ không tan). Cặn lắng được giữ trong bể, dưới tác động của vi khuẩn yếm khí cặn được phân hủy thành các chất khí và không hòa tan, nước được lưu để đảm bảo xử lý hiệu quả.

Nước sau quá trình xử lý ở bể tự hoại theo hệ thống thoát nước thải của Dự án, dẫn về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu:

- + Bể tự hoại vận hành đơn giản;
- + Không tốn chi phí vận hành do không sử dụng điện năng, hóa chất,...
- + Yêu cầu kỹ thuật trong lắp đặt vận hành đơn giản.

- Chủ đầu tư đã xây dựng bể tự hoại 3 ngăn dưới chân công trình tại các vị trí như sau:

- + 01 bể tại Nhà bảo vệ với thể tích là $7,31\text{m}^3$ (kích thước $1,95\text{m} \times 2,5\text{m} \times 1,5\text{m}$).
- + 02 bể tại khu vực nhà văn phòng với thể tích mỗi bể là $7,92\text{ m}^3$ (kích thước $2,4\text{m} \times 2,2\text{m} \times 1,5\text{m}$) → Tổng thể tích $15,84\text{ m}^3$.
- + 05 bể tại khu vực nhà xưởng với thể tích $25,34\text{ m}^3$ (kích thước $4,4\text{m} \times 3,2\text{m} \times 1,8\text{m}$) → Tổng thể tích $126,72\text{ m}^3$.

Tổng thể tích các bể tự hoại tại dự án là $149,87\text{ m}^3$.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

Dòng thứ 2: Nước thải từ hoạt động nấu nướng khu vực nhà bếp được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ có thể tích sau đó dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

Dòng thứ 3: nước thải từ hoạt động rửa mặt, tay chân,... được chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn như (nilon, giấy, tóc,...) rồi theo đường ống chảy về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý.

Dòng thứ 4: nước thải sản xuất (bao gồm nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp và nước thải của nồi hơi đốt dầu) được thu gom qua hố ga rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

***Hệ thống xử lý nước thải tập trung**

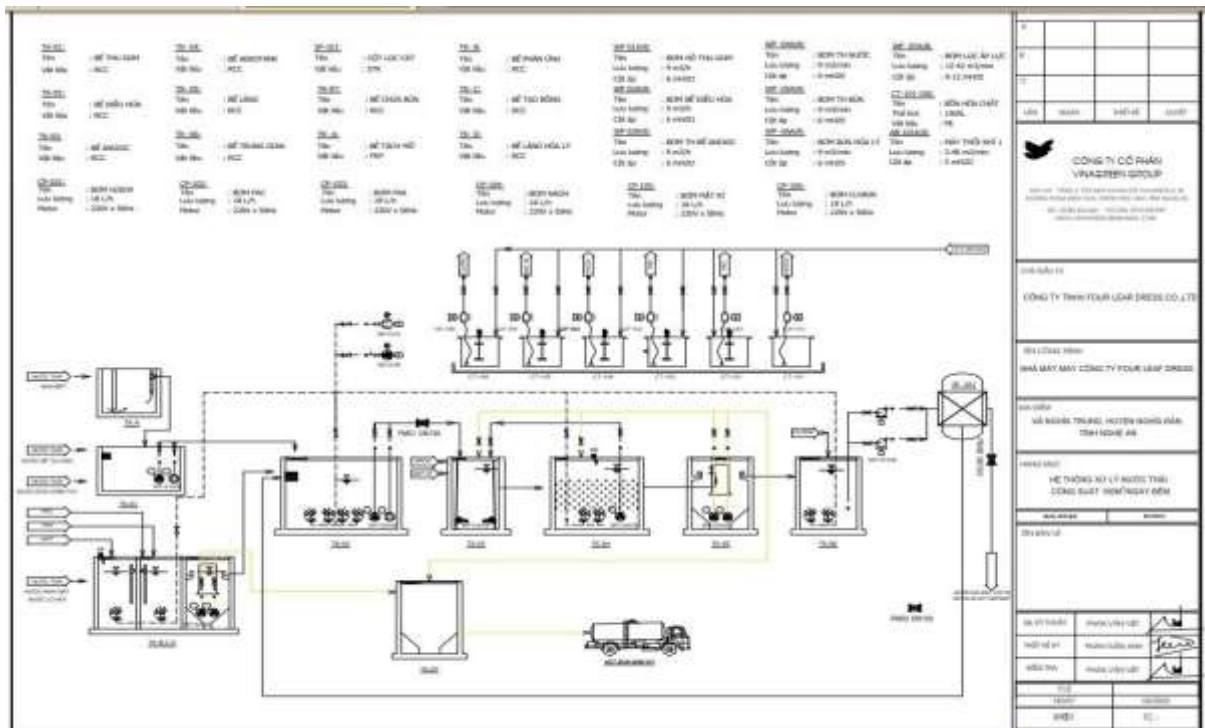


Hình 3.5. Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung

Đơn vị thiết kế và thi công hệ thống XLNT: Công ty Cổ phần Vinagreen Group.

+ Mặt bằng hệ thống bể xử lý nước thải (theo bản vẽ hoàn công):

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)



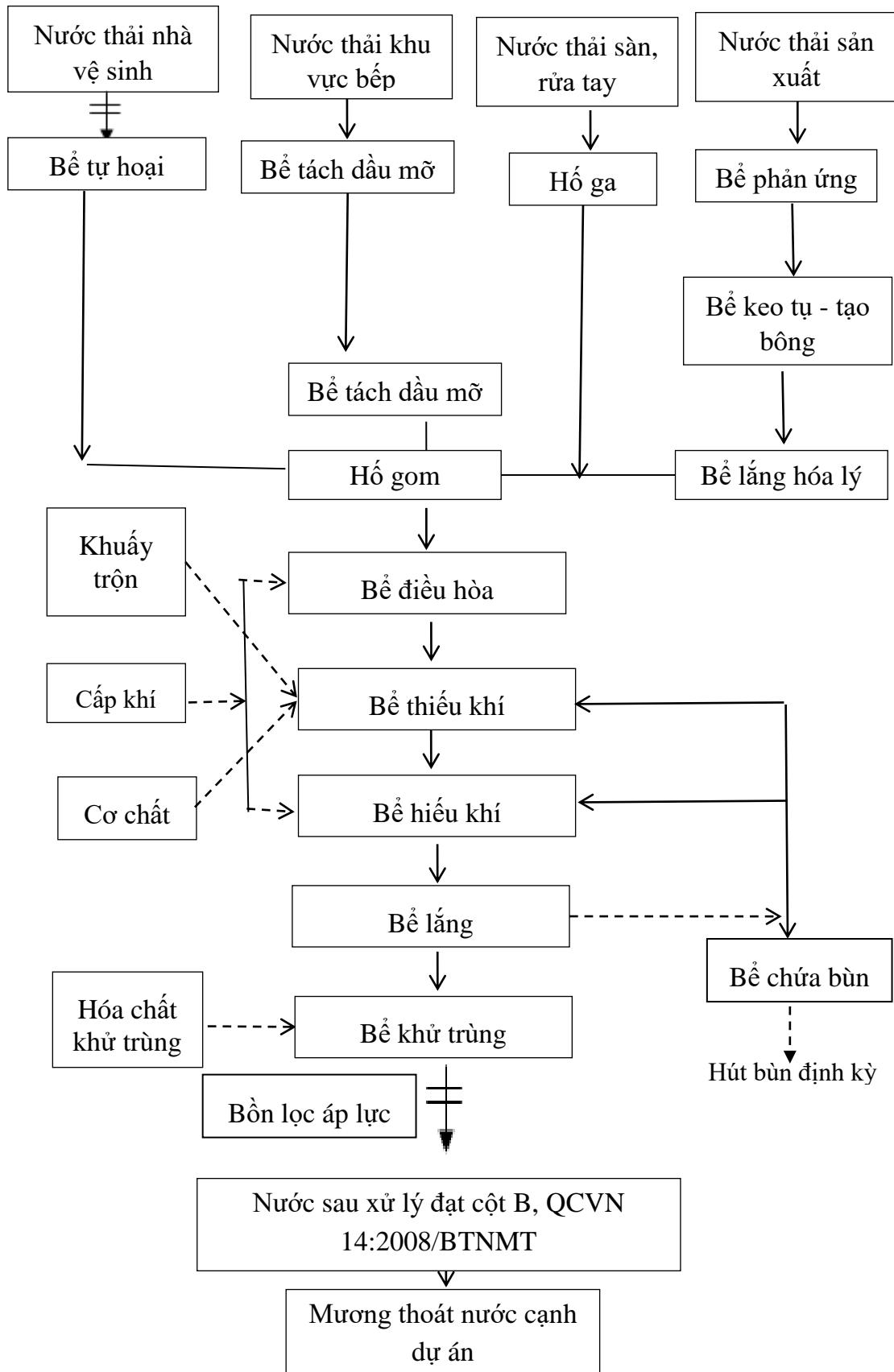
Hình 3.6. Mặt bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung

Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm đặt tại vị trí số 9 trên bản vẽ quy hoạch.

Công nghệ xử lý: Xử lý bằng công nghệ sinh học: nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và bể tách dầu mỡ; nước thải sản xuất được thu gom qua bể phản ứng và bể keo tụ - tạo bông. Toàn bộ nước thải sau đó được xử lý qua các bể: bể gom, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng, bể khử trùng, bồn lọc áp lực. Đây là công nghệ xây dựng dễ dàng, vận hành đơn giản, hiệu quả xử lý cao và đã được áp dụng xử lý hiệu quả tại các dự án tương tự.

Sơ đồ công nghệ HTXLNT cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)



Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải tập trung

Thuyết minh hệ thống xử lý nước thải:

- Dòng nước thải từ nhà bếp được thu gom qua bể tách dầu mỡ.
- Cụm bể xử lý nước thải sản xuất:

Đầu tiên, nước thải sản xuất từ nước thải nổi hơi và nước thải từ quá trình xử lý nước cấp được thu gom về cụm bể xử lý nước thải sản xuất, tại đây nước thải được xử lý sơ bộ trước khi về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy. Quá trình xử lý qua các bể: bể phản ứng, bể keo tụ tạo bông, bể lắng hóa lý.

Nước thải có nồng độ nồng độ pH thấp nên được dẫn qua bể phản ứng châm hóa chất để điều hòa nồng độ pH trước khi qua bể keo tụ tạo bông.

Nước thải sau đó được bơm lên bể keo tụ tạo bông. Tại đây hóa chất được châm vào nhằm liên kết tạo thành các bông cặn có kích thước lớn và PAC sẽ được châm vào để tăng cường quá trình oxy hóa các chất ô nhiễm còn lại trong nước rác. Sau đó tại ngăn lắng bùn được lắng xuống đáy, nước trong chảy qua máng tràn vào bể lắng hóa lý.

Sau quá trình keo tụ tạo bông để kết tủa các chất thải có trong nước, hỗn hợp nước thải và bùn cặn tự chảy sang bể lắng hóa lý. Tại đây, nhờ cơ chế khuấy trộn tĩnh và cơ chế trọng lực bùn và nước thải sau xử lý còn cặn lắng sẽ được lọc lại lần nữa, bùn lắng xuống đáy bể định kỳ được xả về ngăn lắng chứa bùn.

Bể thu gom: thu gom toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án.

Bể điều hòa: bể điều hòa có tác dụng làm đồng đều pH, nồng độ chất ô nhiễm và lưu lượng trong toàn bộ chu kỳ xử lý trong ngày của hệ thống xử lý.

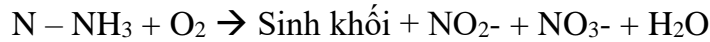
Tại các bể điều hòa, nước thải được hòa trộn bằng hệ thống sục khí thô giúp điều hòa lưu lượng, nồng độ và một phần phân hủy những chất ô nhiễm. Sau đó nước thải được hai bơm chìm bơm về bể thiếu khí. Hai bơm chìm hoạt động luân phiên và điều khiển bởi bộ phao cảm ứng mực nước.

Bể thiếu khí Anoxic: nước thải tiếp tục được đưa vào bể Anoxic, để loại bỏ phần lớn chất hữu cơ hòa tan trong nước. Để bể Anoxic hoạt động đạt hiệu quả cao nhất, bố trí máy khuấy trộn nước và có hệ thống hồi lưu bùn vi sinh và nước từ quá trình sau về bể. Mật rỉ đường là một nguồn carbon cung cấp năng lượng bổ sung cho vi sinh vật. Mật rỉ đường được bổ sung bằng bơm định lượng hóa chất vào bể thiếu khí mục đích tạo môi trường thuận lợi cho các vi sinh vật phát triển và hỗ trợ quá trình phân hủy chất hữu cơ trong các hệ thống xử lý nước thải.

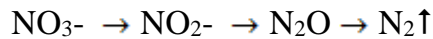
Nước thải sinh hoạt nói chung đều chứa hàm lượng Amoni, T-N cao phát sinh từ nước tiểu từ nhà vệ sinh đi vào hệ thống xử lý. Quá trình xử lý Amoni, T-N trong nước thải gọi là quá trình De-nitrification diễn ra theo 2 bước.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

Bước 1: Là quá trình tổng hợp sinh khối vi sinh vật trong bể hiếu khí đồng thời chuyển hóa Amoni sang dạng nitơ rít (NO₂⁻) và nitơ rít (NO₃⁻)

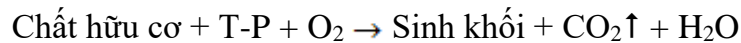


Bước 2: Là quá trình tổng hợp sinh khối vi sinh vật trong bể thiếu khí đồng thời chuyển hóa nitơ từ nitơ rít (NO₂⁻) và nitơ rít (NO₃⁻) sang dạng khí nitơ phân tử (N₂) giải phóng ra khỏi nước thải.



Bể vi sinh hiếu khí: trong nước thải chứa hàm lượng BOD₅ và TSS cao do đó cần phải có công đoạn xử lý hiếu khí. Cơ chế quá trình xử lý hiếu khí là sự chuyển hóa chất ô nhiễm của vi sinh vật trong môi trường hiếu khí để tạo sinh khối mới (bùn hoạt tính), bùn hoạt tính này sẽ được tách loại ra khỏi nước thải bằng cơ chế lắng trọng lực tại bể lắng.

Quá trình oxy hóa sinh học trong bể oxíc như sau:



Để tăng cường khả năng xử lý của bể sinh học hiếu khí thêm vào bể giá thể MBBR. Thể tích của vật liệu MBBR so với thể tích bể được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp. NaOH được bổ sung bằng bơm định lượng hóa chất giúp kiểm soát pH (thường từ 6.5 đến 7.5) để tạo điều kiện thuận lợi cho các vi sinh vật hoạt động, hỗ trợ các phản ứng hóa học, và giúp quá trình xử lý nước thải hiệu quả hơn.

Tuần hoàn nước thải từ bể hiếu khí về bể thiếu khí trong hệ thống xử lý nước thải, đặc biệt là để xử lý NO₃⁻ (nitrat). Trong bể hiếu khí, nitrat (NO₃⁻) được hình thành qua quá trình nitrat hóa (do vi sinh vật hiếu khí), chuyển đổi ammoniac (NH₄⁺) thành nitrat (NO₃⁻). Nếu nước thải không tuần hoàn từ bể hiếu khí về bể thiếu khí, nitrat sẽ không được xử lý hoàn toàn và có thể tồn đọng trong nước thải ra ngoài. Khi nước thải từ bể hiếu khí có chứa nitrat được tuần hoàn vào bể thiếu khí, vi sinh vật thiếu khí sẽ tiếp tục khử nitrat, chuyển nitrat thành khí nitơ (N₂) và thải ra ngoài mà không gây ô nhiễm.

Bể lắng: nước từ bể hiếu khí sang bể lắng bùn để phân tách bùn ra khỏi nước theo nguyên lý trọng lực. Bùn nặng hơn lắng xuống đáy bể lắng và định kỳ tuần hoàn sang bể chứa bùn. Nước sạch được thu qua máng thu nước chảy qua bể khử trùng.

Bể chứa bùn: bùn được thu định kỳ từ bể lắng sang bể chứa bùn, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút vận chuyển xử lý. Tần suất trung bình dự kiến khoảng 1 năm/lần. Chủ dự án đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển, xử lý đúng quy định.

Bể khử trùng: nước thải trước khi chảy ra ngoài môi trường được khử trùng bằng hóa chất khử trùng Clorine nhằm đảm bảo nước thu được sau xử lý đạt quy chuẩn theo

QCVN 40:2011/BTNMT cột B sau đó tự chảy ra mương thoát nước phía Đông Nam dự án.

Bảng 3.1. Kích thước các bể trong Hệ thống XLNT

| TT | Các bể | Thông số thiết kế (m) | | | Thể tích (m ³) | Thời gian lưu lắng (h) | Kết cấu |
|----|----------------------|-----------------------|------|-----|----------------------------|------------------------|--|
| | | Dài | Rộng | Cao | | | |
| 1 | Bể tách mỡ | 2,6 | 1 | 2,5 | 6,5 | 1,04 | Tường xây bằng gạch đặc trát vữa 2 mặt, dầm BTCT |
| 2 | Bể phản ứng | 1,35 | 1 | 2,5 | 3,375 | 0,54 | |
| 3 | Bể keo tụ - tạo bông | 1,35 | 1 | 2,5 | 3,375 | 0,54 | |
| 4 | Bể lắng hóa lý | 2,2 | 1,75 | 2,5 | 9,625 | 1,54 | |
| 5 | Bể thu gom | 2,6 | 1 | 2,5 | 6,5 | 1,04 | |
| 6 | Bể điều hòa | 6 | 3 | 2 | 36 | 5,76 | |
| 7 | Bể thiếu khí | 6 | 2,5 | 2,5 | 37,5 | 6 | |
| 8 | Bể vi sinh hiếu khí | 6 | 3,5 | 2,5 | 52,5 | 8,4 | |
| 9 | Bể lắng sinh học | 2,1 | 1,8 | 2,5 | 9,45 | 1,51 | |
| 10 | Bể khử trùng | 1,8 | 1,75 | 2,5 | 7,875 | 1,26 | |
| 11 | Bể chứa bùn | 1,8 | 1,75 | 2,5 | 7,875 | 1,26 | |

(Nguồn: Hồ sơ dự án)

Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Đóng MCCB tổng trong tủ phân phối chính của Hệ thống:

Kiểm tra đèn báo pha, có đủ số pha (3 pha) không.

Kiểm tra nối đất an toàn và cách điện của thiết bị.

Dùng đồng hồ Vôn kiểm tra tình trạng đủ điện áp của nguồn điện.

Khi các điều kiện trên đã đáp ứng được yêu cầu thì tiến hành đóng MCCB tổng trong tủ điều khiển. Đóng lần lượt các MCB trong tủ cấp nguồn động lực 3 pha cho các thiết bị dùng điện trong hệ thống.

Trình tự và nguyên tắc vận hành các thiết bị:

Có 2 chế độ: Auto - Chạy tự động và Manual - Thao tác bằng tay

Bằng tay: Gạt công tắt chuyển sang Man (máy chạy), gạt công tắt chuyển sang Off (tắt máy).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

Tự động: tất cả các thiết bị đều được điều khiển tự động bằng timer đã lập trình sẵn bằng cách gạt công tắc chuyển của các thiết bị sang chế độ Auto.

Chế độ MAN: Bơm chạy độc lập theo người vận hành.

Chế độ AUTO: Bơm chạy luân phiên nhau theo phao báo mức bể và cài đặt thời gian luân phiên theo bảng điều khiển từ máy tính điều khiển.

Chuyển mạch 3 vị trí dùng để chuyển đổi qua lại giữa chế độ MAN và AUTO hoặc OFF.

Đèn vàng báo hiệu thiết bị đang bị quá tải.

Đèn xanh báo hiệu thiết bị đang hoạt động.

Vị trí lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải

Hiện tại HTXLNTT đang sử dụng chung nguồn điện từ tủ cấp nguồn của dự án. Chủ dự án đã lắp đặt 1 đồng hồ đo lưu lượng nước thải sau xử lý lắp đặt sau bể khử trùng.

Bảng 3.2. Các loại hóa chất sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3.2. Hóa chất sử dụng của dự án

| TT | Tên hóa chất | Công thức Hóa học | Nhận biết | Công dụng | Khối lượng (tháng) |
|----|--------------------|-------------------------------|----------------------|-----------------|--------------------|
| 1 | PAC | $[Al_2(OH)_nCl_{6-n}xH_2O]_m$ | Bột màu vàng | Xử lý nước cấp | 35kg |
| 2 | Axit Sunfuric | H_2SO_4 | Chất lỏng không màu | Xử lý nước cấp | 15l |
| 3 | Natri hypochlorite | $NaClO$ | Dạng bột trắng | Xử lý nước thải | 60kg |
| 4 | Muối Natri clorua | $NaCl$ | Chất lỏng không màu | Xử lý nước thải | 65kg |
| 5 | Mật ri đường | - | Lỏng đặc, màu nâu đỏ | Xử lý nước thải | 120l |

- **Nguồn nước tiếp nhận nước thải:** Nước thải sau xử lý tự chảy theo đường ống D200 chiều dài khoảng 5m thoát ra mương thoát nước phía Đông Nam dự án.

- **Vị trí đầu nối:** Tọa độ vị trí đầu nối (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X = 2136836, Y = 575739.

- Phương thức đầu nối:

+ Phương thức: tự chảy.

+ Chế độ: liên tục;

+ Chu kỳ: 24h/ngày.đêm;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

+ Lưu lượng lớn nhất: 150 m³/ngày.đêm, tương đương với 6,25 m³/giờ.

- **Chất lượng nước thải:** xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi đầu nối, QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) (K_q=0,9, K_r=1) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

a. Bụi và khí thải từ nhà xưởng sản xuất

- Thiết kế nhà xưởng đảm bảo thông thoáng;
- Nhà xưởng có phân khu chức năng rõ ràng, thông thoáng;
- Thực hiện quá trình dọn vệ sinh, hút bụi trong khu nhà xưởng sản xuất vào cuối ngày làm việc để giảm lượng bụi phát sinh;

- Bố trí hệ thống quạt thông gió phù hợp với điều kiện thực tế, dự kiến lắp đặt khoảng 25÷30 quạt tại nhà xưởng sản xuất để hút các khí thải phát sinh ra ngoài. Hệ thống quạt hút gió được bố trí bên hông các nhà xưởng, hoạt động liên tục trong quá trình sản xuất tạo ra luồng không khí đối lưu liên tục làm cho khu vực sản xuất thông thoáng;

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại nhà máy.

b. Bụi và khí thải từ nồi hơi đốt dầu

Khi đi vào hoạt động, Nhà máy sẽ sử dụng nồi hơi đốt dầu để cung cấp nhiệt cho quá trình sản xuất của nhà máy.

Nhà máy sử dụng 02 nồi hơi đốt dầu DO để giảm thiểu khí thải phát sinh trong nhà máy, công suất 1000 kg/giờ và 500kg/giờ để cấp nhiệt cho công đoạn là sản phẩm.

*** Các thông số kỹ thuật của nồi hơi điện:**

1. Nồi hơi MIURA EH-500F

- Áp suất làm việc: 0,49-0,88 Mpa
- Công suất thiết kế: 500kg/giờ (tương đương 0,5 tấn hơi/1 giờ)
- Công suất thực tế: 419 kg/h.
- Nguồn điện: 380V/50Hz/3 ph.
- Nhiên liệu: Dầu DO.

2. Nồi hơi MIURA EH – 1000F

- Áp suất làm việc: 0,49-0,88 Mpa
- Công suất thiết kế: 1000kg/giờ (tương đương 1 tấn hơi/1 giờ)
- Công suất thực tế: 419 kg/h
- Nguồn điện: 380V/50Hz/3 ph.
- Nhiên liệu: Dầu DO.



Hình 3.8. Hình ảnh nồi hơi đốt dầu của nhà máy

*** Ưu điểm lò hơi đốt dầu:**

- Là hệ thống nồi hơi đơn giản, tiết kiệm diện tích lắp đặt, quá trình thi công lắp đặt nhanh gọn.
- Hoạt động êm ái, không phát ra tiếng ồn lớn.
- Cấu tạo đơn giản, hoạt động bền bỉ, tính ổn định cao.
- Là loại lò hơi thân thiện với môi trường.
- Hiệu suất đốt cao hơn các loại nồi hơi khác đến 95%.

c. Khí thải từ hoạt động giao thông

- Đề ra nội quy ra vào khu vực làm việc đối với toàn thể cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án;
- Bố trí một cách hợp lý các chậu cây xanh dọc các tuyến sân đường nội bộ và dọc hành lang các tầng nhà của dự án để giảm thiểu khả năng phát tán của bụi và tiếng ồn và tạo cảnh quan thân thiện môi trường; diện tích mảng xanh 24m² chủ yếu là các loại cây như bàng, thiết mộc lan, lưỡi hổ...
- Phun ẩm đường nội bộ vào các thời điểm nắng nóng để giảm thiểu phát sinh bụi gây ô nhiễm
- Nhân viên bảo vệ hướng dẫn khách hàng vị trí đỗ và dừng xe hợp lý, bố trí biển báo tốc độ, gờ giảm tốc tại các tuyến đường nội bộ.
- Thiết kế hệ thống điều hòa và hệ thống thông gió tại các khu vực để giảm ô nhiễm khí thải từ xe cộ.

d. Bụi và khí thải từ máy phát điện

- Đối với máy phát điện, không sử dụng thường xuyên, chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện lưới. Xung quanh khu vực đặt máy phát điện được bọc bởi tường BTCT, lót đệm cao su để cách âm và chống rung;

- Vị trí đặt máy phát điện của nhà máy đảm bảo khoảng cách an toàn và thuận tiện cho cung cấp điện cho khu vực nhà máy.

e. Khí thải và mùi từ nhà bếp:

Trang bị các máy hút, lọc khói khử mùi và quạt hút đưa khí thải ra ngoài thông thoáng nhà bếp; sử dụng các nhiên liệu đốt sạch như khí hóa lỏng, thiết bị dùng điện...; không sử dụng các loại nhiên liệu phát sinh nhiều khí thải như dầu, than.

Hoạt động đun nấu của các hộ gia đình sử dụng nhiên liệu đốt là khí hoá lỏng (gas) hoặc điện. Với đa phần là quy mô hộ gia đình, nhiên liệu hóa lỏng được đánh giá là nhiên liệu sạch nên tải lượng khí thải thấp, ít gây tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, tại mỗi hộ dân sẽ tự trang bị các biện pháp giảm thiểu mùi và khí thải từ việc đun nấu tại gia bằng cách bố trí chụp hút và quạt hút, đưa lượng khí này ra ngoài và thông thoáng tự nhiên tại nhà bếp.

g. Mùi và khí thải từ kho chứa chất thải rắn sinh hoạt

- Tuyên truyền, vận động cán bộ công nhân viên phân loại chất thải rắn sinh hoạt và để chất thải rắn sinh hoạt đúng nơi quy định,

- Các thùng rác được thiết kế kín, có nắp đậy để hạn chế mùi hôi và ruồi nhặng phát sinh. Nếu có phát sinh mùi hôi tại phòng rác, nhân viên vệ sinh tiến hành phun vi sinh xử lý mùi BIO-EM để hạn chế mùi phát sinh.

- Thu gom triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày từ điểm chứa chất thải rắn của dự án để thuê vận chuyển đi xử lý và phòng ngừa khả năng phân huỷ hữu cơ phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường chung.

- Kí hợp đồng thuê dịch vụ vệ sinh tòa nhà để bố trí nhân viên vệ sinh khu vực sân đường nội bộ, cây xanh cảnh quan, lối đi chung, hành lang các tầng.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo tần suất thu gom hàng ngày, không để ứ đọng gây ô nhiễm môi trường.

h. Mùi hôi phát sinh từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế và thi công cách xa khu dân cư để hạn chế tác động đến khu dân cư xung quanh. Khoảng cách đến khu dân cư gần nhất khoảng 400m về phía Tây Bắc.

- Từng hạng mục công trình của hệ thống nếu trong quá trình vận hành có phát sinh mùi đều được thiết kế có nắp đậy và ống thông hơi.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo quản hệ thống phân phối khí và sục khí ở các bể điều hòa, bể Aerotank để giảm thiểu phát sinh mùi

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

- Kiểm tra chế độ bơm nước thải tại các bể chứa, bể tiếp nhận, để đảm bảo thời gian lưu nước tại các bể, tránh xảy ra tình trạng phân hủy kỵ khí ngoài kiểm soát gây ô nhiễm môi trường.

- Chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành nạo vét hố ga, vệ sinh các điểm tiếp nhận nước thải định kỳ 1 năm/1 lần. Điều kiện đảm bảo an toàn lao động sẽ được thực hiện theo qui định hiện hành.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn:

Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn hoạt động của nhà máy được phân loại, thu gom bằng hệ thống thùng rác bố trí tại các điểm phát thải, hàng ngày vận chuyển về kho chứa rác (hạng mục số 14 trên bản vẽ quy hoạch). Kích thước cụ thể sau:

- + Kho chất thải rắn sinh hoạt và Kho chất thải rắn công nghiệp: diện tích 100 m²;
- + Kho chất thải rắn nguy hại: diện tích 64 m².

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Theo QCVN 01:2021/BXD - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng thì lượng CTR của cán bộ công nhân viên nhà máy phát sinh từ quá trình ăn uống, vệ sinh cá nhân ước tính theo đầu người là 0,5 kg/người/ngày đêm. Với tổng số 1000 công nhân thì lượng chất thải sinh hoạt của Dự án ước tính trong một ngày là 500kg/ngày (tương đương 13.000 kg/tháng).

- Biện pháp xử lý:

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 3 loại: (1) chất thải rắn thực phẩm: thức ăn, rau, trái cây dư thừa... (2) chất thải rắn tái chế: thùng carton, thùng giấy, giấy, báo cũ, chai lọ nhựa, chai thủy tinh, vỏ lon bia, nước ngọt, hộp bánh bằng nhôm, thiếc... (3) chất thải rắn không tái chế: bao bì, mảnh vỡ sành sứ, gỗ vụn, bao nylon, ống hút, vải vụn, v.v...

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại tại nguồn theo quy định tại Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An cụ thể như sau:

- Chất thải rắn thực phẩm được thu gom vào các thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa 60l, có lót túi màu, dán nhãn và được bố trí tại hành lang nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh thu gom và chuyển giao cho với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định;

- Chất thải rắn sinh hoạt tái chế được thu gom, lưu vào các thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa 60l, có lót túi màu, dán nhãn và được bố trí tại hành lang các khu vực nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất. Định kỳ, chất thải rắn tái chế đựng trong túi được nhân viên vệ sinh chuyển về kho lưu giữ và định kỳ 01 tháng/02 lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt không tái chế được thu gom, lưu các thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa 60l, có lót túi màu, dán nhãn và được bố trí tại khu vực nhà văn

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Four Leaf Dress

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

phòng, khu nhà xưởng sản xuất. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh thu gom, chuyển về kho lưu giữ sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

Tổng diện tích kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt là khoảng 30m² (Nằm trong khu vực quy hoạch Kho rác 1 tại vị trí số 8 trên bản vẽ quy hoạch). Kho xây dựng bằng BTCT, có khóa, dán nhãn cảnh báo.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển, xử lý đúng quy định. Tần suất thu gom 01 ngày/lần.



Hình 3.9. Kho chất thải rắn sinh hoạt

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm:

Bảng 3.3. Tổng hợp lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

| STT | Tên chất thải | Trạng thái | Khối lượng (kg/tháng) |
|-------------|---------------------------------|-------------------|------------------------------|
| 1 | Giấy in, bì carton | Rắn | 220 |
| 2 | Vải vụn, bông vụn, sản phẩm lỗi | Rắn | 20.000 |
| Tổng | | | 20.220 |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

- Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải: Theo giáo trình “Xử lý nước thải của PGS.PTS Hoàng Nhuệ, Trường đại học Kiến trúc Hà Nội – NXB Xây dựng năm 1996” thì trong quá trình xử lý nước thải bằng bất kỳ phương pháp nào cũng tạo nên một lượng cặn (khoảng 0,1 - 0,3% lưu lượng nước thải). Theo tính toán lượng nước thải cần xử lý khoảng 250 m³/ngày. Do đó lượng chất thải rắn phát sinh từ các công trình xử lý nước thải là: Mb = 150 m³/ngày x 365 ngày x 0,3% = 164,25 m³/năm tương đương 246.375 tấn/năm (ước tính 1 m³ bùn tương đương 1.500 kg).

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp: khoảng 200 kg/năm.

- Bùn thải từ bể tự hoại: ước tính khoảng 10 m³/năm tương đương 15 tấn/năm (ước tính 1 m³ bùn tương đương 1.500 kg).

- Dầu mỡ từ bể tách dầu mỡ: ước tính 100kg/năm.

Biện pháp thu gom xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường của Nhà máy như sau:

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất (giấy in, bìa carton...) được thu gom, lưu vào 08 thùng có dung tích 240l, được bố trí tại các kho, xưởng sản xuất. Hàng ngày, chất thải rắn sản xuất được chuyển về ngăn chứa chất thải tái chế của kho chất thải rắn công nghiệp của Nhà máy, định kỳ 01 tháng/01 lần bán cho cơ sở thu mua phế liệu;

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý (vải vụn, bông vụn, sản phẩm lỗi...) lưu giữ vào các bao bì có dung tích 100l, được bố trí tại xưởng sản xuất. Hàng ngày, chất thải rắn sản xuất được đưa về ngăn chứa chất thải phải xử lý của kho chất thải rắn công nghiệp của Nhà máy, định kỳ chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Ngọc Anh để vận chuyển, xử lý với tần suất 01 tháng/01 lần;

+ Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp: định kỳ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị thu gom và xử lý. Tần suất thu gom 01 năm/lần;

+ Đối với lượng dầu mỡ thải của nhà bếp từ bể tách dầu: vớt định kỳ thuê đơn vị thu gom bằng phương pháp thủ công và vận chuyển và xử lý. Tần suất thu gom trung bình là 01 tháng/lần.

Nhà máy không có công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường là các kho chứa chất thải nằm ở phía Bắc của nhà máy.

Tổng diện tích kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp là khoảng 70m² (Trong phần diện tích của kho rác 1 tại vị trí số 8 trên bản vẽ quy hoạch). Kho xây dựng bằng BTCT, có khóa, dán nhãn cảnh báo.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển, xử lý đúng quy định.



Hình 3.10. Kho chất thải rắn công nghiệp thông thường

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại gồm: bóng đèn hỏng, ắc quy, giẻ lau dính dầu.... Chất thải nguy hại được thu gom, tập trung đúng nơi quy định, định kỳ thu gom 01 năm/lần. Chủ đầu tư sẽ thực hiện quản lý chất thải nguy hại phát sinh tại dự án theo hướng dẫn tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hướng dẫn để cán bộ công nhân viên hiểu biết về CTNH, phân loại với chất thải sinh hoạt trong quá trình thu gom vận chuyển về kho lưu chứa khi phát sinh.

- Chất thải nguy hại được thu gom và phân loại vào các thùng chứa riêng biệt tương ứng với từng mã chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn đặt trong khu vực chứa chất thải nguy hại. Bố trí 03 thùng nhựa composite chứa chất thải nguy hại, với dung tích mỗi thùng là 80l đặt trong kho tập kết chất thải nguy hại. Kho chứa có diện tích khoảng 10 m² bố trí phía Tây Bắc khu đất gần trạm xử lý nước thải có kết cấu kín mít, có biển báo, cửa và nền láng xi măng. Ngoài ra Kho còn bố trí hệ thống PCCC đảm bảo công tác an toàn trong suốt quá trình vận hành của dự án.

Bảng 3.4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ dự án

| TT | Tên chất thải | Trạng thái | Khối lượng (kg/năm) | Mã chất thải |
|-----------|----------------------|-------------------|----------------------------|---------------------|
| 1 | Giẻ lau dính dầu | Rắn | 15 | 18 02 01 |
| 2 | Bóng đèn huỳnh quang | Rắn | 15 | 16 01 06 |
| 3 | Dầu Diesel thải | Lỏng | 45 | 17 06 01 |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| | | | | |
|-------------|--------------------------------------|------|------------|----------|
| 4 | Dầu thủy lực hỗn hợp thải | Lỏng | 30 | 17 01 06 |
| 5 | Chất thải có chứa tác nhân lây nhiễm | | 10 | 13 01 01 |
| 6 | Bao bì mềm thải | Rắn | 30 | 18 01 01 |
| 7 | Hộp mực in | Rắn | 20 | 08 02 04 |
| 8 | Bao bì cứng thải bằng nhựa | Rắn | 25 | 18 01 03 |
| Tổng | | | 190 | |

- Định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.



Hình 3.11. Kho chất thải nguy hại

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy phát điện được đặt tại phòng riêng, có cách âm tốt và được đặt trên bệ BTCT có đệm chống rung bằng cao su.

- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại, có mức ồn thấp để giảm bớt tiếng ồn do chúng gây ra.

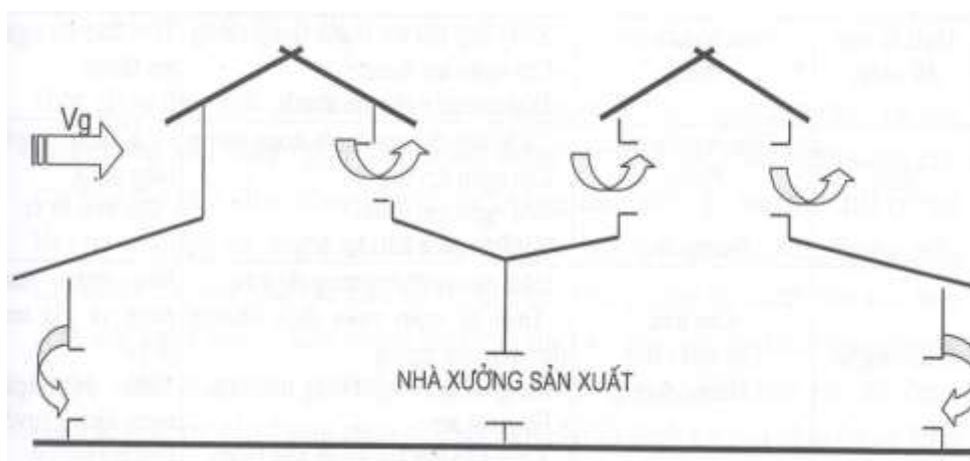
- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển hàng hóa ra vào khu vực Nhà máy hạn chế dùng còi.

- Lắp đặt đệm cao su chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn như máy phát điện; bố trí giá đỡ có đệm cao su đối với hệ thống xử lý nước cấp.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng các thiết bị máy móc định kỳ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

- Trang bị bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc, đặc biệt là sử dụng nút bịt tai khi tiếp xúc với các loại máy có độ ồn cao.
- Những khu điều hành sản xuất tại từng công đoạn cần được cách âm;
- Hạn chế sử dụng các máy móc đồng thời một lúc.
- Dừng các thiết bị máy móc hoạt động vào giờ nghỉ trưa (11h30p - 13h30p) và ban đêm (20h - 6h sáng).
- Đảm bảo Tiếng ồn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; Độ rung đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
- Lắp đặt hệ thống quạt thông gió tại các nhà xưởng, nhà kho để tạo môi trường thông thoáng cho công nhân. Tăng cường trồng cây xanh, thậm chí những nơi có thể nhằm giảm bớt hấp thụ nhiệt do sự bê tông hoá. Cây xanh được trồng bao quanh theo hàng rào nhà máy.



Hình 3.12. Sơ đồ thông gió cho nhà xưởng sản xuất

6. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khi dự án đi vào vận hành

6.1. Đối với nước thải

Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án được xây dựng để xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án. Trong quá trình thiết kế, xây dựng không đảm bảo vận hành không đúng quy trình thiết kế sẽ gây ra các sự cố hư hỏng, hoặc nước thải đầu ra không đạt tiêu chuẩn yêu cầu, do đó cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố tại trạm xử lý nước thải như sau:

Biện pháp phòng chống

- Kiểm soát chặt chẽ lưu lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.
- Nhân viên vận hành phải được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống trạm xử lý nước thải, các thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng theo quy định

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành trạm xử lý nước thải. Duy trì công tác ghi chép nhật ký vận hành Trạm xử lý nước thải. Bố trí cán bộ kỹ thuật về môi trường, được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành, ứng phó sự cố hỏng hóc thiết bị máy móc trong Trạm xử lý nước thải.

- Thiết kế trạm theo 02 chế độ vận hành: Tự động và thủ công. Trong trường hợp có sự cố đối với chế độ tự động thì bảo đảm vận hành bằng phương pháp thủ công.

- Bố trí thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi hư hỏng (bơm, máy thổi khí, máy khuấy, các phụ kiện đường ống nước, đường ống khí).

- Định kỳ hàng năm phối hợp với nhà cung cấp thiết bị duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc Trạm xử lý nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống thu gom. Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín của tất cả các tuyến ống.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố Chủ dự án cam kết sẽ dừng các hoạt động nhà vệ sinh có phát sinh nước thải để thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý đến để xử lý kịp thời khi gặp sự cố.

Biện pháp ứng phó

- Đối với lỗi sự cố do vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống: Tạm ngừng vận hành để khắc phục sự cố nhanh nhất có thể.

- Đối với lỗi sự cố thiết bị (bơm nước thải, máy thổi khí...): Các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải đều được trang bị thêm 01 thiết bị dự phòng. Vì vậy, nếu xảy ra lỗi thiết bị, Chủ dự án sẽ sử dụng thiết bị dự phòng và đưa thiết bị hỏng hóc đi sửa chữa.

- Đối với lỗi sự cố do quá trình vận hành: Khi sự cố xảy ra, đơn vị vận hành phải rà soát lại toàn bộ các thông số vận hành để điều chỉnh theo đúng thiết kế; Nếu sự cố vượt quá khả năng của chủ dự án, sẽ mời chuyên gia về xử lý nước thải về kiểm tra điều chỉnh.

- Sau khi khắc phục xong cần thường xuyên theo dõi sát sao, đảm bảo hệ thống được vận hành ổn định, hiệu quả. Khi hệ thống đã đi vào hoạt động ổn định sẽ lấy mẫu nước thải đầu ra gửi đến đơn vị có chức năng phân tích, kiểm tra. Nếu nước thải vẫn chưa đạt Quy chuẩn cho phép cần tiếp tục khắc phục đến khi đạt quy chuẩn.

- Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty sẽ báo cáo với Cơ quan quản lý Nhà nước để được hướng dẫn khắc phục sự cố.

- Kiểm soát chặt chẽ lưu lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

- Đối với hệ thống thu gom nước thải: Đảm bảo thu gom được toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động của dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận; thường xuyên kiểm tra, nạo vét bùn, rác thải ở các hố ga và bể lắng tránh để tình trạng hệ thống thu gom bị tắc nghẽn.

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: lỗi của hệ thống được bộ điều khiển giám sát và báo động qua chuông báo. Khi 1 thiết bị trong hệ thống có lỗi xuất hiện, tùy theo mức độ mà hệ thống sẽ cảnh báo bằng chuông, bằng đèn vàng, khi phát sinh sự cố nhân viên vận hành hệ thống khóa van thoát nước sau hệ thống xử lý, đồng thời kiểm tra, xử lý kịp thời.

- Đối với trường hợp nếu hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố:

Bảng 3.5. Sự cố thường gặp của Hệ thống xử lý nước thải và phương án xử lý

| HIỆN TƯỢNG | NGUYÊN NHÂN | CÁCH XỬ LÝ |
|---|--|---|
| Bơm không khởi động được hoặc khởi động được nhưng ngừng ngay | <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguồn điện cung cấp không phù hợp. 2. Bảng điều khiển bị sự cố. 3. Có vật lạ vướng vào cánh bơm. 4. Motor bị hỏng. 5. Hở mạch. 6. Phao bơm bị sự cố. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Nói với nguồn của cty hoặc xưởng. 2. Tìm ra nguyên nhân để sửa chữa. 3. Kiểm tra bơm và lấy vật lạ ra khỏi cánh bơm nếu có. 4. Sửa chữa hoặc thay thế. 5. Thay thế hoặc nối với dây nguồn khác. 6. Loại bỏ những sự cố và kiểm tra lại sự hoạt động của phao bơm. |
| Thiết bị bảo vệ motor ngắt | <ol style="list-style-type: none"> 1. Motor bị hỏng 2. Làm việc ở tần số 50 Hz, nhưng lại dùng 60 Hz. 3. Nhiệt độ của nước > 40oC . 4. Bơm hoạt động trong không khí 1 thời gian dài. Do mực nước quá cạn. 5. Cường độ dòng điện bị quá tải 6. Phao chế độ ngừng bị hư. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa chữa hoặc thay thế 2. Kiểm tra lại bảng tên và thay thế bơm. 3. Làm giảm nhiệt độ nguồn nước. 4. Dừng bơm sau đó kiểm tra lại mức nước. 5. Kiểm tra lại hệ thống: bơm, đường ống, van... 6. Kiểm tra sự cố và kiểm tra sự hoạt động của phao dừng. |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| | | |
|---|--|---|
| <p>Bơm vẫn hoạt động nhưng không có nước</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Có không khí trong bơm. 2. Bơm hoặc ống bị nghẹt 3. Ống bị nghẹt cục bộ hoặc van hoạt động không đúng cách. 4. Motor quay ngược chiều. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Dừng bơm ngay tức khắc sau đó khởi động lại hoặc loại bỏ không khí ra khỏi bơm. 2. Làm sạch những vật gây nghẹt. 3. Loại bỏ vật gây nghẹt hoặc sửa chữa hoặc thay thế van. 4. Đổi đầu dây nguồn cung cấp. |
| <p>Lượng nước bơm ra không nhiều</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Cánh bơm hoặc vỏ bơm bị mòn, hỏng. 2. Tồn thất đường ống quá lớn. 3. Mực nước quá thấp, nước bơm lên có lẫn không khí. 4. Bơm sử dụng 60 Hz, nhưng lại dùng 50 Hz. 5. Đường ống bị rò rỉ. 6. Ống hoặc bơm bị nghẹt bởi vật lạ. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa chữa hoặc thay thế. 2. Xem xét lại cách bố trí đường ống. 3. Nâng cao mực nước lên. Hoặc hạ thấp vị trí của bơm xuống. 4. Kiểm tra bảng tên và thay thế bơm hoặc cánh bơm. 5. Kiểm tra và sửa chữa. 6. Làm sạch vật lạ vướng vào bơm. |
| <p>Dòng điện quá tải</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điện áp nguồn cung cấp không ổn định. 2. Giảm điện áp. 3. Bị mất pha. 4. Bơm dùng 50 Hz, nhưng sử dụng 60 Hz. 5. Motor quay ngược chiều. 6. Bơm bị vướng vật lạ. 7. Bạc đạn của motor bị hỏng. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Nói với nguồn điện của công ty. 2. Kiểm tra sự tiếp xúc của công tắc điện. 3. Kiểm tra bảng tên và thay thế bơm. 4. Đổi đầu dây nguồn. 5. Loại bỏ vật lạ vướng vào bơm. 6. Tháo bơm ra và thay bạc đạn. |
| <p>Bơm làm việc ở chế độ tự động nhưng không ngừng được</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Chế độ khởi động và dừng của phao bơm có vấn đề. Công tắc của phao bơm bị hỏng. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Loại bỏ sự cố, hoặc thay thế phụ tùng. 2. Cài đặt lại mực nước của |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| | | |
|-------------------------|--|---|
| | 2. Mức nước cài đặt chế độ ngừng thấp hơn mức nước tối thiểu để bơm hoạt động. | phao dừng cao hơn mức nước tối thiểu để bơm hoạt động. |
| Bơm vận hành không đúng | 1. Cài đặt phao chưa đúng. 2. Có bộ phận của bơm bị sự cố. | 1. Cài đặt lại mức nước cho đúng. 2. Sửa chữa hoặc thay thế bơm. |

Phòng ngừa sự cố:

- Trường hợp HTXLNT xảy ra sự cố chủ dự án sẽ lưu lắng tạm thời của các bể trong HTXLNT đảm bảo lưu chứa nước thải trong 2 ngày để chủ đầu tư kịp xử lý sự cố. Hợp đồng thuê các bồn chứa để lưu trữ tạm thời lượng nước thải phát sinh trong thời gian chờ khắc phục.

- Thường xuyên giám sát hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung để kịp thời phát hiện và xử lý sự cố đảm bảo không để nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu. Tuân thủ nghiêm túc nội quy, quy định trong công tác thực hiện các biện pháp an toàn trong vận hành, bảo vệ môi trường. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn, chuyển giao công nghệ, lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý.

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của cán bộ kỹ thuật vận hành hệ thống kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra. Bố trí công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm, năng lực để làm việc.

- Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị, vật tư dự phòng như máy bơm, đường ống,...để thay thế kịp thời xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Đảm bảo vận hành các công trình xử lý nước thải và bảo trì các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế thiết bị của các công trình xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra rò rỉ, tắc nghẽn hệ thống đường ống dẫn nước.

- Trường hợp hệ thống gặp sự cố cần nhanh chóng khắc phục sự cố để đưa hệ thống xử lý nước thải trở lại hoạt động bình thường, toàn bộ nước thải tạm thời lưu giữ tại các bể. Ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực để thực hiện chuyển giao, xử lý trong trường hợp sự cố kéo dài, các bể xử lý không đủ năng lực lưu chứa.

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa bố trí hố ga lắng chặn trước khi xả

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động;

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức công trình xử lý nước thải: sổ nhật ký gồm các thông tin như: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh;

- Có bảng thể hiện sơ đồ quy trình của hệ thống xử lý nước thải được gắn tại khu vực hệ thống xử lý nước, các bể xử lý nước thải phải được gắn biển tên bể để dễ theo dõi, kiểm tra và vận hành;

- Vận hành công trình xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật; phải có đồng hồ đo lưu lượng nước thải; điểm đầu nối lắp biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát đầu nối;

Giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom nước thải làm bằng vật liệu HDPE được chôn ngầm dưới đất, hệ thống kín nên không gây mùi. Nếu có sự cố vỡ đường ống dẫn thì tạm dừng hệ thống và tiến hành khắc phục ngay.

- Hệ thống xử lý nước thải được đặt vị trí số 12 trên bản vẽ quy hoạch của dự án. Khi có sự cố về các bể trong hệ thống thì nhân viên vận hành lập tức tạm dừng hoạt động của hệ thống, báo cáo ngay với chủ đầu tư và tiến hành khắc phục sửa chữa.

6.2. Đối với chất thải rắn

Bảng 3.6. Sự cố thường gặp với chất thải rắn và phương án xử lý

| HIỆN TƯỢNG | NGUYÊN NHÂN | CÁCH XỬ LÝ |
|-----------------------------------|--|---|
| Thiết bị lưu chứa, thùng rác hỏng | - Do sử dụng lâu ngày - Do sự cố (cháy nổ, chập điện, rơi vỡ...) | Kiểm tra thường xuyên kho chứa và các thiết bị lưu chứa. Thay thế ngay khi thiết bị hư hỏng |
| Chất thải phân hủy gây mùi | - Chất thải sinh hoạt để lâu ngày không xử lý kịp thời - Chưa phân loại tại nguồn chất thải hữu cơ và vô cơ | - Yêu cầu đơn vị thu gom và vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày. - Giáo dục ý thức vệ sinh môi trường cho nhân viên. Thực hiện thường xuyên và có khóa tuyên truyền về các chương trình vệ sinh và quản lý chất thải, phân loại rác tại nguồn. - Bố trí nơi tập kết tạm thời chất |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| | | |
|--|--|--|
| | | thải rắn sinh hoạt ở vị trí cuối hướng gió. Định kỳ hàng ngày thu gom, vận chuyển theo đúng quy định. Không để tồn ở nơi tập kết thời gian lâu, ảnh hưởng tới người dân sống xung quanh. |
|--|--|--|

Ngoài ra, dự án còn áp dụng những biện pháp sau:

- Thường xuyên kiểm tra các kho lưu giữ, các thiết bị lưu chứa chất thải rắn, sửa chữa và thay thế các thiết bị cũ hỏng.
- Giám sát thường xuyên việc thu gom vận chuyển xử lý đối với các đơn vị đối tác đã ký hợp đồng vận chuyển chất thải cho dự án.
- Giáo dục ý thức vệ sinh môi trường cho CBCNV. Thực hiện thường xuyên và có khóa học về các chương trình vệ sinh và quản lý chất thải.
- Đôn đốc và giáo dục cho CBCNV thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

6.3. Đối với sự cố hóa chất

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.
- Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.

Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6.4. Các giải pháp phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

Công ty cam kết xây dựng, lắp đặt đầy đủ các công trình phục vụ phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định.

Khi dự án đi vào hoạt động, Chủ dự án sẽ tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng cơ sở và những người làm việc trong môi trường nguy hiểm, cháy, nổ theo đúng quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

Xây dựng hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC&CNCH, định kỳ tổ chức diễn tập phương án chữa cháy và phương án CNCH; Đồng thời duy trì liên tục các điều kiện về an toàn PCCC&CNCH tại cơ sở;

Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ.

Hàng năm tổ chức bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC&CNCH theo quy định,

Xây dựng nội quy PCCC, trang bị các bình chữa cháy cá nhân theo đúng quy định.

Phối hợp với các lực lượng tại địa phương để ứng cứu nếu sự cố cháy nổ xảy ra.

Các thiết bị điện được lắp đặt dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng điện và có thiết bị bảo vệ quá tải.

Định kỳ tổ chức thực tập về phòng chống cháy nổ cho cán bộ, công nhân để nắm vững phương pháp xử lý sự cố và nghiệp vụ phòng chống cháy nổ.

Khi xảy ra sự cố cháy nổ, chủ đầu tư huy động lực lượng tại chỗ của dự án và kết hợp với lực lượng của địa phương để ứng cứu.

Mặt khác, quá trình hoạt động dự án phải chấp hành nghiêm các quy định hiện hành của nhà nước, địa phương về công tác PCCC&CNCH.

- Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, thực hiện xử lý theo các bước cơ bản sau:

+ Xác định nhanh điểm cháy;

+ Báo động để mọi người biết;

+ Ngắt điện khu vực bị cháy;

+ Báo cho lực lượng PCCC đến;

+ Sử dụng các phương tiện PCCC sẵn có để dập cháy;

+ Cứu người bị nạn;

+ Di chuyển hàng hóa, tài sản và các chất dễ cháy ra nơi an toàn: Bảo vệ và tạo khoảng cách chống cháy lan;

+ Khắc phục sự cố và chống cháy lan trở lại.

6.5. Đối với sự cố tràn dầu

Quá trình vận hành của nhà máy sử dụng nồi hơi đốt dầu DO. Vì vậy để ứng phó với sự cố tràn dầu xảy ra tại nhà máy, Chủ đầu tư sẽ sử dụng các biện pháp để phòng ngừa ứng phó sự cố tràn dầu như sau:

+ Thành lập Đội ứng phó sự cố tràn dầu của đơn vị do Chủ đầu tư là Trưởng Ban chỉ đạo ứng phó sự cố tràn dầu của đơn vị.

+ Thường xuyên tổ chức diễn tập các tình huống ứng phó theo định kỳ.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

+ Bố trí bể chứa dầu đặt ngầm đảm bảo theo yêu cầu của QCVN: Bể được chế tạo bằng thép tấm dày 04 – 06 mm, có vành tăng cứng bên trong, liên kết bằng hàn điện, bể có 01 cổ để bố trí hệ thống công nghệ xuất, nhập. Bể trước khi đưa vào sử dụng được thử kín, bền với áp lực 0,6 kg/m² theo quy định. Trước khi chôn, bể được sơn chống gỉ bằng nhựa đường số 04 đun sôi và bọc 02 lớp vải thủy tinh và 03 lớp nhựa đường.

Khu vực bể chứa được xây dựng đảm bảo yêu cầu theo QCVN. Đồng thời bể chôn ngầm để đảm bảo an toàn PCCC, kết cấu các hạng mục công trình trong khu nhập dầu đều làm bằng vật liệu không cháy. Các bể chứa dầu đều được nối với van thở có bình ngăn tia lửa để đảm bảo an toàn khi xuất nhập và chống độc hại cho công nhân vận hành. Để đảm bảo ổn định bể chứa khi nhiệt độ môi trường và áp lực làm việc thay đổi mỗi bể chứa phải được bố trí một van thở kiểu CMK – 50 hoặc tương đương.

Nền khu bể lắng xi măng. Trên bể có nắp đậy kín che mưa

+ Hệ thống ống công nghệ nối giữa cột bơm và bể chứa bằng ống thép D50, liên kết ren, có các thiết bị đảm bảo an toàn và kín trong hệ hoạt động kinh doanh dầu như van đóng nhanh, van một chiều, van chặn, van Crêpin, ống công nghệ đi ngầm trong rãnh có nắp đậy kín bằng bê tông cốt thép đảm bảo tuyệt đối kín nhằm đảm bảo an toàn PCCC và vệ sinh môi trường.

+ Trang bị các trang thiết bị ứng phó tại nhà máy:

Bảng 3.7. Các trang thiết bị ứng phó SCTD tại nhà máy

| TT | Thiết bị | Đặc điểm | Chức năng | Số lượng |
|----|-----------------------------|---|--|----------|
| 1 | Phao quây thấm hút dầu | <ul style="list-style-type: none">- Gồm những đoạn phao kết lại với nhau- Kích thước mỗi đoạn: 10cm x 3m- 4 chiếc một thùng- Khả năng thấm hút 150l/thùng. | <ul style="list-style-type: none">- Loại phao vừa quây tạo bờ ngăn không cho dầu lan rộng, vừa có tác dụng thấm hút dầu tràn | 3 thùng |
| 2 | Bột thấm hút dầu Remediator | <ul style="list-style-type: none">- Phạm vi ứng dụng cao, dễ dàng sử dụng- Độ phân tán rộng- Có khả năng phân hủy sinh học- Khối lượng: 10 | <ul style="list-style-type: none">- Hấp thụ nhanh dầu tràn vãi- Hiệu quả tạo gel thấm cao- Cô lập chất lỏng mà nó hấp thụ, không nhả lại | 4 bao |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| TT | Thiết bị | Đặc điểm | Chức năng | Số lượng |
|----|--|---|--|----------|
| | | kg/bao - khả năng thấm hút: 40l/bao | môi trường | |
| 3 | Cuộn giấy thấm dầu | - Vật liệu: polypropylene. - Khả năng thấm hút: 120lít/cuộn - Kích thước: 40cm x 50 m | - Thấm dầu loang trên nền sàn, dầu loang trên mặt nước, dùng để lau tay, lau thiết bị dính dầu | 05 cuộn |
| 4 | Thùng đựng CTNH | Loại 240 lít | - Đựng các loại dầu thải, rác thải từ sự cố tràn dầu. | 2 thùng |
| 5 | Các dụng cụ bảo hộ (găng tay, kính, khẩu trang bảo hộ) | | - Sử dụng để bảo hộ cho các cá nhân tham gia công tác UPSCTD. | 6 bộ |

Ngoài các biện pháp phòng ngừa và ứng phó trên, Nhà máy còn trang bị thêm các bình chữa cháy ABC loại 4kg, bình chữa cháy xe đẩy MFTZ 35kg, chăn sợi....

*** Các biện pháp ứng phó:**

a. Thông báo, báo động:

a1. Quy trình tổng thể

Bước 1: Khi có SCTD, người phát hiện sự cố thông tin khẩn cấp cho ban chỉ đạo UPSCTD của cơ sở.

Bước 2: Ban chỉ đạo UPSCTD kiểm tra tính xác thực của thông tin và đưa ra quyết định chỉ đạo.

Bước 3: Căn cứ mức độ sự cố tràn dầu để ứng phó với sự cố:

- + Nếu với lượng dầu tràn dưới 1,2 m³, đơn vị sẽ tổ chức tự ứng phó.
- + Nếu với lượng dầu tràn > 1,2 m³ đến 20 m³, đơn vị sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để ứng phó sự cố.
- + Nếu lượng dầu tràn > 20 m³: báo cho Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai – Tìm

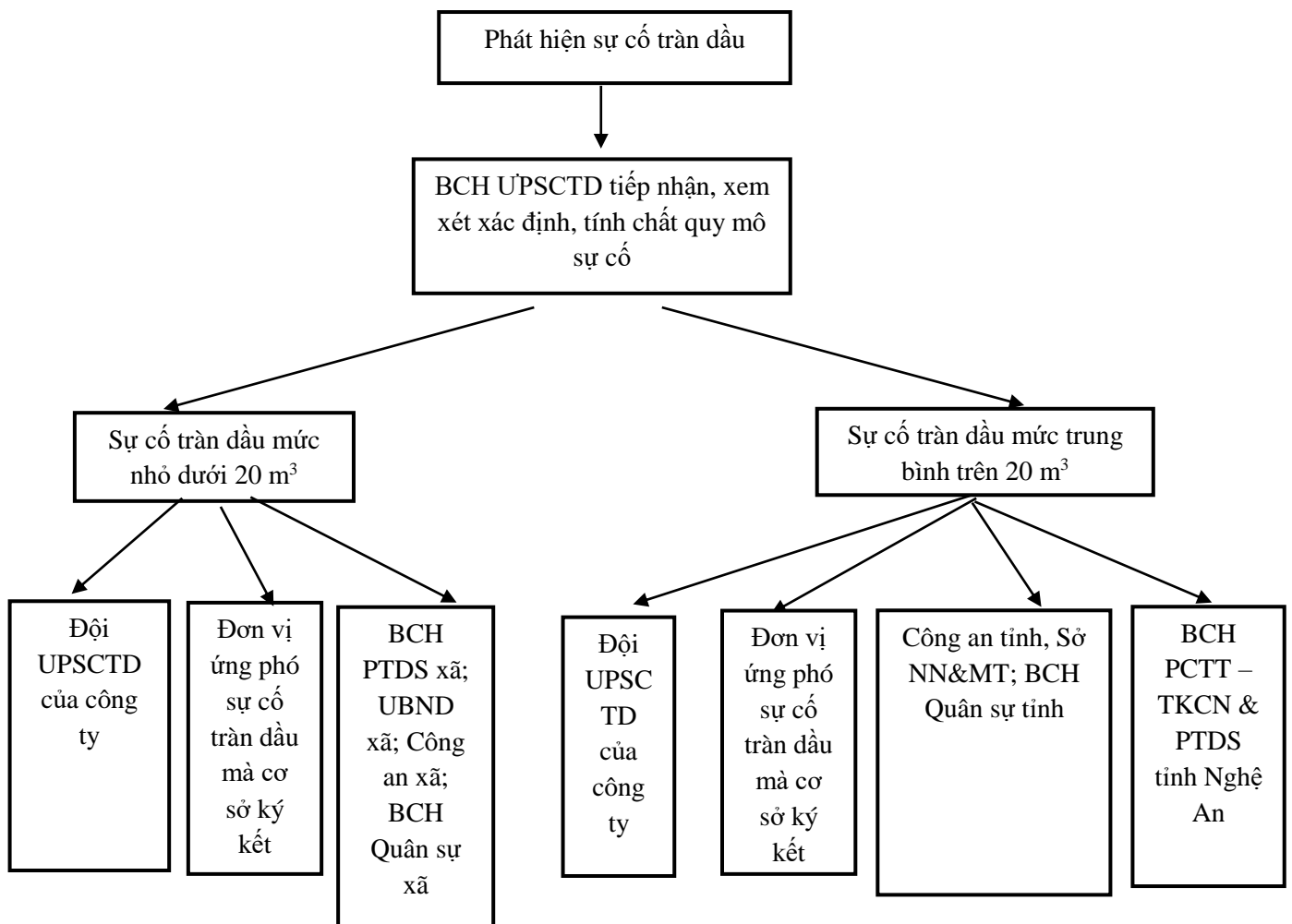
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

kiểm cứu nạn và phòng thủ dân sự tỉnh (kết hợp với lực lượng tại chỗ và đơn vị ứng phó sự cố mà công ty đã ký kết) để kịp thời trợ giúp và thực hiện theo ứng phó của chỉ huy hiện trường cấp tỉnh.

- Với các khu vực lân cận: Thông báo bằng loa đài đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu dân cư lân cận có thể bị ảnh hưởng bởi SCTD.

Khi xảy ra sự cố cần phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan, liên lạc với các đối tượng thông báo thông qua nhiều cách thức (điện thoại, loa đài hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng).

A2. Sơ đồ thông báo



Hình 3.13. Sơ đồ thông báo ứng phó sự cố tràn dầu

a3. Quy trình chi tiết

- Đối với sự cố tràn dầu quy mô nhỏ (dưới 1,2m³)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

Ngay khi xảy ra sự cố, nhân viên trực phải lập tức thông báo cho các công nhân khác ở xung quanh để được hỗ trợ. Liên lạc tới Giám đốc Công ty để báo cáo nhanh về sự cố.

Trường hợp giám đốc doanh nghiệp – trưởng ban UPSCTD không có mặt tại hiện trường thì liên hệ với Phó Ban chỉ đạo và báo cáo nhanh tình hình sự cố và các nội dung triển khai để Giám đốc doanh nghiệp chỉ huy xử lý và ứng phó sự cố.

Trong khi ứng phó và khi ứng phó xong, tùy tình hình và mức độ sự cố, công ty có trách nhiệm báo cáo ngay cho UBND xã Nghĩa Đàn, UBND tỉnh Nghệ An... để nắm bắt tình hình và xin ý kiến chỉ đạo.

Thứ tự các bước xử lý sự cố:

Trưởng ban UPSCTD của cơ sở có trách nhiệm:

- Tổ chức chỉ huy lực lượng, phương tiện để triển khai ứng phó kịp thời.
- Chịu trách nhiệm chỉ huy hiện trường.
- Khắc phục hậu quả do sự cố tràn dầu gây ra.

** Đối với sự cố tràn dầu quy mô từ 1,2 m³ đến 20 m³:*

Trường hợp sự cố vượt khả năng ứng phó của cơ sở nhanh chóng thông báo cho đơn vị được cơ sở hợp đồng ứng phó sự cố ngoài khả năng của cơ sở; đồng thời thông báo đến UBND xã Nghĩa Đàn, UBND tỉnh Nghệ An... để nắm bắt tình hình và xin ý kiến chỉ đạo.

- Đối với sự cố tràn dầu quy mô trung bình (hơn 20 m³)

Trường hợp sự cố vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở. Ngoài quy trình thông báo sự cố nêu trên, công ty huy động các nguồn ứng phó từ các cơ quan chức năng trợ giúp.

Sự cố tràn dầu kèm theo cháy nổ

Khi xảy ra sự cố, Giám đốc doanh nghiệp có trách nhiệm nhanh chóng liên hệ BCH Phòng thủ dân sự cấp tỉnh, Phòng PCCC & CNCH, công an Tỉnh qua số điện thoại 114, chính quyền địa phương để được ứng cứu kịp thời; đồng thời chỉ huy tổ chức triển khai lực lượng, phương tiện tại công ty để chữa cháy ngay lập tức: cắt cầu dao điện, phối hợp nhân viên tìm mọi cách đưa người bị nạn đến nơi an toàn; sau đó sử dụng các bình chữa cháy phun vào đám cháy không chế, ngăn chặn chống cháy lan tràn đồng thời tiến hành các bước ban đầu để UPSCTD. Nếu sự cố cháy nổ được xử lý thì nhanh chóng chuyển toàn lực qua UPSCTD.

a4. Mẫu thông báo sự cố

Mẫu thông báo sự cố được thể hiện tại Phụ lục.

a5. Thông báo đến các khu vực lân cận

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

- Công ty tuyên truyền cho CBCNV trong vùng, khu vực bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng về SCTD để chủ động ứng phó, khắc phục.
- Kết hợp với chính quyền địa phương để thông báo bằng loa đài cho mọi người và phương tiện biết để tránh xa khu vực nguy hiểm.
- Thông tin cho các đơn vị giáp ranh tham gia hỗ trợ khi SCTD vượt qua khả năng tự ứng phó của công ty.

a6. Các đơn vị, cơ quan, lực lượng có thể hỗ trợ ứng phó bên ngoài

Khi phát hiện sự cố, Ban chỉ huy UPSCTD của cơ sở phải lập báo cáo, thông báo đến các cơ quan có chức năng về tình hình xử lý thông tin và các biện pháp triển khai phối hợp ứng phó cụ thể và các đề xuất kiến nghị, bao gồm:

+ Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự; Điện thoại 02383 844 729;

+ Bộ Chỉ huy Quân sự là cơ quan thường trực ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh; Điện thoại 02383 842 014

+ Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An. Điện thoại: 114;

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường; Điện thoại: 02383 835 993;

+ Sở Y tế; Điện thoại: 0966 641 414

+ Sở Công thương; Điện thoại: 02383 844 970

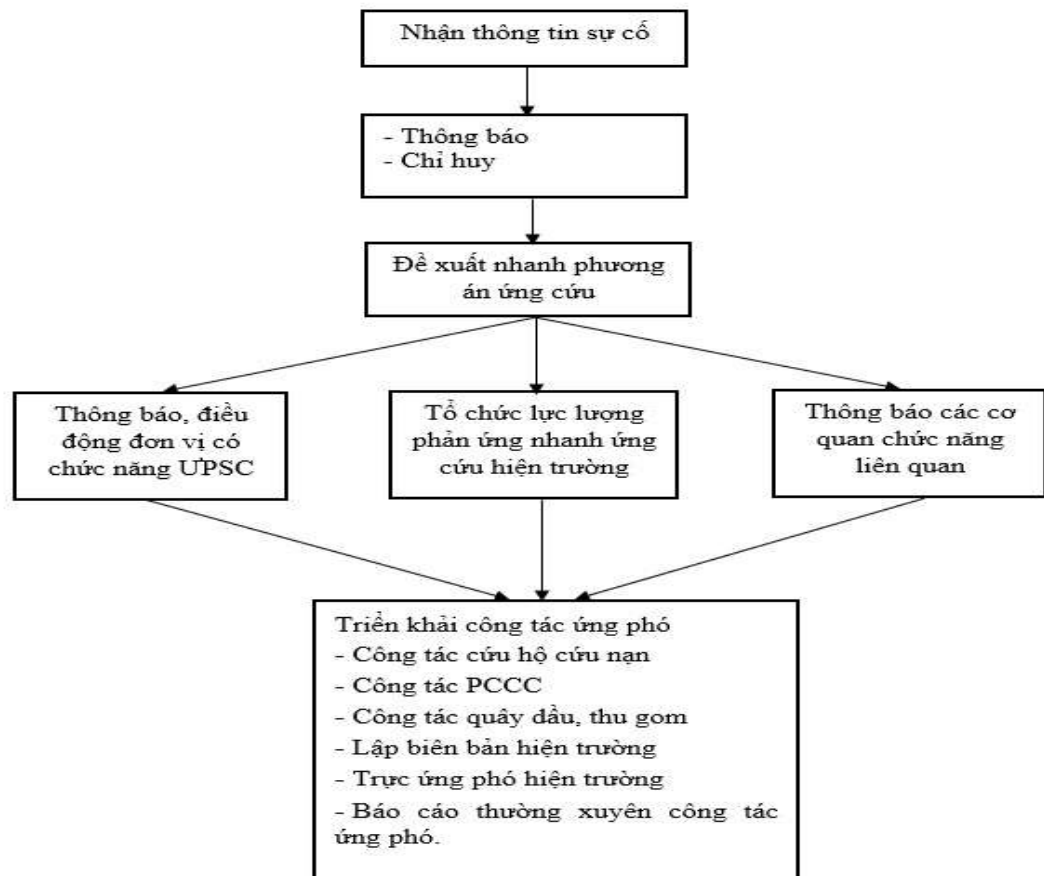
+ Trung tâm Ứng phó sự cố môi trường Việt Nam. Điện thoại: 1800 6558;

+ Bệnh viện đa khoa tỉnh Nghệ An: 02383 844 528;

+ UBND xã Nghĩa Đàn.

b. Tổ chức ngăn chặn

b1. Quy trình chung

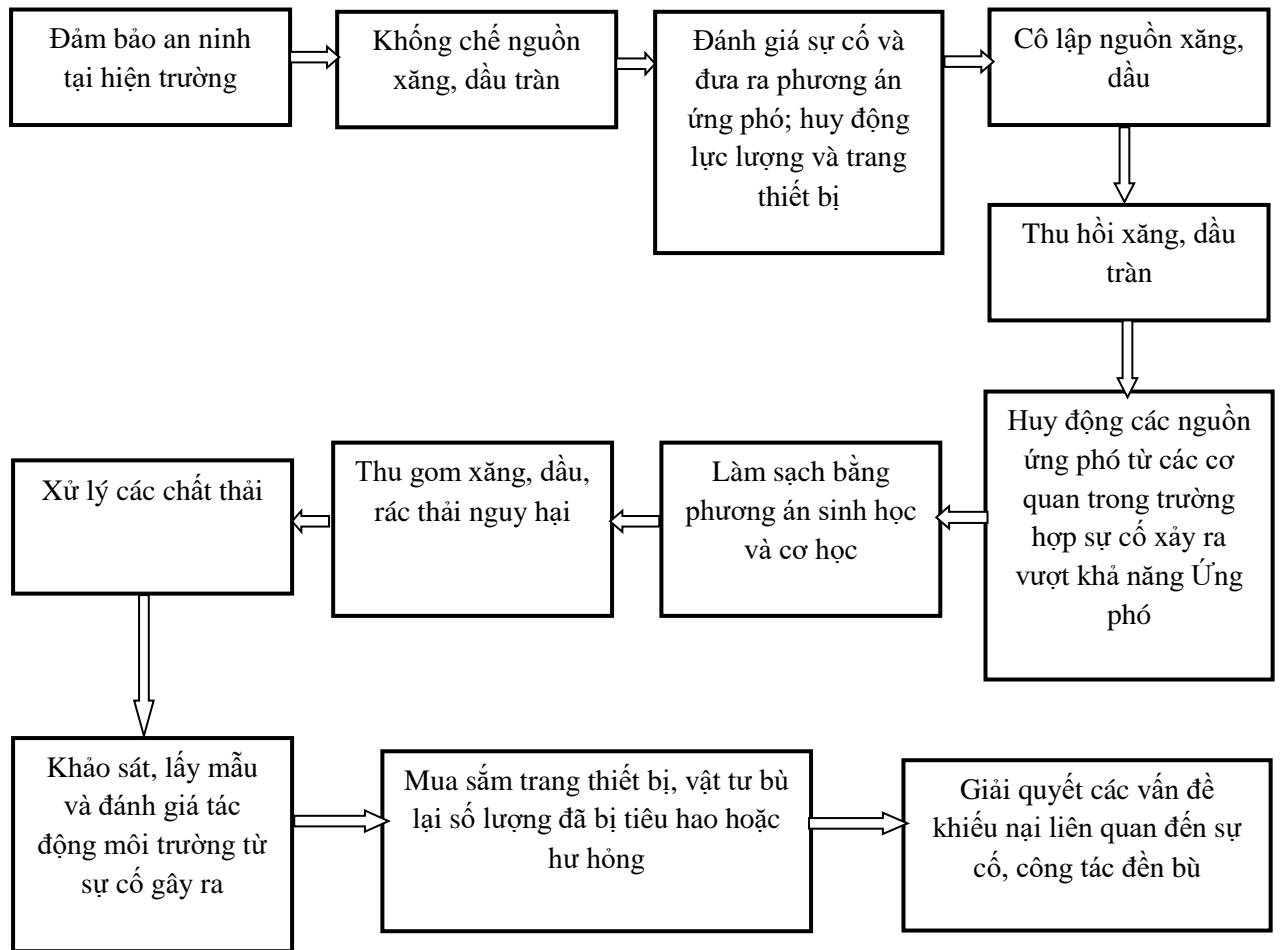


Hình 3.14. Sơ đồ tổ chức triển khai ứng phó sự cố

b2. Quy trình cụ thể

Mục tiêu đầu tiên luôn là ngăn chặn lập tức nguồn phát sinh SCTD, an toàn cho con người luôn được đặt lên hàng đầu trong suốt quá trình ứng phó. Ngoài ra, vấn đề nguồn tài nguyên môi trường cũng sẽ được cân nhắc khi lựa chọn kỹ thuật ứng phó, trang thiết bị và quy trình ứng phó.

Một quy trình ứng phó tràn dầu điển hình gồm các bước sau:



Hình 3.15. Quy trình cụ thể ứng phó sự cố tràn dầu

- Đảm bảo an toàn và an ninh tại hiện trường:
 - + Thực hiện công tác cứu hộ cứu nạn, PCCC đảm bảo không có thiệt hại về người;
 - + Tạo hành lang đảm bảo an toàn và an ninh tại hiện trường, nghiêm cấm người, phương tiện không có trách nhiệm vào khu vực xảy ra sự cố;
- Khống chế nguồn xăng dầu tràn:
 - + Nhanh chóng đóng van, tắt bơm;
 - + Nhanh chóng đóng cửa thoát nước khu vực rãnh gạn xăng dầu và bể ba ngăn;
 - + Nhanh chóng tắt động cơ xe tai nạn và gây tai nạn.
- Đánh giá sự cố và đưa ra phương án ứng phó; đồng thời huy động lực lượng và các nguồn trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu.
- Cô lập nguồn dầu tràn:
 - + Sử dụng phao quây thấm dầu kết nối lại với nhau để quây chặn xung quanh sự cố.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

+ Sử dụng xô chậu/phễu hứng/bồn chứa dầu tạm đặt ngay bên dưới vị trí bục vỡ bồn để thu dầu tràn về nơi lưu trữ.

- Thu hồi dầu tràn:

+ Chuyển lượng dầu bên trong bể bị bục vỡ sang bể khác cùng loại hàng (hoặc các phương tiện chứa đựng khác đảm bảo an toàn);

+ Sử dụng tấm thấm dầu, gói thấm dầu để thấm hút lượng dầu tràn.



Hình 3.16. Mô tả Sử dụng phao quây dầu tấm thấm dầu để thấm hút dầu tràn

- Huy động các nguồn ứng phó từ các cơ quan chức năng trong trường hợp sự cố xảy ra vượt quá khả năng kiểm soát của cơ sở.

- Tiến hành các hoạt động làm sạch bằng phương pháp sinh học và cơ học.

+ Dùng tấm thấm dầu hoặc chất thấm hút dầu trên bề mặt để làm sạch tất cả các vị trí, chi tiết dính dầu như thành ống, mặt bích, miệng ống...

+ Làm sạch lượng dầu còn sót lại trên nền bằng chất thấm hút dầu chuyên dụng. Rắc bột quây chặn hình vòng tròn bao kín xung quanh vệt dầu tràn từ ngoài vào trong. Dùng bàn chải cứng đảo qua lại đến khi bột thấm hoàn toàn dầu.



Hình 3.17. Các bước làm sạch dầu tràn vãi chất thấm dầu chuyên dụng

- Tiến hành các hoạt động thu gom dầu bằng trang thiết bị, vật tư chuyên dụng.
- + Rác thải nhiễm dầu phải cho vào túi đựng và bỏ vào thùng chứa chất thải nguy hại có dán tem và mã riêng biệt.
- + Dầu thu gom được lưu chứa trong các bồn chứa dự phòng, bể chứa, thùng phuy.
- + Dầu và các chất thải nhiễm dầu, các vật tư xử lý nhiễm dầu được thu gom và lưu chứa trong kho riêng biệt, có mái che.
- Xử lý các chất thải:
- Tiến hành chương trình khảo sát, lấy mẫu và đánh giá tác động môi trường của sự cố gây ra.
- Mua sắm trang thiết bị, vật tư bù lại số lượng đã bị tiêu hao hoặc hư hỏng sau công tác UPSCTD vừa hoàn thành.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy may công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An) phê duyệt theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Một số nội dung thay đổi so với với ĐTM đã được phê duyệt để phù hợp hơn với tình hình hoạt động của dự án, cụ thể như sau:

Bảng 3.8. Các nội dung thay đổi so với ĐTM

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| TT | Hạng mục | Quyết định ĐTM số 142/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 | Nội dung đề nghị cấp phép | Lý do thay đổi |
|----|-------------------------------------|---|---|--|
| 1 | Hệ thống thu gom, xử lý nước thải | Nước thải dự án (Nước thải nấu ăn → bể tách dầu mỡ; nước thải nhà vệ sinh → bể tự hoại; nước thải sản xuất, nước rửa tay chân qua hố ga) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → mương thoát nước phía Đông Nam dự án. | Nước thải dự án (Nước thải từ các nhà vệ sinh → bể tự hoại; nước thải từ nhà bếp → bể tách dầu mỡ; nước thải sản xuất xử lý sơ bộ qua bể phản ứng, bể keo tụ tạo bông và bể lắng; nước rửa tay chân qua hố ga) Bể tách mỡ → Hố thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → mương thoát nước phía Đông Nam dự án | <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung bể phản ứng, bể keo tụ - tạo bông và bể lắng để xử lý nước thải sản xuất phát sinh tại dự án. - Bổ sung Bể tách dầu mỡ của Hệ thống XLNTTT nhằm tăng cường xử lý nước thải đầu vào phát sinh khu vực bếp tại dự án. |
| 2 | Số lượng và Thể tích bể tự hoại | <ul style="list-style-type: none"> - 02 bể tại khu vực nhà xưởng, kho và nhà ăn có thể tích mỗi bể 70m³. - 01 bể tại khu vực nhà văn phòng với thể tích 5m³. | <ul style="list-style-type: none"> + 01 bể tại Nhà bảo vệ với thể tích là 7,31m³ + 02 bể tại khu vực nhà văn phòng với thể tích mỗi bể là 7,92 m³ → Tổng thể tích 15,84 m³. + 05 bể tại khu vực nhà xưởng với thể tích 25,34 m³ → Tổng thể tích 126.72 m³ | Tăng số lượng bể và kích thước bể tự hoại để xử lý triệt để nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải tại các khu vực phát sinh. |
| 3 | Số lượng và Thể tích bể tách dầu mỡ | - 01 bể tại khu vực nhà bếp có thể tích 6,75 m ³ /1 bể. | <ul style="list-style-type: none"> - 01 bể tách mỡ tại khu vực nhà bếp có thể tích 1m³. - 01 bể tách dầu mỡ tại Hệ thống | Nhằm xử lý hiệu quả nước thải phát sinh của dự án. |

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| | | | | |
|---|--------------------------------|--|---|---|
| | | | XLNTTT (trước hồ thu gom) với thể tích 6,5 m ³ . | |
| 4 | Hạng mục công trình tec dầu DO | Không đề cập | Tec dầu DO đặt ngầm tại phía Tây Nam dự án | Bổ sung hạng mục vị trí đặt tec dầu chứa nguyên liệu cho nồi hơi. |
| 5 | Tọa độ xả nước thải | Tọa độ vị trí điểm đầu nối (theo VN2000 KTT 105°30' múi chiều 3°): X = 213691, Y = 575705. | Tọa độ vị trí điểm đầu nối (theo VN2000 KTT 105°30' múi chiều 3°): X = 2136836, Y = 575739. | Theo thực tế công trình xây dựng. |

Những thay đổi nội dung về các công trình của hạng mục xử lý nước thải và hạng mục công trình so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt góp phần xử lý hiệu quả xử lý nước thải của toàn dự án, không gây tác động xấu đến môi trường so với phương án đã được phê duyệt trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường .

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải từ các nhà vệ sinh (bệ xí, bệ tiểu...) của cán bộ công nhân viên nhà máy.
- Nguồn số 02: nước thải từ hoạt động rửa mặt, rửa tay chân.
- Nguồn số 03: nước thải từ khu vực nhà bếp.
- Nguồn số 04: nước thải sản xuất (từ nước thải nổi hơi và nước thải của hệ thống xử lý nước cấp).

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa: lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là 150 m³/ngày đêm tương đương 6,25 m³/giờ.

1.3. Dòng nước thải

Nước thải sau khi xử lý của dự án được xả ra môi trường tiếp nhận là 01 dòng thoát ra mương thoát nước phía Đông Nam dự án sau đó chảy về sông Sào.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vực dự án sẽ được xử lý sơ bộ tại nguồn và được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải theo quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột B Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 40:2025/BTNMT cột B.

* Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải theo quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột B ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 40:2025/BTNMT cột B. Cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| ST T | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép (Giá trị C) | | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|------|---|-------------|---------------------------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| | | | Áp dụng đến hết ngày 31/12/2031 | Áp dụng từ ngày 01/01/2032 | | |
| 1 | Nhiệt độ | °C | 40 | ≤ 40 ⁽²⁾ | Không thuộc đối tượng | Không thuộc đối tượng |
| 2 | pH | - | 5,5 - 9 ⁽¹⁾ | 6 - 9 ⁽²⁾ | | |
| 3 | Màu | Pt/Co | 150 | ≤ 100 ⁽²⁾ | | |
| 4 | BOD ₅ | mg/l | 50 | - | | |
| 5 | Nhu cầu oxy hóa học (COD) | mg/l | 150 | - | | |
| 6 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 100 | - | | |
| 7 | Cu | mg/l | 2 | ≤ 3 ⁽²⁾ | | |
| 8 | Fe | mg/l | 5 | ≤ 10 ⁽²⁾ | | |
| 9 | Tổng dầu mỡ khoáng | mg/l | 10 | ≤ 5 ⁽²⁾ | | |
| 10 | Sunfua | mg/l | 0,5 | ≤ 0,5 ⁽²⁾ | | |
| 11 | Amoni (N-NH ₄ ⁺) tính theo N | mg/l | 10 | ≤ 10 ⁽²⁾ | | |
| 12 | Tổng N | mg/l | 40 | ≤ 40 ⁽²⁾ | | |
| 13 | Tổng P | mg/l | 6 | ≤ 14 ⁽²⁾ | | |
| 14 | Clo dư | mg/l | 2 | ≤ 2 ⁽²⁾ | | |
| 15 | Coliform | VK/100 ml | 5.000 ⁽¹⁾ | ≤ 5.000 ⁽²⁾ | | |

1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí đầu nối nước thải: tọa độ vị trí đầu nối nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰45', múi chiều 3⁰)

Bảng 4.2. Tọa độ vị trí xả nước thải

| STT | Vị trí | Tọa độ VN2000 |
|-----|--------|---------------|
|-----|--------|---------------|

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

| | | X (m) | Y (m) |
|---|--------------------------|--------------|--------------|
| 1 | Tọa độ điểm xả nước thải | 2136836 | 575739 |

- Phương thức xả nước thải: tự chảy

Nước thải sau xử lý theo đường ống D200 chảy ra mương thoát nước phía Đông Nam dự án.

- Chế độ xả thải: liên tục

- Thời gian xả thải: 24h/ngày.đêm.

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án bắt đầu từ 01/02/2026 đến 01/05/2026.

Bảng 5.1. Kế hoạch vận hành hệ thống nước thải

| TT | Tên hạng mục vận hành thử nghiệm | | | Thời gian vận hành | | Công suất dự kiến đạt được |
|----|----------------------------------|--|-------------|--------------------|------------|----------------------------|
| | Đối tượng xử lý | Công trình xử lý | Số lượng | Bắt đầu | Kết thúc | |
| 1 | Nước thải sinh hoạt | Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m ³ /ngày.đêm. | 01 hệ thống | 01/02/2026 | 01/05/2026 | 60 -70% công suất thiết kế |

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

1.2.1. Kế hoạch quan trắc với hệ thống xử lý nước thải

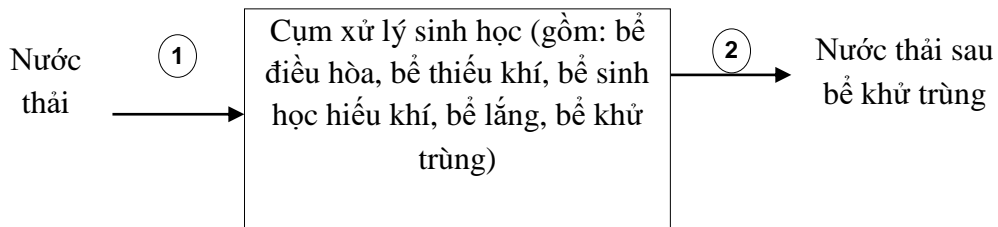
Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này (dự án quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Việc lấy mẫu nước thải để đo đạc, phân tích, đánh giá sự phù hợp của công trình xử lý nước thải bảo đảm phù hợp với TCVN 5999:1995 (ISO 5667-10:1992) về chất lượng nước - lấy mẫu và hướng dẫn lấy mẫu nước thải. Trên cơ sở đó, chủ đầu tư

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt sử dụng công nghệ sinh học nhằm xử lý các chất ô nhiễm có trong nước thải với các bể được xây dựng liên kết với nhau thành một cụm bể xử lý và đặt ngầm dưới đất. Do đó xem hệ thống xử lý nước thải là một công đoạn.



Hình 5.. Sơ đồ vị trí lấy mẫu nước thải sinh hoạt

- Vị trí lấy mẫu: lấy và phân tích mẫu nước thải đầu vào tại hố thu gom và nước thải đầu ra sau bể khử trùng.

Bảng 5.2. Kế hoạch lấy mẫu dự kiến trong giai đoạn VHTN

| STT | Vị trí lấy mẫu | Thông số quan trắc | Số mẫu | Tần suất | Thời gian | Quy chuẩn áp dụng |
|-----|-----------------------------|---|--------|--|--|--|
| 1 | 01 mẫu nước đầu vào HTXL | Nhiệt độ, pH, Màu, BOD5, COD, TSS, Cu, Fe, Tổng dầu | 01 mẫu | 01 lần/ 03 ngày | Trong 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn vận hành ổn định | QCVN 40:2011/BTNMT cột B (Kq= 0,9, Kf=1,1) |
| 2 | 01 mẫu nước đầu ra sau HTXL | mỡ khoáng, Sunfua, Amoni, Tổng N, Tổng P, Clo dư, Coliform. | 03 mẫu | 01 lần/01 ngày (trong 3 ngày liên tục) | | |

1.2.1. Kế hoạch quan trắc với hệ thống xử lý khí thải

Căn cứ khoản 1 Điều 31 Nghị định Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ có nêu: “Hệ thống thoát bụi, khí thải đối với các trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải, bao gồm cả hệ thống kiểm soát khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là khí gas, dầu DO, hệ thống xử lý khí thải lò hỏa táng”. Vì vậy hệ thống nồi hơi sử dụng tại nhà máy không cần phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

Chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng được công nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, định kỳ) theo quy định của pháp luật

Theo khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 46 điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì dự án có lưu lượng xả thải $150 \text{ m}^3/\text{ngày}$ $< 500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải (tự động, liên tục và định kỳ).

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường và các pháp luật liên quan khác, Công ty cam kết thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ như sau:

- Các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu của chất thải pháp sinh, xử lý chất thải bảo đảm đạt các quy định, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

1. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

2. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến dự án;

3. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của dự án gây nên;

4. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình hoạt động;

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về môi trường theo quy định;

6. Chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước, địa phương về công tác PCCC&CNCH;

7. Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án:

- Nước thải: nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung nằm trong giới hạn cho phép tại cột B, QCVN 40:2011/BTNMT ($K_q=0,9$; $K_f= 1,1$); từ ngày 01/01/2032, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025 (cột B).

- Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: được thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ngày 30/7/2024 Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

8. Chủ đầu tư cam kết về tính chính xác, trung thực của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An)

PHỤ LỤC BÁO CÁO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2902168149

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 06 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH FOUR LEAF DRESS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FOUR LEAF DRESS CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 95 đường Lê Hồng Phong, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: 0913274383

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ

32.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY YOTSUBA DRESS CO.,LTD.

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 3900-01-006867

Ngày cấp: 01/08/1972

Nơi cấp: Cơ quan tư pháp Yamagata - Chi nhánh Sakata
xác nhận ngày 27/7/2022

Địa chỉ trụ sở chính: 398-19, Murahigashiyama, Juurizuka, Sakata-shi, Yamagata-ken, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HAYASHIZAKI YOSHIYUKI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *09/12/1971*

Dân tộc: Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *TK9394692*

Ngày cấp: *23/07/2013*

Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao*

Địa chỉ thường trú: *389-19, Mura Higashiyama, Jurizuka Aza, Sakata – Shi, Yamagata – ken, Japan., Nhật Bản*

Địa chỉ liên lạc: *Số 95 đường Lê Hồng Phong, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Anh Tuấn



Hoàng Văn Chung

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá
tác động môi trường Dự án nhà máy may Công ty Four Leaf Dress
tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress và Văn bản số 08/CV/2024 ngày 15/01/2024 của Công ty TNHH Four Leaf Dress về việc chỉnh sửa bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 420/STNMT-BVMT ngày 17/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Dự án) do Công ty TNHH Four Leaf Dress làm chủ Dự án (sau đây gọi là Chủ Dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Đàn; Chủ tịch UBND xã Nghĩa Trung; Giám đốc Công ty TNHH Four Leaf Dress và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



★ Nguyễn Văn Đệ

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY MAY CÔNG TY FOUR LEAF DRESS

(kèm theo Quyết định số 142 /QĐ-UBND
ngày 18 /01/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy may công ty Four Leaf Dress.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Four Leaf Dress.
- + Đại diện: ông Hayashizaki Yoshiyuki; chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Địa chỉ: số 95, đường Lê Hồng Phong, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

a. Phạm vi: thi công theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Nghĩa Đàn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy may công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn.

b. Quy mô dự án:

- Quy mô xây dựng:
 - + Diện tích lập quy hoạch: 19.089,0m²;
 - + Diện tích đất hoàn trả: 911,8m².
- Quy mô công suất:
 - + Sản phẩm may mặc: 01 triệu sản phẩm/năm (không có hoạt động giặt tẩy, in ấn);
 - + Nhu cầu lao động: khoảng 1.000 người (khi hoạt động tối đa công suất).

1.3. Quy trình sản xuất:

Quy trình sản xuất sản phẩm may mặc: mua nguyên vật liệu → nhập kho nguyên liệu → kiểm tra số lượng, chất lượng vật tư → xuất vật tư theo lệnh sản xuất → thiết kế mẫu mã → giác mẫu → cắt → đánh số bó buộc → may → là → gấp, bẻ hoặc treo đóng túi → nhập kho → đóng gói → xuất bán.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

1.4.1. Các hạng mục công trình:

a. Các hạng mục công trình chính:

- Nhà văn phòng, cao 01 tầng, diện tích 450,0m²;
- Nhà xưởng, kho và nhà ăn, cao 01 tầng, diện tích 7.950,0m².

b. Các hạng mục phụ trợ:

- Cổng chính, biển hiệu, cột cờ;
- Nhà trực bảo vệ, cao 01 tầng, diện tích 25,0m²;
- Nhà Gara xe 1, cao 01 tầng, diện tích 402,0m²;
- Nhà Gara xe 2, cao 01 tầng, diện tích 300,0m²;
- Nhà Gara xe 3, cao 01 tầng, diện tích 144,0m²;
- Nhà Gara xe 4, cao 01 tầng, diện tích 72,0m²;
- Bể nước, diện tích 250,0m²;
- Trạm bơm và đài nước, diện tích 50,0m²;
- Nhà để máy phát điện, cao 01 tầng, diện tích 96,0m²;
- Trạm điện, diện tích 36m².

c. Các hạng mục bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải: đường ống UPVC D110 chiều dài 235m; UPVC D200 chiều dài 280m; hố ga 07 cái;
- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn mương bê tông cốt thép D400 chiều dài 110m, mương bê tông cốt thép D500 chiều dài 260m, mương bê tông cốt thép D600 chiều dài 32m, hố ga 27 cái;
- Bể tự hoại 03 bể có tổng dung tích 145m³;
- Bể tách dầu mỡ, 01 bể có dung tích 6,75m³;
- Khu vực xử lý nước thải: diện tích xây dựng 180m², công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung 150 m³/ngày.đêm;
- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 1,5 tấn hơi/giờ;
- Kho rác 1, cao 01 tầng, diện tích 100,0m²;
- Kho rác 2, cao 01 tầng, diện tích 64,0m².

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:**a. Giai đoạn thi công xây dựng:**

- Bồi thường, san nền, giải phóng mặt bằng, bóc bùn đất hữu cơ;
- Hoạt động vận chuyển, bóc dỡ nguyên vật liệu thi công xây dựng các hạng mục của dự án; hoạt động thi công xây dựng công trình;
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

b. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên;
- Hoạt động sản xuất của nhà máy.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ (LUC) với diện tích khoảng 1,87ha theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền, vận chuyển và thi công xây dựng công trình; hoạt động sinh hoạt của công nhân tác động đến môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất của dự án, sức khỏe cán bộ công nhân và môi trường xung quanh dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành:

Hoạt động sản xuất, hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tác động đến môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất của dự án, khu vực xung quanh và nguồn tiếp nhận nước thải của dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân thi công phát sinh với quy mô tối đa: $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh...

- Nước thải thi công tại khu vực ra vào công trình do hoạt động xịt rửa xe, phương tiện và các thiết bị thi công phát sinh với quy mô tối đa: $7,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất chứa nhiều cặn lơ lửng và có độ pH cao...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh tại khu vực công trình thi công, ngoài ra còn có một lượng nhỏ nước mưa chảy tràn từ phía Tây Bắc sang với quy mô tối đa: $3.120,76 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất chủ yếu gồm các chất lơ lửng bị nước mưa cuốn trôi như đất, cát, vật liệu xây dựng... do hoạt động thi công chưa được dọn dẹp, thiết bị thi công...

b. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phát sinh với quy mô tối đa: $46,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh...

- Nước thải sản xuất từ vệ sinh lò hơi (không sử dụng hóa chất) và xử lý khí thải lò hơi, từ bể chứa dung dịch hấp thụ của lò hơi với quy mô phát sinh tối đa: $5,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất: pH không ổn định, độ màu cao, cặn lơ lửng (SS), hợp chất hữu cơ (BOD/COD) cao, hợp chất muối hòa tan,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích khu vực dự án, ngoài ra còn có một lượng nhỏ nước mưa chảy tràn từ phía Tây Bắc sang với lưu lượng

phát sinh tối đa: 3.120,76 m³/ngày.đêm; thành phần, tính chất: chất cặn bã, đất, cát, rác và các tạp chất,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bóc đất hữu cơ, san lấp mặt bằng, hoạt động thi công xây dựng, hoạt động của máy móc,...; thành phần: chủ yếu là bụi và các khí độc như CO_x, SO₂, NO₂,...

b. Giai đoạn vận hành:

- Nguồn phát sinh: bụi vãi; bụi, khí thải từ phương tiện giao thông, hoạt động của lò hơi, máy phát điện dự phòng; mùi, khí thải từ quá trình nấu nướng của nhà ăn, từ nhà chứa chất thải, từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Thành phần: bụi, CO_x, NO_x, SO_x, NH₃,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công phát sinh khoảng 25 kg/ngày. Thành phần gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao bì có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, bìa carton,...); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh với khối lượng: đất bóc hữu cơ 4.772,25m³; đất đào móng công trình, trạm xử lý nước thải 3.056,1m³; chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng 15,46 tấn. Thành phần chủ yếu cây bụi, cỏ dại, cành lá cây, bùn đất, đá thải, bao bì đựng xi măng, vữa xi măng rơi vãi, gạch đá vụn, sắt thép vụn,...

b. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ nhân viên nhà máy phát sinh khoảng 0,5 tấn/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao bì có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, bìa carton,...); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất phát sinh khoảng 96,12 kg/ngày; thành phần gồm vãi vụn, lõi chỉ, giấy, bìa carton, bao bì,...

+ Chất thải của hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 0,42 kg/ngày; thành phần gồm bùn thải, cặn, rác,...

+ Chất thải của lò hơi đốt dầu DO với quy mô phát sinh khoảng 84 kg/ngày; thành phần gồm bùn cặn,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 4 - 5kg/tháng từ hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị thi công trên công trường; thành phần gồm giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy cũ, vỏ thùng sơn,...

b. Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 52 kg/tháng từ hoạt động sản xuất và hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên; thành phần gồm pin, ắc quy thải; bóng đèn; giẻ lau dính mỡ; túi nilon dính thành phần nguy hại; dầu máy thải; thùng can đựng dầu nhớt,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thi công (máy xúc, máy trộn bê tông, xe tải,...).

- Độ rung phát sinh từ hoạt động của các loại máy móc lớn thi công san lấp, vận chuyển nguyên vật liệu.

b. Giai đoạn vận hành:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông; hoạt động của máy móc sản xuất, hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện, hệ thống thông gió, điều hòa.

3.4. Các tác động khác:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tác động của việc chiếm dụng đất: việc triển khai dự án làm thay đổi lâu dài mục đích sử dụng đất và việc đền bù, thu hồi đất có thể làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư;

- Tác động đến hệ sinh thái: xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình kiến trúc dẫn đến hệ thực vật, động vật ở đây bị suy giảm;

- Ngập úng cục bộ: giai đoạn thi công mặt bằng dự án chưa được bê tông hóa, khi thi công dự án có thể gây ngập úng tại khu vực dự án khi trời mưa;

- An toàn lao động: trong quá trình xây dựng có thể phát sinh những sự cố về lao động ảnh hưởng đến công nhân và những đối tượng khác;

- Giao thông khu vực: làm gia tăng mật độ xe trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu trong khu vực.

b. Giai đoạn vận hành:

- Ô nhiễm nhiệt: xưởng may xây dựng bằng nhà khung thép, mái lợp tôn sóng; máy móc sản xuất; máy điều hòa không khí sẽ gây tác động tới môi trường như: nhiệt từ mái tôn, máy móc sản xuất, giàn nóng máy điều hòa thải vào môi trường làm nhiệt độ môi trường không khí tăng cao gây ô nhiễm nhiệt;

- Giao thông khu vực: làm gia tăng mật độ xe trên tuyến đường vận chuyển trong khu vực, mặt khác còn làm xuống cấp tuyến đường và tăng khả năng xảy ra tai nạn giao thông trên các tuyến đường này;

- Tác động đến kinh tế - xã hội địa phương: gia tăng dân số cơ học gây ra các vấn đề phức tạp trong việc ổn định văn hóa và trật tự an ninh tại khu vực dự án; gây áp lực lớn đến cơ sở hạ tầng giao thông;

- Tác động đến hệ sinh thái lưu vực tiếp nhận nước thải: Chất lượng nước mương thoát nước khu vực tại khu vực có khả năng bị biến đổi do các thành phần bị ô nhiễm trong nước thải của dự án; gây ngập lụt khu vực dự án trong trường hợp mưa lũ lớn và kéo dài chưa thoát kịp.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn:

+ Đào mương thoát nước tạm xung quanh khu vực dự án, dọc tuyến bố trí các hố ga (khoảng 10-15m/hố) để thu gom và lắng cặn nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án trước khi thoát ra mương thoát khu vực;

+ Ưu tiên thi công các công trình thoát nước trước và hoàn thiện trước mùa mưa; thi công gọn từng hạng mục, làm đến đâu xong đến đó, đầm nén đất đá, gia cố taluy đường;

+ Không tập trung các loại nguyên, vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát, rò rỉ vào đường thoát nước.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Lắp đặt 1 nhà vệ sinh di động bằng composite nguyên khối loại có thể tích bồn chứa 400l tại công trường, gần khu lán trại tạm; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý đúng quy định;

+ Đối với nước thải vệ sinh tay chân: thu gom vào hố lắng cát sỏi kích thước 2m×1m×1m bố trí gần cổng ra vào dự án để xử lý lắng cặn cùng nước thải thi công trước khi thải ra hệ thống mương thoát nước khu vực;

- Nước thải xây dựng: từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị xây dựng, nước rửa bánh xe ra vào dự án được dẫn vào hố lắng lọc 2 ngăn dung tích 2m³ (2m×1m×1m), bố trí gần cổng ra vào dự án để lắng cặn, trước khi thoát ra mương thoát nước khu vực và chảy về hệ thống mương thoát nước khu vực.

b. Giai đoạn vận hành:

- Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn:

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn mương bê tông cốt thép D400 chiều dài 110m; mương bê tông cốt thép D500 chiều dài 260m; mương bê

tông cốt thép D600 chiều dài 32m, 27 hố ga trong khu vực dự án, sau đó đầu nối vào mương thoát nước khu vực;

+ Định kỳ nạo vét các hố ga, mương để tránh tắc nghẽn hệ thống thoát nước.

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Xây dựng 03 bể tự hoại với tổng dung tích 145m^3 đặt dưới chân công trình nhà vệ sinh;

+ Xây dựng 01 bể tách dầu với dung tích $6,75\text{m}^3$ đặt cạnh công trình nhà ăn để thu gom nước thải từ khu vực bếp;

+ Bố trí đường ống thu gom nước thải bằng đường ống UPVC DN110 dài 235m, DN200 dài 280m, 07 hố ga để thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thu gom, xử lý nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi, vệ sinh lò hơi được thu gom vào hố gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy;

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $150\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của dự án; bùn cặn của hệ thống xử lý nước thải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng định;

+ Quy trình xử lý: nước thải sản xuất, nước thải từ bể tự hoại, nước thải từ khu vực nhà ăn (đã xử lý qua bể tách dầu mỡ), nước rửa tay chân → bể gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → bể chứa nước sau xử lý → nguồn tiếp nhận;

+ Nguồn tiếp nhận: mương thoát nước khu vực đoạn đi qua xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;

+ Tọa độ vị trí xả thải: $X = 2136791$ (m), $Y = 0575705$ (m);

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

+ Phương thức xả nước thải: tự chảy;

+ Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ/ngày.đêm);

+ Quy chuẩn áp dụng: cột B ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$), QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

+ Lưu lượng xả lớn nhất: $51,6\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận;

- Việc xử lý nước thải từ dự án phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Phủ bạt kín thùng xe khi vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng đến chân công trình;
- Lắp hàng rào bằng tôn cao 3m xung quanh khu vực thi công; lắp lưới chắn bụi khi tiến hành thi công lên tầng cao công trình;
- Dọn vệ sinh khuôn viên dự án và đoạn đường vào dự án cuối buổi làm việc;
- Tưới ẩm khu vực thi công trong những ngày nắng; thường xuyên phun nước tại các sân bãi tập kết vật liệu xây dựng; tưới ẩm tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu với tần suất 2 lần/ngày vào những ngày thời tiết khô hanh, gió lớn;
- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ dự án.

b. Giai đoạn vận hành:

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên nhà máy để hạn chế ô nhiễm, đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt.
- Đối với khu vực xưởng:
 - + Thiết kế nhà xưởng đảm bảo thông thoáng;
 - + Bố trí khoảng 25-30 quạt hơi nước và quạt thông gió tại khu vực nhà xưởng để thông gió, thoát khí và làm mát khu vực xưởng sản xuất (quạt có tấm lưới lọc bụi, định kỳ vệ sinh và thay thế tấm lưới lọc mới);
 - + Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại nhà máy.
- Đối với khí thải từ nhà ăn:
 - + Trang bị bộ phận hút và lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường;
 - + Bếp sử dụng các nhiên liệu đốt sạch như khí hóa lỏng, thiết bị dùng điện...
- Bụi, khí thải từ lò hơi:
 - + Sử dụng nguyên liệu đốt là dầu DO với lưu lượng khoảng 1.005,64 m³/giờ để giảm thiểu khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi;
 - + Quy trình xử lý khí thải từ lò hơi: bụi, khí thải từ lò hơi theo đường ống, chụp hút → hệ thống cyclone → bụi được tách dưới đáy cyclone, khí không còn bụi → bể chứa dung dịch hấp thụ Ca(OH)₂ → quạt hút khí thải → ống khói → ra ngoài môi trường;
 - + Dòng thải ra môi trường: 01 dòng tại ống khói lò hơi;
 - + Tọa độ vị trí xả thải: X = 2136867 (m), Y = 0575627 (m);
(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiều 3⁰)

+ Phương thức, chế độ xả thải: xả khí thải gián đoạn, thời gian xả thải 8 giờ/ngày (theo ca sản xuất của Nhà máy);

+ Quy chuẩn: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_v = 1,2$; $K_p = 1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Bụi, khí thải từ máy phát điện: xung quanh khu vực đặt máy phát điện được bọc bởi tường bê tông cốt thép, lót đệm cao su để cách âm và chống rung.

- Bụi, khí thải do phương tiện giao thông:

+ Hợp đồng với đơn vị chuyên vận tải nguyên vật liệu và sản phẩm của nhà máy;

+ Phương tiện vận tải đảm bảo các điều kiện kỹ thuật nhằm hạn chế thấp nhất việc phát thải các chất ô nhiễm vào môi trường.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải kín và có hệ thống thoát khí ra ngoài; thường xuyên theo dõi, kiểm soát quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, vận hành đúng thiết kế và phối hợp với đơn vị có chức năng để kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống trước khi thải ra môi trường;

- Chất thải rắn thải sinh hoạt phải được vận chuyển hàng ngày, không tập trung lâu ngày gây phân hủy làm phát sinh các loại khí thải như CH_4 , H_2S , NH_3 ... và mùi hôi thối vào môi trường không khí.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thực hiện đầy đủ công trình, biện pháp thu gom khí thải, giảm thiểu mùi theo đúng quy định;

- Việc xử lý bụi, khí thải từ Dự án phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp thu gom quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 03 thùng dung tích 120 lít có màu/lót túi màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ UBND tỉnh, có nắp đậy, dán nhãn để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện như sau:

- 01 thùng đựng chất thải có thể tái chế có nguồn gốc kim loại hoặc nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy,... chuyển giao cho cơ sở thu mua phế liệu theo quy định;

- 01 thùng đựng chất thải thực phẩm như rau, củ quả, thức ăn thừa,... phối hợp với các hộ gia đình và các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển xử lý;

- 01 thùng đựng chất thải chất thải sinh hoạt khác (không có khả năng tái sử dụng, tái chế) như: túi nilon, hộp đựng thực phẩm,... hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển xử lý.

* Chất thải rắn xây dựng:

- Sinh khối thực vật và bùn đất bóc hữu cơ: đối với lượng đất mặt phải bóc tách của phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước (khối lượng 4.772,25 m³): toàn bộ được lưu giữ tại khu vực dự án để tận dụng để trồng cây xanh khuôn viên dự án (không đổ thải) theo Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Chất thải rắn do quá trình thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng như bao xi măng, sắt thép vụn,...thu gom và bán phế liệu hàng ngày;

+ Bê tông hỏng, vôi vữa hỏng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng... được tận dụng san lấp mặt bằng thi công san nền;

+ Ván cốp pha, cọc chống hỏng trong và sau khi thi công dự án thu gom và bán cho nhân dân trong vùng để sử dụng vào các mục đích khác như đun nấu hoặc sử dụng lại cho các công trình xây dựng khác;

+ Đối với đất đào hố móng: sử dụng cho làm đường giao thông, trong việc hoàn lấp hố móng và san lấp mặt bằng.

b. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa chuyên dùng có màu/lót túi màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh, có nắp đậy, dán nhãn để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện như sau:

+ Tại các khu vực văn phòng, nhà xưởng sản xuất, nhà ăn cán bộ công nhân viên...: bố trí mỗi khu 03 thùng chứa 60 lít có nắp màu khác nhau để lưu giữ, phân loại các loại chất thải. Cuối ngày công nhân vệ sinh dùng xe đẩy đến thu gom đưa đến vị trí tập kết của dự án;

+ Khu vực công cộng: dọc các tuyến đường bố trí 15 thùng có nắp đậy loại 60 lít đựng chất thải rắn với khoảng cách 100m/thùng. Các nhân viên vệ sinh của dự án thu gom chất thải rắn từ các thùng 1 ngày/lần.

- Cuối ngày nhân viên vệ sinh thu gom các loại chất thải rắn từ các khu vực trên đưa về kho tập kết chất thải rắn. Tại kho chất thải rắn bố trí 03 thùng 300 lít để tập kết các chất thải đã được phân loại tại nguồn. Các chất thải sau khi đã tập kết tại kho xử lý như sau:

+ Chất thải thực phẩm: phối hợp với các hộ gia đình và các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển xử lý;

+ Chất thải có thể tái chế có nguồn gốc kim loại hoặc nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy,... chuyển giao cho cơ sở thu mua phế liệu theo quy định;

+ Chất thải chất thải sinh hoạt khác (không có khả năng tái sử dụng, tái chế) như: túi nilon, hộp đựng thực phẩm,... hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển xử lý.

+ Kho chứa với diện tích 100m². Kho lưu chứa trong nhà có kết cấu bằng tôn, có biển báo, mái che, có cửa, nền bê tông.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Vải vụn, bông vụn, sản phẩm may mặc lỗi,... được thu gom vào 02 thùng đựng composit có dung tích 240 lít, định kỳ 01 tháng/01 lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý;

+ Giấy in, giấy, bìa carton lỗi... được thu gom vào 02 thùng đựng composit có dung tích 240 lít, định kỳ 01 tháng/01 lần chuyển giao cho cơ sở thu mua phế liệu;

+ Kho chứa với diện tích 100m². Kho lưu chứa trong nhà có kết cấu bằng tôn, có biển báo, có mái che, có cửa khóa, nền bê tông, có gờ cao và chia làm 03 ngăn.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý:

+ Đối với lượng dầu mỡ từ khu vực nhà ăn được thu gom từ bể tách dầu mỡ, thuê đơn vị có chức năng định kỳ nạo vét và thu gom vận chuyển và đưa đi xử lý;

+ Đối với tro xỉ phát sinh từ lò hơi sẽ được thu gom tập trung vào khu vực lưu giữ riêng biệt, có mái che, nền cao và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý, diện tích kho chứa 20m² (nằm trong kho chất thải rắn công nghiệp);

+ Đối với bùn thải từ cụm bể xử lý nước thải sản xuất: hợp đồng với đơn vị có chức năng lấy mẫu giám sát để kiểm tra hàm lượng các thành phần nguy hại trong bùn thải. Nếu bùn có chứa thành phần vượt ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT được thu gom xử lý cùng các loại chất thải nguy hại, nếu bùn không chứa thành phần nguy hại thì hút và vận chuyển đi xử lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bố trí 02 thùng composit dung tích 120 lít chứa chất thải nguy hại (01 thùng đựng CTNH dạng rắn, 01 thùng đựng CTNH dạng lỏng) có nắp đậy và dán nhãn theo đúng quy định để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động thi công xây dựng;

- Bố trí 01 nhà kho diện tích khoảng 5m² có gắn biển cảnh báo nguy hại tại công trường, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường;

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại;

- Thu gom và quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b. Giai đoạn vận hành:

- Bố trí 03 thùng composit dung tích 240 lít chứa chất thải nguy hại có nắp đậy và dán nhãn theo đúng quy định để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại dự án;

- Bố trí kho chất thải nguy hại với diện tích 64m² đặt tại phía Đông Nam nhà máy. Kho xây dựng tuân thủ theo các quy định trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho được thiết kế phù hợp với phương án phòng cháy, rò rỉ, chống tràn đổ và bảo đảm tách riêng các chất không tương thích. Quy mô kho chứa và các yêu cầu kỹ thuật được xác định, bao gồm:

+ Kết cấu: khung thép tiền chế, tường xây gạch không nung, mái tôn, cửa thép đảm bảo kín khí, nền cao, được lát xi măng và sơn chuyên dụng chống ăn mòn hóa chất. Có gờ cao để ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có rãnh thu nước rò rỉ xung quanh kho chứa;

+ Trong kho bố trí hệ thống chữa cháy, bình chữa cháy di động, cát và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ tràn đổ dầu thải;

+ Gắn các biển cảnh báo nguy hiểm trong và ngoài kho chứa;

+ Chất thải nguy hại được thu gom và chứa vào 03 thùng chuyên dụng đựng chất thải nguy hại cho các mã, có nắp đậy để từng ô với từng nhóm chất thải riêng biệt. Các thùng phân loại chất thải nguy hại có nắp đậy, có tên, dán nhãn, mã chất thải cho từng loại, đồng thời treo biển cảnh báo.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất 06 tháng/lần đảm bảo bàn giao chất thải đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận ký kết và có chứng từ chất thải nguy hại.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Đối với tiếng ồn:

+ Bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công cùng một lúc các công đoạn có phát ra tiếng động lớn; không đổ bê tông sau 21 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau;

+ Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, phương tiện thi công, nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn;

+ Không sử dụng các phương tiện chở quá trọng tải, quy định tốc độ hợp lý cho các loại xe nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến khu vực dân cư lân cận;

+ Các phương tiện máy móc khi chưa thi công thì phải tắt máy;

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân, đặc biệt là những công nhân tiếp xúc trực tiếp với các máy móc, phương tiện phát sinh độ ồn lớn như: máy trộn bê tông, xe ủi.

- Đối với tác động do độ rung:

+ Chống rung tại nguồn: kê cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực, sử dụng vật liệu phi kim loại, thay thế chế độ tải làm việc,...;

+ Chống rung lan truyền: dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung (đệm đàn hồi, gối đàn hồi cao su,...) sử dụng các dụng cụ cá nhân chống rung;

+ Bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

b. Giai đoạn vận hành:

- Lắp đặt các máy may chất lượng tốt và định kỳ bảo dưỡng các máy này;

- Nghiêm cấm tụ họp nhiều công nhân gây tranh cãi ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực;

- Lắp đặt đệm cao su chống rung chống ồn cho máy phát điện;

- Trồng cây xanh để hạn chế lan truyền tiếng ồn, đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Xây dựng kè chắn đất bằng đá hộc bao quanh khu đất trước khi đổ đất để san nền không ảnh hưởng đến khu vực đất sản xuất nông nghiệp xung quanh dự án.

- Phòng ngừa sự cố thiên tai: phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc chủ động phòng chống thiên tai, không để xảy ra các sự cố gây thiệt hại về người và tài sản trên các công trường.

- Phương án phòng chống cháy nổ: tuân thủ các biện pháp phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan chức năng.

- Đối với tai nạn lao động: tuân thủ các quy định về an toàn lao động trong tổ chức thi công.

- Giảm thiểu tai nạn giao thông: bố trí người điều tiết giao thông khi xe chở nguyên vật liệu ra vào công trường dự án. Đặt biển báo hiệu công trường đang thi công chỉ dẫn với tốc độ lưu thông tối đa đoạn đi qua khu vực dự án là 5km/h.

- Các biện pháp giảm thiểu sự cố ngập úng:

+ Định kỳ nạo vét các tuyến mương để khơi thông dòng chảy trước và sau mưa;

+ Định kỳ hàng năm duy tu, sửa chữa hệ thống nắp chắn rác, hố ga, mương thoát thoát nước.

b. Giai đoạn vận hành:

- Phòng chống sự cố xử lý nước thải:

+ Thường xuyên kiểm tra, định kỳ tiến hành bảo dưỡng, duy tu hệ thống thu gom và xử lý nước thải;

+ Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật;

+ Lắp đặt các trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố xử lý nước thải;

+ Xây dựng kế hoạch tập huấn, huấn luyện, diễn tập về ứng phó sự cố;

+ Công khai kế hoạch ứng phó sự cố xử lý nước thải;

+ Trong trường hợp sự cố hệ thống, toàn bộ nước thải được thu gom và lưu giữ tại bể điều hòa. Sau đó, tiến hành khắc phục sự cố và bơm nước thải trở lại hệ thống để xử lý.

+ Dừng toàn bộ hoạt động để khắc phục sự cố.

- Phòng chống sự cố lò hơi:

- + Thường xuyên bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải lò hơi;
- + Ông dẫn đến lò hơi được thiết kế đảm bảo an toàn đúng yêu cầu tiêu chuẩn thiết kế, đồng thời có van tự động để kiểm soát hoạt động của lò hơi;
- + Đào tạo nhân lực vận hành lò hơi có chuyên môn, thường xuyên giám sát quá trình vận hành lò;
- + Đảm bảo hệ thống máy móc, trang thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố;
- + Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động của lò hơi và thông báo với cơ quan chức năng để xử lý.
- Phòng chống sự cố hóa chất:
- + Lưu giữ hóa chất tại kho theo đúng quy định;
- + Thông báo, báo động khi xảy ra sự cố và báo cáo cơ quan chức năng để xử lý sự cố;
- + Xác định nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

Các biện pháp giảm thiểu của chiếm dụng đất: phối hợp với UBND xã Nghĩa Trung thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân; xây dựng đường hoàn trả 5m và mương thoát nước khu vực phía Tây Nam bàn giao cho UBND xã Nghĩa Trung quản lý sau khi thực hiện xong; thi công xây dựng đảm bảo hành lang an toàn lưới điện.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng:

Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: tại khu vực tập kết chất thải rắn.
- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải rắn phát sinh để quản lý theo quy định.
- Tần suất giám sát: thường xuyên hàng ngày.

5.2. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm:

a. Nước thải:

- Tần suất lấy mẫu: đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định 03 ngày liên tiếp. Tần suất quan trắc là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

- Thông số quan trắc: nhiệt độ, pH, màu, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, crom (VI), crom (III), đồng, sắt, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, amoni (tính theo N), tổng N, tổng photpho (tính theo P), clo dư, coliform.

- Vị trí: nước thải đầu vào tại bể điều hòa và nước thải đầu ra tại bể chứa nước sau xử lý.

- Quy chuẩn so sánh: cột B ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$), QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

b. Khí thải:

- Tần suất quan trắc khí thải ít nhất là 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

- Thông số quan trắc: bụi tổng số, lưu huỳnh dioxit (SO_2), nitơ oxit NO_x (tính theo NO_2), cacbon oxit (CO).

- Vị trí: khí thải tại ống khói lò hơi.

- Quy chuẩn so sánh: cột B ($K_v=1,2$, $K_p=1$), QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

5.3. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn vận hành ổn định:

Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Triển khai dự án sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích đất lúa và các thủ tục khác có liên quan theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và hoạt động dự án.

6.3. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện khoanh định ranh giới dự án, xác định các địa bàn làm công trường thi công và đổ thải các loại bùn thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

6.4. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố, an toàn giao thông đường bộ, quản lý đất đai và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

6.6. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc, giám sát để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

6.7. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

6.8. Cam kết thực hiện các nội dung đã thỏa thuận, thống nhất với cộng đồng dân cư và UBND xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An./.





UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5443168176

Chứng nhận lần đầu: ngày 12 tháng 5 năm 2023

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1: ngày 07 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 và Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) quy định biểu mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Nghệ An; Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Đề án hợp nhất Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Sở Tài chính thuộc UBND tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5443168176, chứng nhận lần đầu ngày 12/5/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính tỉnh Nghệ An) cấp cho Dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm của Nhà đầu tư nộp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An;

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH NGHỆ AN

Chứng nhận: Dự án đầu tư Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress; mã số dự án 5443168176 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Nghệ An



chứng nhận lần đầu ngày 12/5/2023; được đăng ký điều chỉnh các nội dung: Mục tiêu, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: CÔNG TY YOTSUBA DRESS CO., LTD

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900-01-006867 cấp ngày 01/08/1972 do Cơ quan tư pháp Yamagata - Chi nhánh Sakata xác nhận ngày 27/7/2022, mục đích: kinh doanh, may quần áo phụ nữ.

Địa chỉ trụ sở: 389-19, Mura Higashiyama, Jurizuka Aza, Sakata-shi, Yamagata-ken, Japan.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Ông Hayashizaki Yoshiyuki, Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 09/12/1971, Quốc tịch: Nhật Bản

Hộ chiếu số: TK9394692 do Bộ Ngoại giao cấp ngày 23/07/2013.

Địa chỉ: 389-19, Mura Higashiyama, Jurizuka Aza, Sakata-shi, Yamagata-ken, Japan.

Điện thoại: +81 234 43 1184 Email: yotsuba.yoshiyuki@gmail.com

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Four Leaf Dress

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2902168149 do Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 23/6/2023.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án: Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress.

2. Mục tiêu dự án: Chuyên gia công hàng may mặc lễ phục và thời trang. Sản phẩm xuất khẩu 100%

| STT | Mục tiêu hoạt động | Mã ngành theo VSIC (mã ngành cấp 4) |
|-----|---|--|
| 1 | Sản xuất, gia công hàng may mặc (trừ trang phục từ da lông thú) | 1410 |

3. Quy mô dự án:

- Công suất thiết kế: Sản xuất hàng may 1.000.000 sản phẩm/năm.

- Các hạng mục công trình: Nhà trực bảo vệ, cao 1 tầng, diện tích xây dựng (DTXD) khoảng 25,0m²; nhà văn phòng, cao 1 tầng, DTXD khoảng 390,0m²; nhà gara xe, cao 1 tầng, DTXD khoảng 1.356,0m²; nhà xưởng và kho, cao 1 tầng,

DTXD khoảng 7.150,0m²; nhà ăn ca, cao 1 tầng, DTXD khoảng 1.040,0m²; nhà để máy phát điện, cao 1 tầng, DTXD khoảng 96,0m²; kho rác, cao 1 tầng, DTXD khoảng 150,0m²; nhà hơi, cao 1 tầng, DTXD khoảng 216,0m²; trạm điện, DTXD khoảng 36,0m²; bể nước, DTXD khoảng 250,0m²; mái che, phụ trợ khác, DTXD khoảng 998,0m²; bể xử lý nước thải, diện tích khoảng 180,0m²; trạm bơm và đài nước, DTXD khoảng 50,0m²; sân đường nội bộ, cây xanh và các hạng mục phụ trợ khác (Quy mô cụ thể các hạng mục thực hiện theo quy hoạch chi tiết dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

4. Địa điểm thực hiện: Tại xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Ranh giới các phía tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc giáp: Đường gom Quốc lộ 48D;
- Phía Đông Nam giáp: Đất lúa;
- Phía Đông Bắc giáp: Đường giao thông nội đồng;
- Phía Tây Nam giáp: Đất lúa.

4. Diện tích đất dự kiến sử dụng: Khoảng 20.000 m².

5. Tổng vốn đầu tư: 135.430.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng), tương đương 5.800.000 USD (Năm triệu tám trăm nghìn đô la Mỹ), trong đó: vốn tự có của nhà đầu tư chiếm khoảng 24,14% tổng mức đầu tư tương đương với 32.690.000.000 đồng, vốn huy động chiếm khoảng 75,86% tổng mức đầu tư tương đương 102.740.000.000 đồng.

6. Thời hạn hoạt động: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

7. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành và đưa dự án đi vào hoạt động trong vòng 12 tháng kể từ ngày được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Điều 2. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của hồ sơ, tài liệu, văn bản gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ

2. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan liên quan để hoàn thành hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật; tập trung nguồn lực triển khai hoàn thành dự án theo đúng quy định, đúng tiến độ được UBND tỉnh cho phép điều chỉnh. Trường hợp không đúng tiến độ sẽ bị xử lý theo quy định, nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm về các chi phí đã bỏ ra.

4. Thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án bổ sung đối với số vốn đầu tư điều chỉnh tăng thêm theo quy định trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

5. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Nghệ An và cam kết của nhà đầu tư tại Văn bản số 29/BC.FLD ngày 10/6/2025.

6. Căn cứ ý kiến của sở, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện dự án đảm bảo đúng yêu cầu, đúng quy định.

7. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư 2020.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5443168176 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An chứng nhận lần đầu ngày 12/5/2023.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 (một) bản cấp cho Nhà đầu tư, 01 (một) bản lưu tại Sở Tài chính tỉnh Nghệ An và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- UBND xã Nghĩa Đàn;
- Lưu: VT, TCCP (HÁP)

CHỨNG THỰC 3 05 307 ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: Quyền số: SCT/BS
14-07-2025



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]

Hồ Phi Triều

CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG VĂN CHUNG



Hoàng Văn Chung



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 71 /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI
CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(cấp lần đầu: ngày .05.. tháng 5 năm 2023)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông báo số 896-TB/TU ngày 27/4/2023 của Thường trực Tỉnh ủy về việc thống nhất chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Văn bản số 227-CV/BCSE ngày 04/5/2023 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về việc triển khai Thông báo của Thường trực Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại các Văn bản: Số 287/SKHĐT-DN ngày 06/02/2023 và số 613/SKHĐT-KTĐN ngày 24/02/2023 về việc báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư: CÔNG TY YOTSUBA DRESS CO.,LTD.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900-01-006867 cấp ngày 01/08/1972 do Cơ quan tư pháp Yamagata - Chi nhánh Sakata xác nhận ngày 27/7/2022, mục đích: kinh doanh, may quần áo phụ nữ.

Địa chỉ trụ sở: 389-19, Mura Higashiyama, Jurizuka Aza, Sakata-shi, Yamagata-ken, Japan.

Tên tổ chức kinh tế dự kiến thành lập: CÔNG TY FOUR LEAF DRESS.

2. Tên dự án: Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress.

3. Mục tiêu dự án: Sản xuất các sản phẩm may mặc lễ phục và thời trang xuất khẩu.

4. Quy mô dự án:

4.1. Các hạng mục công trình: Nhà trục bảo vệ, cao 01 tầng, diện tích xây dựng (DTXD) khoảng 25,0m²; Nhà văn phòng, cao 01 tầng, DTXD khoảng 390,0m²; Nhà gara xe, cao 01 tầng, DTXD khoảng 1.356,0m²; Nhà xưởng và kho, cao 01 tầng, DTXD khoảng 7.150m²; Nhà ăn ca, cao 01 tầng, DTXD khoảng 1.040,0m²; Nhà để máy phát điện, cao 01 tầng, DTXD khoảng 96,0m²; Kho rác, cao 01 tầng, DTXD khoảng 150,0m²; Nhà hơi, cao 01 tầng, DTXD khoảng 216,0m²; Trạm điện, DTXD khoảng 36,0m²; Bể nước, DTXD khoảng 250,0m²; Mái che, phụ trợ khác, DTXD khoảng 998,0m²; Bể xử lý nước thải, diện tích khoảng 180,0m²; Trạm bơm và đài nước, DTXD khoảng 50,0m²; Sân đường nội bộ, cây xanh và các hạng mục phụ trợ khác. Quy mô cụ thể các hạng mục thực hiện theo quy hoạch chi tiết dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Công suất thiết kế: Sản xuất hàng may mặc 1.000.000 sản phẩm/năm.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Ranh giới các phía tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc giáp: Đường gom Quốc lộ 48D;
- Phía Đông Nam giáp: Đất lúa;
- Phía Đông Bắc giáp: Đường giao thông nội đồng;
- Phía Tây Nam giáp: Đất lúa.

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng: Khoảng 20.000m².

7. Tổng vốn đầu tư: 98.070.000.000 đồng (Chín mươi tám tỷ, không trăm bảy mươi triệu đồng), tương đương 4.200.000 USD (Bốn triệu, hai trăm nghìn đô la Mỹ), trong đó vốn tự có chiếm 33,33% tổng mức đầu tư, vốn vay ngân hàng chiếm 66,67% tổng mức đầu tư.

8. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

9. Tiến độ thực hiện dự án:

- Quý III/2023: Hoàn thành các thủ tục đầu tư.
- Quý IV/2023 đến Quý III/2024: Triển khai thi công xây dựng các hạng mục của dự án.
- Quý IV/2024: Đưa dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

10. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nhà đầu tư - CÔNG TY YOTSUBA DRESS CO.,LTD (tổ chức kinh tế dự kiến thành lập để thực hiện dự án: CÔNG TY FOUR LEAF DRESS):

- Phải bảo đảm thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện việc lập, trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng theo đúng quy định. Thực hiện các thủ tục về môi trường theo quy định hiện hành, xây dựng hệ thống xử lý và thoát nước thải theo đúng quy định, không để nước thải ra ngoài khu vực đất sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng, chất lượng nông sản khu vực xung quanh nhà máy. Thu gom, quản lý và xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đảm bảo đạt yêu cầu theo các quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành. Quá trình xây dựng và hoạt động nếu để xảy ra sự cố không đảm bảo về môi trường thì phải dừng hoạt động và mọi tổn thất chủ đầu tư phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm.

- Phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện Nghĩa Đàn, cơ quan liên quan để hoàn thành hồ sơ, thủ tục có liên quan (đất đai, xây dựng, quy hoạch, môi trường, phòng cháy chữa cháy, đấu nối giao thông, biện pháp đảm bảo an toàn điện,...) trước khi triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật, trong đó có việc lập các hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chuyển mục đích sử dụng đất lúa, kế hoạch sử dụng đất và phải lập hồ sơ thuê đất theo quy định; xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước và nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định; đảm bảo quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn điện đối với dự án; dự án chỉ được khởi công xây dựng khi nhà đầu tư hoàn thành đầy đủ các thủ tục, điều kiện theo quy định.

- Phối hợp với UBND huyện Nghĩa Đàn trình Sở Giao thông vận tải báo cáo UBND tỉnh xin ý kiến Bộ Giao thông vận tải về việc kết nối tuyến đường quy hoạch 12m (hiện trạng là đường đất rộng khoảng 5,0m) vào Quốc lộ 48D tại vị trí Km38+995 (trái tuyến) theo đúng trình tự, thủ tục quy định, (cam kết tự nguyện bỏ kinh phí và phối hợp với UBND huyện Nghĩa Đàn cứng hóa tuyến đường giao thông đấu nối của dự án, phần kinh phí này không tính vào chi phí phát triển dự án khi định giá đất được giao, được thuê, không yêu cầu nhà nước chi trả dưới mọi hình thức). Trong trường hợp Bộ Giao thông vận tải không thống nhất phương án đấu nối nêu trên, UBND huyện Nghĩa Đàn xây dựng phương án đường gom nằm ngoài hành lang an toàn giao thông đường bộ tuyến Quốc lộ 48D và kết nối giao thông vào tuyến Quốc lộ 48D tại Km40+500.

- Phối hợp với UBND huyện Nghĩa Đàn, UBND xã Nghĩa Trung để thống nhất phương án hoàn trả tuyến đường giao thông nội đồng, mua đất với kết cấu

Đ: 1068

YÊN PHÚC

CÔNG CHỨC

HOÀNG VĂN C

TP VINH - T.P

quy mô tiêu chuẩn tương đương (hoặc cao hơn) đảm bảo sinh hoạt, sản xuất của người dân, tưới, tiêu thoát lũ khu vực và bàn giao cho địa phương quản lý. Chịu toàn bộ phần chi phí hoàn trả, phần chi phí này không được tính vào chi phí phát triển của dự án khi định giá đất được giao, được thuê và không yêu cầu nhà nước hoàn trả kinh phí trên dưới mọi hình thức.

- Có cơ chế ưu tiên đào tạo chuyển đổi ngành nghề và tuyển dụng đối với con em các hộ dân có đất chuyển đổi cho dự án và đảm bảo các quyền lợi của người lao động.

- Thực hiện dự án đảm bảo quy định và tiến độ cho phép, nếu nhà đầu tư không đảm bảo quy định và tiến độ cho phép, làm kéo dài thời gian chậm đưa đất vào sử dụng, UBND tỉnh sẽ xem xét chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi đất theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư phải chịu hoàn toàn mọi chi phí đã bỏ ra.

- Căn cứ ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan để triển khai thực hiện dự án đúng yêu cầu, đúng quy định.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020.

2. UBND huyện Nghĩa Đàn:

- Chịu trách nhiệm về tính pháp lý, việc xác định nguồn gốc, diện tích, loại đất, chủ sử dụng đất đối với từng thửa đất cụ thể trong khu đất đề xuất thực hiện dự án và các nội dung khác có liên quan theo đúng quy định; tham mưu xử lý đối với phương án hoàn trả các công trình bị ảnh hưởng tại khu vực (nếu có) đảm bảo quy định.

- Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện dự án; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, đảm bảo an ninh trật tự,... đối với dự án theo quy định của pháp luật; trong đó tổng hợp dự án nêu trên báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện dự án; bổ sung dự án vào Kế hoạch sử dụng đất theo quy định; giám sát nhà đầu tư thực hiện thủ tục và triển khai dự án đảm bảo hành lang tuyến đường dây 500kV theo quy định.

- Định kỳ hàng quý kiểm tra, rà soát, báo cáo tiến độ thực hiện dự án gửi UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

3. Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính theo chức năng nhiệm vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan về (đất đai, xây dựng, môi trường,...) theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Đàn; Chủ tịch UBND xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn; Các tổ chức, cá nhân có liên quan và nhà đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 20/

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Bùi Thanh An;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu : VT, CN(TP, T.Tr).

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực 2.1.5.2.9. Quyền số 80/105
 NGÀY 11-05-2023

ỦY BAN NHÂN DÂN
 CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH

CÔNG CHỨNG VIỆN
 VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG VĂN CHUNG
 1988
 VĂN PHÒNG
 CÔNG CHỨNG
 HOÀNG VĂN CHUNG
 TP. VINH - T. NGHỆ AN

Bùi Thanh An

Hoàng Văn Chung



Đã được Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi xác minh và ghi nhận đúng như nội dung nêu trên. Vì vậy, UBND tỉnh Quảng Ngãi đồng ý cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Hoàng Anh Hưng Phát theo hồ sơ đề nghị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Hưng Phát.

CHỦNG THỰC BẢN SÁO
 ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH
 SỐ CHỨNG THỰC: ...
 NGÀY 11/03/2023
 CÔNG CHỨNG VIỆN
 VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HÒA ANH VÀNG CHUNG



Hoàng Anh Vàng Chung



Số: 53 /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(cấp lần đầu: ngày 05 tháng 5 năm 2023)

(điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 04 tháng 7 năm 2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023);

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 3475/STC-TC&PTDN ngày 17/6/2025 về việc báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn (nay là xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An) do Công ty TNHH Four Leaf Dress đề xuất (đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 05/5/2023), với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung “Mục tiêu dự án quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh” được điều chỉnh như sau:

“Mục tiêu dự án: Chuyên gia công hàng may mặc lễ phục và thời trang. Sản phẩm xuất khẩu 100%.”



2. Nội dung “Tổng vốn đầu tư quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh” được điều chỉnh như sau:

“Tổng vốn đầu tư: 135.430.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng), tương đương 5.800.000 USD (Năm triệu tám trăm nghìn đô la Mỹ), trong đó: vốn tự có của nhà đầu tư chiếm khoảng 24,14% tổng mức đầu tư tương đương với 32.690.000.000 đồng, vốn huy động chiếm khoảng 75,86% tổng mức đầu tư tương đương 102.740.000.000 đồng.”

3. Nội dung “Tiến độ thực hiện dự án quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh” được điều chỉnh như sau:

“Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành và đưa dự án đi vào hoạt động trong vòng 12 tháng kể từ ngày được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nhà đầu tư - Công ty Four Leaf Dress:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của hồ sơ, tài liệu, văn bản gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan liên quan để hoàn thành hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật; tập trung nguồn lực triển khai hoàn thành dự án theo đúng quy định, đúng tiến độ được UBND tỉnh cho phép điều chỉnh. Trường hợp không đúng tiến độ sẽ bị xử lý theo quy định, nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm về các chi phí đã bỏ ra.

- Thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án bổ sung đối với số vốn đầu tư điều chỉnh tăng thêm theo quy định trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND tỉnh và cam kết của nhà đầu tư tại Văn bản số 29/BC.FLD ngày 10/6/2025.

- Căn cứ ý kiến của sở, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện dự án đảm bảo đúng yêu cầu, đúng quy định.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư 2020.

2. UBND xã Nghĩa Đàn: Theo dõi, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án đúng tiến độ và đúng quy định; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, đảm bảo an ninh trật tự,...; kiểm tra, xử lý trật tự xây dựng đối với dự án (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật. Định kỳ hàng quý kiểm tra, rà soát, báo cáo tiến độ thực hiện dự án gửi về UBND tỉnh (qua Sở Tài chính).

3. Các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Thuế tỉnh Nghệ An; Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khu vực 8 theo chức năng nhiệm vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thực hiện các thủ tục, nghĩa vụ có liên quan theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND tỉnh.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Thuế tỉnh Nghệ An; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khu vực 8; Chủ tịch UBND xã Nghĩa Đàn; Giám đốc Công ty Four Leaf Dress; Các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *KS*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (TP, T.Tr)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực..... 29483 Quyền số..... SGT/BS

NGÀY 07-07-2025

CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG VĂN CHUNG



Hoàng Văn Chung



HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148/HĐ- TD

Nghệ An, ngày 11 tháng 9 năm 2024

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc cho Công ty TNHH Four Leaf Dress thuê đất tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc đính chính nội dung tại các Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 và Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An.

Hôm nay, ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Do ông: Phạm Văn Toàn, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An làm đại diện.

II. Bên thuê đất là: Công ty TNHH Four Leaf Dress (mã số doanh nghiệp 2902168149).

Có Trụ sở chính: số 95 đường Lê Hồng Phong, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số Tài khoản: 5128956666 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Phủ Diễn.

Đại diện bởi: HAYASHIZAKI YOSHIYUKI - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU ĐÂY:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích khu đất 19.089,0 m² đất (Bằng chữ: Mười chín nghìn, không trăm tám mươi chín mét vuông).

Trong đó: có 1,1 m² nằm trong hành lang an toàn lưới điện 500kV, đề nghị Công ty không xây dựng công trình trong phạm vi hành lang an toàn của điện lực.

Tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 454/2023/BĐĐC/VPĐK tỷ lệ 1/1.000 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh thực hiện được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 04/01/2024.

3. Thời hạn thuê đất: Đến hết ngày 04/6/2074.

4. Mục đích sử dụng đất: Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (*thực hiện Dự án Nhà máy may*).

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất theo Thông báo số 3263/TB-CT ngày 26/8/2024 của Cục Thuế tỉnh Nghệ An là 22.730 đồng/1m²/năm (*Bằng chữ: Hai mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi đồng mét vuông một năm*).

Thời gian ổn định đơn giá thuê đất 05 năm kể từ ngày 04/6/2024.

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 04/6/2024.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc nhà nước tỉnh Nghệ An.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng thửa đất/khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi (chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê, ...) thì người sử dụng đất được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên

thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần thửa đất/khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là sáu (06) tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian ba (03) tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc Hợp đồng được tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các Bên (nếu có): Không.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia Hợp đồng và theo thỏa thuận của Các Bên;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc giải thể. Trường hợp Bên thuê đất bị phát mại tài sản sẽ xử lý theo quy định pháp luật hiện hành;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác (nếu có): Không

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau. Sở Tài nguyên và Môi trường giữ 02 bản, Công ty TNHH Four Leaf Dress giữ 01 bản và gửi đến Cục thuế Nghệ An (01 bản), Kho bạc nhà nước tỉnh Nghệ An (01 bản) nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Bên thuê đất

Bên cho thuê đất

NGÀY 11-09-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG VĂN CHUNG



Hoàng Văn Chung



TỔNG GIÁM ĐỐC
HAYASHIZAKI YOSHITUKU

Phạm Văn Toàn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO ĐẤT TRÊN THỰC ĐỊA

Hôm nay, vào hồi 9h00 ngày 11 tháng 10 năm 2024, tại hiện trường thửa đất được UBND tỉnh cho Công ty TNHH Four Leaf Dress thuê tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn.

A. Thành phần tham gia gồm có:

I. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Ông Thái Duy Hùng: PTP Quản lý Đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Ông Cao Quang Chính: Chuyên viên phòng Quản lý Đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường.

II. Đại diện Phòng TNMT huyện Nghĩa Đàn:

- Bà: Ông: Nguyễn Huy Anh
- Ông: ... Nguyễn T. Lạc. Hiền

III. Đại diện UBND xã Nghĩa Trung:

- Ông Nguyễn Long An - (Đại diện UBND xã)
- Bà Phan Thị Kim Dung - CC Đ. Chiếu - XD

IV. Bên nhận đất trên thực địa: Công ty TNHH Four Leaf Dress.

- Ông: ... HAYASHIZAKY ... Yoshi Yuki
- Ông:

B. Các bên tiến hành giao, nhận đất, cụ thể như sau:

- Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Four Leaf Dress thuê đất tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn.

- Căn cứ các mốc giới, ranh giới có ngoài thực địa.

Các thành viên tham gia tiến hành giao, nhận đất trên thực địa như sau:

1. Giao, nhận thửa đất tại thị trấn Nghĩa Đàn, huyện Nghĩa Đàn cho Công ty TNHH Four Leaf Dress để thực hiện Dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress.

2. Giao nhận đất theo các mốc giới, ranh giới thửa đất, diện tích 19.089,0 m² trên thực địa và xác định theo Đo đạc chính lý bản đồ địa chính số

454/2023/BĐĐC/VPĐK tỷ lệ 1/1.000 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh thực hiện được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 04/01/2024.

Các nội dung khác (nếu có):

3. Biên bản lập hồ 10h00 phút cùng ngày, đã đọc cho các bên tham dự cùng nghe, nhất trí thông qua ký tên dưới đây./.

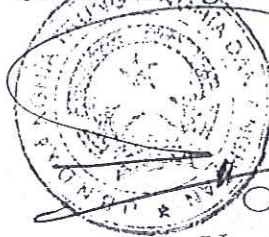
Sở Tài nguyên và
Môi trường

Cao Quang Chỉnh

Phòng Tài nguyên và Môi
trường huyện Nghĩa Đàn

Nguyễn Anh

UBND xã Nghĩa Trung



CHỦ TỊCH
Nguyễn Long An

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....44880.....SCT/B

NGÀY 14-10-2024

Công ty TNHH Four Leaf



TỔNG GIÁM ĐỐC
HAYASHIZAKI YOSHITUKI

CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG VĂN CHUNG



Hoàng Văn Chung

Nghĩa Đàn, ngày 26 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 04 /GPXD-UBND

I. Cho phép: CÔNG TY TNHH FOUR LEAF DRESS

- Người đại diện: Hayashizaki Yoshiyuki; Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Địa chỉ liên hệ: số 95, đường Lê Hồng Phong, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại: 0913274383.

II. Cấp phép xây dựng công trình: Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An theo các nội dung sau:

1. Hồ sơ pháp lý

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 71/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Nghệ An;
- Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Nghĩa Đàn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Văn bản số 106/SXD-QLXD ngày 08/3/2024 của Sở xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 56/TD-PCCC do Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/5/2024;
- Báo cáo số 38/BCTT-TKBVTC ngày 11/6/2024 của Công ty cổ phần xây dựng Kiến Lâm An Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công dự án: Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình đã được thẩm tra, thẩm duyệt PCCC;
- Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng đề ngày 11/6/2024 của Công ty TNHH Four Leaf Dress.

2. Các thông tin chung:

- Đơn vị tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế PCCC: Công ty CP tư vấn &

đầu tư xây dựng TH Group;

- Đơn vị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: Sở Xây dựng Nghệ An;
- Đơn vị thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công: Công ty cổ phần xây dựng Kiến Lâm An;
- Đơn vị thẩm duyệt thiết kế PCCC: Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Nghệ An;
- Vị trí xây dựng: xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Mật độ xây dựng, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được UBND huyện Nghĩa Đàn phê duyệt tại Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 19/10/2023;
- Loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, Công trình Công nghiệp nhẹ, cấp III.

3. Các thông số chính của các hạng mục công trình:

Theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Nghĩa Đàn phê duyệt tại Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 19/10/2023; hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do Công ty CP tư vấn & đầu tư xây dựng TH Group lập, được Công ty cổ phần xây dựng Kiến Lâm An thẩm tra, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Nghệ An thẩm duyệt PCCC và Công ty TNHH Four Leaf Dress phê duyệt.

3.1. Nhà trực bảo vệ.

Nhà cao 1 tầng, diện tích xây dựng 29,8m². Chiều cao nhà 4,9m (chiều cao nền: 0,25m; chiều cao tầng: 3,5m; chiều cao mái: 1,15m). Nhà có kết cấu khung bê tông cốt thép (BTCT) chịu lực. Móng đơn BTCT. Cột, dầm, sàn bằng BTCT đổ toàn khối. Tường xây gạch vữa xi măng (VXM). Mái lợp tôn, xà gồ thép hình. Tường, cột, dầm, trần trát VXM, bả, lăn sơn. Nền lát gạch. Dây điện được luồn trong ống nhựa PVC đi ngầm tường, trần. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện. Thông gió bằng tự nhiên kết hợp quạt.

3.2. Nhà văn phòng.

- *Kiến trúc:* Nhà cao 1 tầng, diện tích xây dựng 487,0m². Chiều cao nhà 7,8m (chiều cao nền: 0,3m; chiều cao tầng: 4,5m; chiều cao mái: 3,0m). Mặt bằng bố trí sảnh, 7 phòng làm việc, 1 phòng họp, 1 khu pha chế đồ uống.

- *Kết cấu:* Nhà có kết cấu khung BTCT chịu lực. Móng đơn BTCT. Cột, dầm, sàn bằng BTCT đổ toàn khối. Tường xây gạch VXM. Mái lợp tôn, xà gồ thép hình.

- *Hoàn thiện:* Tường, cột, dầm, trần trát VXM, bả, lăn sơn. Nền lát gạch. Khu vệ sinh tường ốp gạch, nền lát gạch chống trơn.

- *Hệ thống kỹ thuật:*

+ *Điện:* Dây điện được luồn trong ống nhựa PVC đi ngầm tường, trần. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện. Thông gió bằng tự nhiên kết hợp điều hòa, quạt.

- + Hệ thống chống sét: Bằng kim thu sét nổi đất qua hệ thống tiếp địa.
- + Hệ thống cấp, thoát nước: Ống cấp nước bằng ống nhựa chịu áp lực, thoát nước bằng ống nhựa PVC. Nước thải sinh hoạt được xử lí cục bộ qua bể tự hoại và khu xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn cho phép, nước mưa từ mái được thu vào ống nhựa, sau đó cùng thoát ra hệ thống thoát nước chung.

3.3. Nhà gara xe 1.

- *Kiến trúc*: Nhà cao 1 tầng, diện tích xây dựng 402,0m². Chiều cao nhà 3,5m (chiều cao nền: 0,1m; chiều cao tầng: 2,8m; chiều cao mái: 0,6m).
- *Kết cấu*: Móng đơn BTCT. Cột, vì kèo bằng thép hình. Tường xây gạch VXM. Mái lợp tôn, xà gồ thép hình. Tường trát VXM, bả, lăn sơn. Nền đổ BTXM.

3.4. Nhà gara xe 2.

- *Kiến trúc*: Nhà cao 1 tầng, diện tích xây dựng 300,0m². Chiều cao nhà 3,5m (chiều cao nền: 0,1m; chiều cao tầng: 2,8m; chiều cao mái: 0,6m).
- *Kết cấu*: Thiết kế tương tự nhà gara xe 1 đã nêu tại mục 3.3

3.5. Nhà gara xe 3.

- *Kiến trúc*: Nhà cao 1 tầng, diện tích xây dựng 144,0m². Chiều cao nhà 3,5m (chiều cao nền: 0,1m; chiều cao tầng: 2,8m; chiều cao mái: 0,6m).
- *Kết cấu*: Thiết kế tương tự nhà gara xe 1 đã nêu tại mục 3.3

3.6. Nhà gara xe 4.

- *Kiến trúc*: Nhà cao 1 tầng, diện tích xây dựng 72,0m². Chiều cao nhà 3,5m (chiều cao nền: 0,1m; chiều cao tầng: 2,8m; chiều cao mái: 0,6m).
- *Kết cấu*: Thiết kế tương tự nhà gara xe 1 đã nêu tại mục 3.3

3.7. Nhà xưởng, kho và nhà ăn.

- *Kiến trúc*: Nhà cao 1 tầng, diện tích xây dựng 7.999,5m². Chiều cao nhà 10,75m (chiều cao nền: 0,2m; chiều cao tầng 7,05; chiều cao mái 3,5). Mặt bằng bố trí không gian may, kho và ăn ca.
- *Kết cấu*: Nhà có kết cấu khung thép hình tổ hợp chịu lực. Móng cọc BTCT. Cột, dầm bằng thép hình tổ hợp; liên kết bằng bulông. Tường xây gạch VXM. Mái lợp tôn, xà gồ thép hình.

- *Hoàn thiện*: Tường, cột, dầm trát VXM, bả, lăn sơn. Nền lát gạch kết hợp đổ bê tông xi măng.

- *Hệ thống kỹ thuật*:

+ *Điện*: Dây điện được luồn trong ống nhựa PVC đi ngầm tường, trần. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện. Thông gió bằng tự nhiên kết hợp quạt.

+ *Hệ thống chống sét*: Bằng kim thu sét nổi đất qua hệ thống tiếp địa.

+ *Hệ thống thoát nước mưa*: Ống cấp nước bằng ống nhựa chịu áp lực, thoát nước bằng ống nhựa PVC. Nước thải sinh hoạt được xử lí cục bộ qua bể tự hoại và khu

[Handwritten signature]

xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn cho phép, nước mưa từ mái được thu vào ống nhựa, sau đó cùng thoát ra hệ thống thoát nước chung.

3.8. Kho rác 1.

- *Kiến trúc*: Nhà cao 1 tầng, diện tích xây dựng 101,0m². Chiều cao nhà 4,75m (chiều cao nền: 0,1m; chiều cao tầng: 3,9m; chiều cao mái: 0,75m).

- *Kết cấu*: Nhà có kết cấu cột BTCT kết hợp vì kèo thép hình chịu lực. Móng đơn BTCT. Cột, dầm bằng BTCT đổ toàn khối. Vì kèo liên kết với cột BTCT bằng bulông. Tường xây gạch VXM. Mái lợp tôn, xà gồ thép hình.

- *Hoàn thiện*: Tường trát VXM, lăn sơn. Nền đổ BTXM.

3.9. Kho rác 2.

- *Kiến trúc*: Nhà cao 1 tầng, diện tích xây dựng 64,8m². Chiều cao nhà 4,75m (chiều cao nền: 0,1m; chiều cao tầng: 3,9m; chiều cao mái: 0,75m).

- *Kết cấu*: Thiết kế tương tự Kho rác 1 đã nêu tại mục 3.8.

3.10. Trạm bơm và đài nước.

3.10.1. Trạm bơm.

Nhà cao 1 tầng, diện tích xây dựng 25,0m². Chiều cao nhà 3,95m (chiều cao nền: 0,3m; chiều cao tầng: 3,3m; chiều cao sê nô mái: 0,35m). Nhà có kết cấu khung BTCT chịu lực. Móng đơn BTCT. Cột, dầm, sàn bằng BTCT đổ toàn khối. Tường xây gạch VXM. Tường, dầm, cột, trần trát VXM, lăn sơn. Nền đổ BTXM. Dây điện được luồn trong ống nhựa PVC đi ngầm tường, trần. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện. Thông gió bằng tự nhiên.

3.10.2. Đài nước.

Diện tích xây dựng 24,1m². Tháp cao 18,3m (tính từ cốt sân đường), phía trên đỉnh đặt 1 bồn nước Inox dung tích 25m³. Kết cấu tháp bằng khung thép hình tổ hợp chịu lực. Móng cọc BTCT. Cột, dầm bằng thép hình tổ hợp; liên kết bằng bulông. Mái lợp tôn, xà gồ thép hình.

3.11. Nhà để máy phát điện (phần bao che).

- *Kiến trúc*: Nhà cao 1 tầng, diện tích xây dựng 100,4m². Chiều cao nhà 6,0m (chiều cao nền: 0,15m; chiều cao tầng: 4,5m; chiều cao mái: 1.35m).

- *Kết cấu*: Thiết kế tương tự Kho rác 1 đã nêu tại mục 3.8.

3.12. Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:

3.12.1. San nền: Diện tích san nền là 19.089,0m²; Cao độ san nền thấp nhất +60,15m, cao độ san nền cao nhất +60,65m, độ dốc san nền $i = 0,05\%$. San nền đầm chặt $K = 0,9$. Đắp bằng đất cấp III

3.12.2. Cổng, hàng rào.

- Cổng: rộng thông thủy 19,35m, 1 cánh mở trượt; kết cấu cánh cổng xếp Inox đóng, mở bằng mô tơ điện. Trụ xây gạch chỉ VXM lõi BTCT cao 2,5m. Trụ cổng trát VXM, lăn sơn.

- Hàng rào: Móng tường xây đá hộc VXM kết hợp kê chắn đất san nền. Trụ gạch VXM có lõi BTCT, cao 2,2m. Tường rào xây gạch VXM, cao 2,05m. Tường và trụ trát VXM, lăn sơn.

3.12.3. Bể nước (1 bể).

Kích thước dài x rộng x cao = 25,0m x 10,0m x 4,6m. Đáy, thành và nắp bể bằng BTCT. Trát thành bể, láng đáy bể bằng VXM.

3.12.4. Sân đường nội bộ.

Các lớp kết cấu theo thứ tự từ trên xuống gồm:

- Lớp BTXM;
- Lớp bạt lót nền;
- Lớp cấp phối đá dăm đầm chặt;
- Đất san nền đầm chặt.

3.12.5. Cấp, thoát nước ngoài nhà.

- Cấp nước sinh hoạt: Nước sinh hoạt lấy từ nguồn nước hiện trạng của khu vực; cấp nước đến hạng mục công trình từ bể nước. Ống cấp nước bằng ống nhựa chịu áp lực, chôn ngầm.

- Thoát nước thải: Thoát nước thải bằng ống nhựa chịu áp lực, chôn ngầm.

- Thoát nước mưa: Hệ thống mương thoát nước mưa được bố trí trong khuôn viên khu đất, đấu nối với hệ thống thoát nước chính của khu vực.

+ Mương thoát nước (B=0,5m, B=0,6m): Thành mương xây gạch VXM; Đáy mương bằng BTXM; nắp mương bằng BTCT. Trát thành mương, láng đáy mương bằng VXM.

+ Giếng thu thăm: Giếng thu thăm được bố trí tại các vị trí thay đổi hướng mương hoặc đầu nối giữa các tuyến mương.

3.12.6. Trạm điện.

- Diện tích xây dựng 23,0m², xây dựng trạm biến áp 1500kVA-35/0,4kV (kiểu trạm hở ngoài trời). Xung quanh được ngăn bằng khung lưới B40 đảm bảo an toàn.

3.12.7. Cấp điện tổng thể.

- Nguồn điện cấp cho tụ điện tổng ngoài nhà được lấy từ trạm biến áp của dự án, cấp điện đến các hạng mục của công trình từ tụ điện tổng; sử dụng hệ thống dây dẫn bằng cáp ngầm, cáp điện được luồn trong ống nhựa HDPE, chôn trong hào cáp.

- Chiếu sáng ngoài nhà bằng các cột gắn đèn cao áp. Cáp điện được luồn trong ống nhựa HDPE, chôn trong hào cáp.

3.13. Thông số kỹ thuật khác:

- Định vị công trình xây dựng: Theo Bản vẽ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được UBND huyện Nghĩa Đàn phê duyệt tại Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày

19/10/2023.

- Độ vươn của các bộ phận công trình: Móng và tất cả các cấu kiện khác của các hạng mục công trình không được vươn ra ngoài ranh giới và chỉ giới xây dựng của khu đất được cấp.

III. Hiệu lực của Giấy phép xây dựng: Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Lưu ý:

- Yêu cầu Chủ đầu tư đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và các quy định của pháp luật trong quá trình thi công xây dựng công trình;

- Trước khi đưa công trình vào sử dụng phải được nghiệm thu, chấp thuận bằng văn bản của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Nghệ An và cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Việc sử dụng công trình sau khi thi công xây dựng hoàn thành yêu cầu phải tuân thủ đúng theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt;

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thỏa thuận đấu nối điện với đơn vị phân phối điện; thỏa thuận đấu nối đường giao thông; thỏa thuận cấp nước với đơn vị cung cấp nước; thỏa thuận đấu nối vào hệ thống thoát nước khu vực theo quy định.

- Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung khác ghi ở trang 7 GPXD này;

- Kèm theo Giấy phép này là hồ sơ bản vẽ thiết kế đã được thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công do Công ty cổ phần xây dựng Kiến Lâm An và được đóng dấu cấp phép xây dựng của phòng Kinh tế & Hạ tầng. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- CT, PCT UBND huyện;
- UBND xã Nghĩa Trung;
- Các phòng: KT&HT; TN&MT;
- Lưu: VT. *[Signature]*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....15087..... Quyển số.....CT/BS

NGÀY 18-04-2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG VĂN CHUNG

Trần Mạnh Hà



Hoàng Văn Chung

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, nếu: Xâm phạm các quyền hợp pháp của chủ sở hữu liên kề; biện pháp thi công làm ảnh hưởng đến kết cấu các công trình lân cận; phạm vi hành lang an toàn lưới điện, hệ thống hạ tầng kỹ thuật (ngầm và trên mặt đất), an toàn phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, an toàn lao động.

2. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này. Nếu có khiếu kiện, tranh chấp về đất đai, công trình của phân giấy phép xây dựng được cấp, chủ đầu tư phải tự đình chỉ xây dựng và chịu mọi tổn thất do việc đình chỉ xây dựng.

3. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh Giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

4. Trước khi khởi công xây dựng công trình phải:

- Phải thông báo ngày khởi công xây dựng bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân phường/xã nơi xây dựng công trình và Cơ quan quản lý trật tự xây dựng trong thời hạn 07 ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình;

- Trình Giấy phép xây dựng cho Ủy ban nhân dân phường/xã nơi xây dựng công trình và Cơ quan quản lý trật tự xây dựng trong quá trình kiểm tra.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường/xã nơi xây dựng công trình để lập biên bản để xác nhận hiện trạng các công trình lân cận và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do việc xây dựng công trình làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận đó.

5. Bố trí thời gian thi công hợp lý, không làm ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của nhân dân khu vực lân cận.

6. Tập kết, vận chuyển và đổ rác thải đúng nơi quy định; không lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè, khu vực công cộng khác. Phải thu gom, vận chuyển rác thải xây dựng. Tuyệt đối không được đổ rác thải bừa bãi làm ô nhiễm môi trường hư hỏng hạ tầng kỹ thuật.

7. Có biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn và mất an toàn lao động.

8. Tuân thủ nghiêm các quy định về phòng cháy, chữa cháy và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra cháy nổ trong quá trình đầu tư xây dựng và vận hành sử dụng.

9. Chỉ được đưa công trình vào sử dụng sau khi hoàn thành đầy đủ các hồ sơ thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật và được các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu, chấp thuận bằng văn bản.

10. Chậm nhất là 30 ngày trước thời điểm Giấy phép xây dựng này hết hiệu lực khởi công xây dựng, nếu công trình chưa được khởi công xây dựng thì Chủ đầu tư phải gia hạn Giấy phép xây dựng. Mỗi Giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn tối đa 02 lần. Thời gian gia hạn mỗi lần là 12 tháng. Khi hết thời gian gia hạn Giấy phép xây dựng mà chưa khởi công xây dựng thì chủ đầu tư phải nộp hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng mới.

11. Quá trình thi công dự án, Chủ đầu tư chấp hành nghiêm các quy định về hành lang an toàn lưới điện lân cận khu đất được giao (đường dây 500 KV...).

12. Yêu cầu Chủ đầu tư căn cứ ý 4, mục 1, điều 2 tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 71/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Nghệ An “*Phối hợp với UBND huyện Nghĩa Đàn trình Sở Giao thông vận tải báo cáo UBND tỉnh xin ý kiến Bộ Giao thông vận tải về kết nối tuyến đường quy hoạch 12m (hiện trạng là đường đất rộng khoảng 5m) vào Quốc lộ 48D tại vị trí Km38+995 (trái tuyến) theo đúng trình tự, thủ tục quy định (cam kết tự nguyện bỏ kinh phí cứng hóa tuyến đường giao thông đầu nối của dự án, Kinh phí này không tính vào chi phí phát triển dự án trước khi định giá đất được giao, được thuê, không yêu cầu nhà nước chi trả dưới mọi hình thức)...”*

13. Yêu cầu Chủ đầu tư căn cứ ý 5, mục 1, điều 2 tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 71/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Nghệ An “*Phối hợp với UBND huyện Nghĩa Đàn, UBND xã Nghĩa Trung để thống nhất phương án hoàn trả tuyến đường giao thông nội đồng, nương đất với kết cấu quy mô tiêu chuẩn tương đương (hoặc cao hơn) đảm bảo sinh hoạt, sản xuất của người dân, tưới tiêu thoát lũ khu vực và bàn giao cho địa phương quản lý. Chịu toàn bộ phần chi phí hoàn trả, phần chi phí này không tính vào chi phí phát triển dự án trước khi định giá đất được giao, được thuê, không yêu cầu nhà nước chi trả dưới mọi hình thức”*

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5443168176

Chứng nhận lần đầu: ngày 12 tháng 5 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm của Nhà đầu tư nộp tại Trung tâm phục vụ hành chính công;

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH NGHỆ AN

Chứng nhận nhà đầu tư: Công ty YOTSUBA DRESS CO.,LTD

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900-01-006867 cấp ngày 01/08/1972 do Cơ quan tư pháp Yamagata - Chi nhánh Sakata xác nhận ngày 27/7/2022, mục đích: kinh doanh, may quần áo phụ nữ.

Địa chỉ trụ sở: 389-19, Mura Higashiyama, Jurizuka Aza, Sakata-shi, Yamagata-ken, Japan.

Tổ chức kinh tế dự kiến thành lập: CÔNG TY FOUR LEAF DRESS.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Ông Hayashizaki Yoshiyuki, Tổng giám đốc

Sinh ngày: 09/12/1971 Quốc tịch: Nhật Bản

Hộ chiếu số: TK9394692 do Bộ Ngoại giao cấp ngày 23/07/2013.

Địa chỉ: 389-19, Mura Higashiyama, Jurizuka Aza, Sakata-shi, Yamagata-ken, Japan.



7. Thời hạn hoạt động: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ về nguồn vốn: góp vốn và huy động vốn trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án:

- Từ quý III/2023: hoàn thành các thủ tục đầu tư.
- Từ quý IV/2023 đến quý III/2024: triển khai thi công xây dựng các hạng mục của dự án.
- Quý IV/2024: Đưa dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Điều 2. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Phải bảo đảm thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Thực hiện việc lập, trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng theo đúng quy định. Thực hiện các thủ tục về môi trường theo quy định hiện hành, xây dựng hệ thống xử lý và thoát nước thải theo đúng quy định, không để nước thải ra ngoài khu vực đất sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng, chất lượng nông sản khu vực xung quanh nhà máy. Thu gom, quản lý và xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đảm bảo đạt yêu cầu theo các quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành. Quá trình xây dựng và hoạt động nếu để xảy ra sự cố không đảm bảo về môi trường thì phải dừng hoạt động và mọi tổn thất chủ đầu tư phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm.

5. Phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện Nghĩa Đàn, cơ quan liên quan để hoàn thành hồ sơ, thủ tục có liên quan (đất đai, xây dựng, quy hoạch, môi trường, phòng cháy chữa cháy, đấu nối giao thông, biện pháp đảm bảo an toàn điện,...) trước khi triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật; trong đó có việc lập các hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chuyên mục đích sử dụng đất lúa, kế hoạch sử dụng đất và phải lập hồ sơ thuê đất theo quy định; xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước và nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định; đảm bảo quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn điện đối với dự án; dự án chỉ được khởi công xây dựng khi nhà đầu tư hoàn thành đầy đủ các thủ tục, điều kiện theo quy định.

6. Phối hợp với UBND huyện Nghĩa Đàn trình Sở Giao thông vận tải báo cáo UBND tỉnh xin ý kiến Bộ Giao thông vận tải về việc kết nối tuyến đường quy hoạch 12m (hiện trạng là đường đất rộng khoảng 5,0m) vào Quốc lộ 48D tại vị trí Km38+995 (trái tuyến) theo đúng trình tự, thủ tục quy định (cam kết tự nguyện bỏ kinh phí và phối hợp với UBND huyện Nghĩa Đàn cứng hóa tuyến đường giao thông đầu nối của dự án, phần kinh phí này không tính vào chi phí phát triển dự án khi định giá đất được giao, được thuê, không yêu cầu nhà nước chi trả dưới mọi hình thức). Trong trường hợp Bộ Giao thông vận tải không thống nhất phương án đầu nối nêu trên, UBND huyện Nghĩa Đàn xây dựng phương án đường gom nằm ngoài hành lang an toàn giao thông đường bộ tuyến Quốc lộ 48D và kết nối giao thông vào tuyến Quốc lộ 48D tại Km40+500.

7. Phối hợp với UBND huyện Nghĩa Đàn, UBND xã Nghĩa Trung để thống nhất phương án hoàn trả tuyến đường giao thông nội đồng, nương đất với kết cấu quy mô tiêu chuẩn tương đương (hoặc cao hơn) đảm bảo sinh hoạt, sản xuất của người dân, tưới tiêu thoát lũ khu vực và bàn giao cho địa phương quản lý. Chịu toàn bộ phần chi phí hoàn trả, phần chi phí này không được tính vào chi phí phát triển của dự án khi định giá đất được giao, được thuê và không yêu cầu nhà nước hoàn trả kinh phí trên dưới mọi hình thức.

8. Có cơ chế ưu tiên đào tạo chuyển đổi ngành nghề và tuyển dụng đối với con em các hộ dân có đất chuyển đổi cho dự án và đảm bảo các quyền lợi của người lao động.

9. Thực hiện dự án đảm bảo quy định và tiến độ cho phép, nếu nhà đầu tư không đảm bảo quy định và tiến độ cho phép, làm kéo dài thời gian chậm đưa đất vào sử dụng, UBND tỉnh sẽ xem xét chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi đất theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư phải chịu hoàn toàn mọi chi phí đã bỏ ra.

10. Căn cứ ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan để triển khai thực hiện dự án đúng yêu cầu, đúng quy định.

11. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc, 01 (một) bản cấp cho nhà đầu tư, 01 (một) bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Trung tâm PVHHC tỉnh;
- UBND huyện Nghĩa Đàn;
- Lưu: VT, DN.

NGÀY 24.07.2023

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THANH TÙNG
CÔNG CHỨNG VIÊN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Trường

Nguyễn Thanh Tùng



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 26 tháng 10 năm 2025

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Số: 26.10.2025/BBNTHT/ĐTPT-NA

- Căn cứ hợp đồng kinh tế, **Số: 28.04/2025/HĐKT**, ký ngày ngày 28 tháng 04 năm 2024, giữa Công Ty TNHH Four Leaf Dress và Công Ty Cổ Phần ĐTXD & và PT Nghệ An, Về việc, thi công lắp đặt trọn gói toàn bộ phần Hơi – Khí nén bao gồm cả vật tư và nhân công, hạng mục Nhà xưởng, kho và nhà ăn công trình nhà máy may của Công ty TNHH Four Leaf Dress;

- Căn cứ hạng mục công trình đã thi công lắp đặt và đang hoạt động bình thường tại công trình Nhà máy may Công ty TNHH Four Leaf Dress;

1. Công việc: Thi công lắp đặt trọn gói toàn bộ phần Hơi – Khí nén bao gồm cả vật tư và nhân công, hạng mục Nhà xưởng, kho và nhà ăn công trình Nhà máy may Công ty TNHH Four Leaf Dress.

2. Địa điểm: Xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An cũ).

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện bên A: CÔNG TY TNHH FOUR LEAF DRESS

- Ông: Hayashizaki Yoshiyuki Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Ông: Nguyễn Văn Hải Chức vụ: Kỹ Thuật

b. Đại diện bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTXD & PT NGHỆ AN

- Ông: Lê Văn Thắng Chức vụ: Giám đốc

- Ông: Lê Văn Sơn Chức vụ: Kỹ thuật

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu, bàn giao:

Bắt đầu: 9 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 10 năm 2025

Kết thúc: 11 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 10 năm 2025

5. Đánh giá hạng mục công trình:

Hạng mục công trình: thi công lắp đặt trọn gói toàn bộ phần Hơi – Khí nén bao gồm cả vật tư và nhân công, hạng mục Nhà xưởng, kho và nhà ăn công trình Nhà



máy may Công ty TNHH Four Leaf Dress, do Công Ty Cổ phần ĐTXD & PT Nghệ An đã cung cấp lắp đặt tại công trình đạt theo yêu cầu của hợp đồng, các phụ lục hợp đồng và các yêu cầu thay đổi thiết kế của Chủ đầu tư trong quá trình thi công.

Qua thời gian vận hành chạy thử theo qui định của hợp đồng, được nghiệm thu đạt yêu cầu về tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật qui định.

6. Kết luận chung:

- Đồng ý nghiệm thu hoàn thành để đưa vào khai thác, sử dụng phần Hơi – Khí nén bao gồm cả vật tư và nhân công, hạng mục Nhà xưởng, kho và nhà ăn công trình nhà máy may Công ty TNHH Four Leaf Dress, do Công ty Cổ phần ĐTXD & PT Nghệ An đã cung cấp lắp đặt tại công trình, theo hợp đồng kinh tế, Số **28.04/2025/HĐKT**, ký ngày ngày 28 tháng 04 năm 2025;

- Công ty TNHH Cổ phần ĐTXD & PT Nghệ An có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo hành hạng mục công trình, theo nội dung ghi trong hợp đồng đã ký.

Biên bản được thông qua và lập thành 04 bản mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 28 tháng 11 năm 2025

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG
TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**
SỐ: 03 /HTCT

Dự án : Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress
Hạng mục : Xây dựng, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt Trạm xử lý nước thải, công suất 150 m³/ngày đêm
Địa điểm : xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

I. Đối tượng nghiệm thu:

- Nghiệm thu hoàn thành hạng mục “Xây dựng, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt Trạm xử lý nước thải, công suất 150 m³/ngày đêm” đưa vào sử dụng.

II. Thành phần tham gia nghiệm thu:

1. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH Four Leaf Dress.

- Ông: Hayashizaki Yoshiyuki Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Nguyễn Văn Sơn Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

2. Đại diện Nhà thầu thi công: Công ty Cổ phần VinaGreen Group

- Ông: Phan Văn Việt Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Phan Tuấn Anh Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

III. Thời gian, địa điểm tiến hành nghiệm thu:

- Bắt đầu: 14 giờ 00, ngày 28 tháng 11 năm 2025
- Kết thúc: 17 giờ 30, ngày 28 tháng 11 năm 2025
- Địa điểm: Tại dự án Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử.

IV. Đánh giá hạng mục công trình, công trình xây dựng đã thực hiện:

1. Căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng thi công xây dựng về việc: Xây dựng, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt Trạm xử lý nước thải, công suất 150 m³/ngày đêm thuộc dự án: “Nhà máy may Công ty Four Leaf Dress” giữa Công ty TNHH Four Leaf Dress và Công ty Cổ phần VinaGreen Group;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận, chỉ dẫn kỹ thuật được phê duyệt;
- Các thông tư, nghị định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành được áp dụng;



- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình thi công xây dựng có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Các kết quả thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của thiết kế xây dựng (nếu có);
- Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng thuộc giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng;
- Bản vẽ hoàn công hạng mục công trình, công trình xây dựng;
- Nhật ký thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng;
- Các văn bản quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Các tài liệu khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

2. Đánh giá về việc đáp ứng các điều kiện nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng:

- Các công việc xây dựng đã được thi công đầy đủ theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt: Đạt;
- Công tác nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận, giai đoạn trong quá trình thi công được thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021: Đạt;
- Kết quả thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của thiết kế xây dựng: Đạt;
- Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan: Đạt;
- Đối chiếu với bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật đã được duyệt: Đạt;
- Đối chiếu với thông tư, nghị định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành: Đạt;
- Đối chiếu với các yêu cầu khác của hợp đồng xây dựng: Đạt.

3. Các ý kiến khác (nếu có):

.....

V. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục “Xây dựng, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt Trạm xử lý nước thải, công suất 150 m³/ngày đêm”, đưa vào sử dụng, đồng ý cho triển khai các công việc tiếp theo.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ


TỔNG GIÁM ĐỐC
HAYASHIZAKI YOSHIYUKI

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG


GIÁM ĐỐC
Phan Văn Việt

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG 1/500 DỰ ÁN: NHÀ MÁY MAY CÔNG TY FOUR LEAF DRESS

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGHĨA TRUNG, NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ

1. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH:

- THÔNG BÁO SỐ 896 - TB/TU, NGÀY 27/4/2023 CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY VỀ VIỆC THÔNG NHẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÀ MÁY MAY CÔNG TY FOUR LEAF DRESS TẠI XÃ NGHĨA TRUNG, HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN; VĂN BẢN SỐ 227 - CV/BCSD NGÀY 04/5/2023 CỦA BAN CÁN SỰ ĐẢNG UBND TỈNH VỀ VIỆC TRIỂN KHAI THÔNG BÁO CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY;
- QUYẾT ĐỊNH SỐ 71/QĐ - UBND NGÀY 05/05/2023 CỦA UBND TỈNH NGHỆ AN VỀ VIỆC CHẤP NHẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ;
- MẶT BẰNG KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG CỦA CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ ĐTXD TH GROUP

2. KÝ HIỆU:

- CÔNG TRÌNH XD
 - ĐẤT GIAO THÔNG
 - CÂY XANH
 - MẶT NƯỚC
 - RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- DIỆN TÍCH: 19.948,3M²

3. PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH:

- * KHU ĐẤT LẬP QUY HOẠCH TẠI XÃ NGHĨA TRUNG, HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN, CÓ CÁC VỊ TRÍ TIẾP GIÁP CỤ THỂ NHƯ SAU:
- PHÍA TÂY BẮC GIÁP: ĐƯỜNG GOM QUỐC LỘ 48D
- PHÍA ĐÔNG NAM GIÁP: ĐẤT LÚA;
- PHÍA ĐÔNG BẮC GIÁP: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG;
- PHÍA TÂY NAM GIÁP: ĐẤT LÚA;

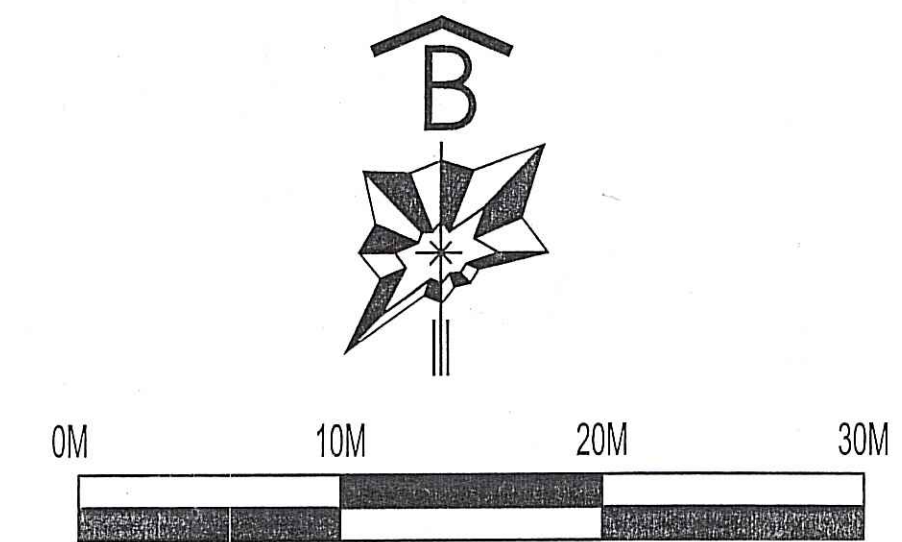
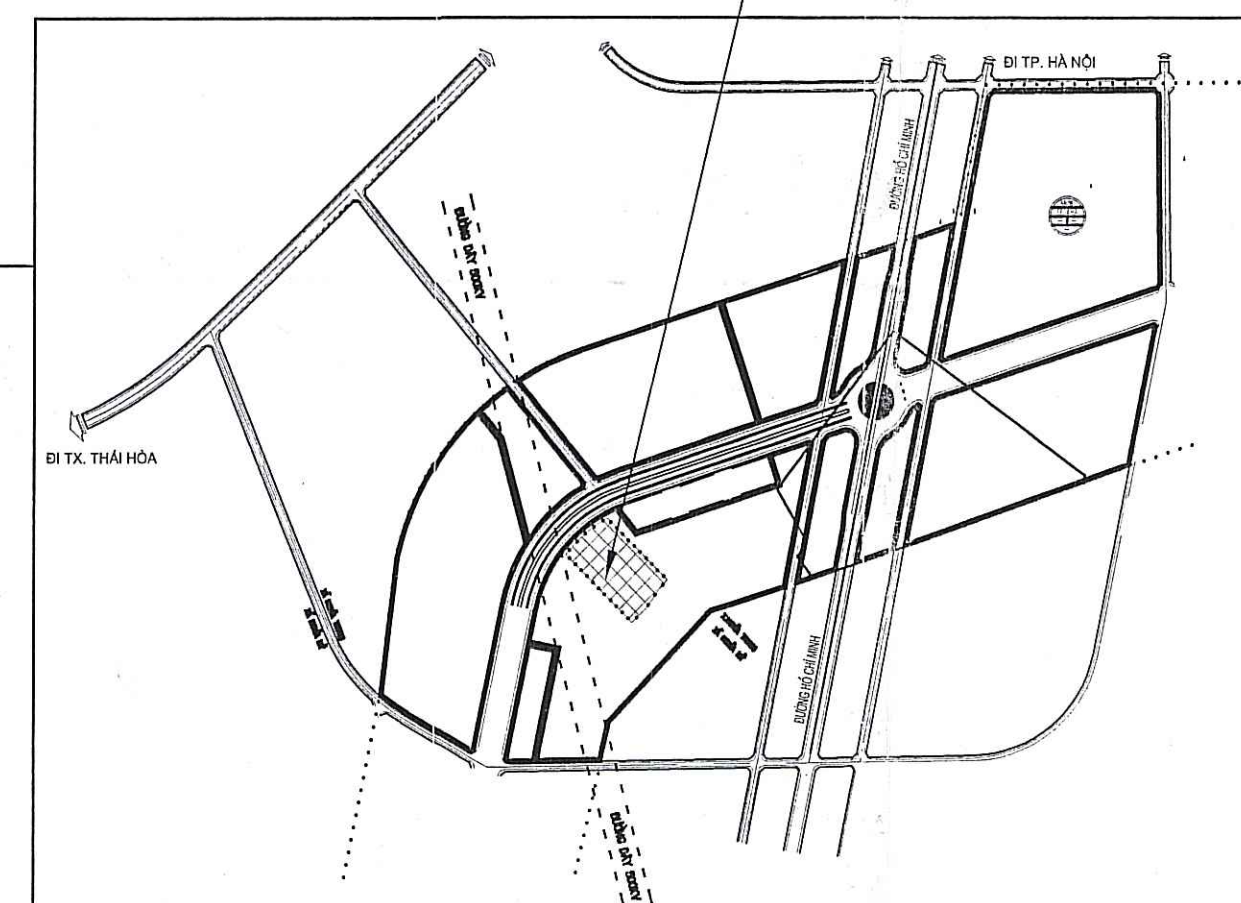
4. GHI CHÚ:

- ① CỔNG CHÍNH, BIỂN HIỆU, CỘT CỜ
- ② NHÀ TRỤC BẢO VỆ, CAO 1 TẦNG CÓ DIỆN TÍCH: 25,0M²
- ③ NHÀ VĂN PHÒNG, CAO 1 TẦNG CÓ DIỆN TÍCH: 450,0M²
- ④A NHÀ GARA XE 1, CAO 1 TẦNG CÓ DIỆN TÍCH: 402,0M²
- ④B NHÀ GARA XE 2, CAO 1 TẦNG CÓ DIỆN TÍCH: 300,0 M²
- ④C NHÀ GARA XE 3, CAO 1 TẦNG CÓ DIỆN TÍCH: 144,0 M²
- ④D NHÀ GARA XE 4, CAO 1 TẦNG CÓ DIỆN TÍCH: 72,0 M²
- ⑤ NHÀ XƯƠNG, KHO VÀ NHÀ ĂN, CAO 1 TẦNG CÓ DIỆN TÍCH: 7.950,0M²

- ⑥A KHO RÁC, CAO 1 TẦNG CÓ DIỆN TÍCH: 100,0M²
- ⑥B KHO RÁC, CAO 1 TẦNG CÓ DIỆN TÍCH: 64,0M²
- ⑦ BỂ NƯỚC, CÓ DIỆN TÍCH: 250,0M²
- ⑧ TRẠM BƠM VÀ ĐÀI NƯỚC, CÓ DIỆN TÍCH: 50,0M²
- ⑨ BỂ SỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÓ DIỆN TÍCH: 180,0M²
- ⑩ NHÀ ĐỂ MÁY PHÁT ĐIỆN, CAO 1 TẦNG CÓ DIỆN TÍCH: 96M²
- ⑪ TRẠM ĐIỆN, CÓ DIỆN TÍCH: 36,0M²

5. VỊ TRÍ LẬP QUY HOẠCH:

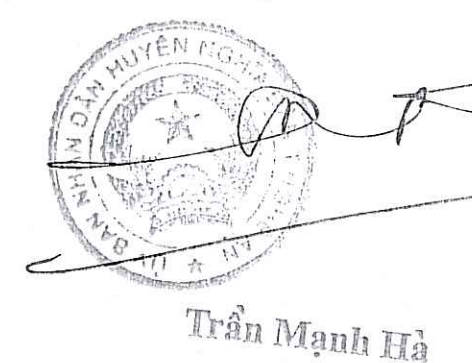
VỊ TRÍ LẬP QUY HOẠCH



6. CÁC THÔNG SỐ QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC:

- TỔNG DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU LẬP QH (M1, M2, ...M12 VÀ M1): S_{GD} = 20.000,8M².
- DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH S_{QH} = 19.089,0M².
- DIỆN TÍCH HOÀN TRẢ (M1';M1;M12;M12'): S_{HT} = 911,8M²;
- TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG: S_{XD} = 10.187,0 M²;
- DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG VÀ CÂY XANH: S = 8.902,0 M²;
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG: $\frac{S_{XD}}{S_{GD}} = 53,3\%$

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: UBND HUYỆN NGHĨA ĐÀN
R CHỦ TỊCH



KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3363 NGÀY 13 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ & HẠ TẦNG
TRƯỞNG PHÒNG



KÈM THEO VĂN BẢN THẨM ĐỊNH /VBTD-QH NGÀY THÁNG NĂM 2023

CƠ QUAN THỎA THUẬN: UBND XÃ NGHĨA TRUNG
CHỦ TỊCH



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH FOUR LEAF DRESS
GIÁM ĐỐC



CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
DỰ ÁN: NHÀ MÁY MAY CÔNG TY FOUR LEAF DRESS
TẠI XÃ NGHĨA TRUNG, NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ

| | | | |
|-----------------|---------------------|---------------|--------------|
| BẢN VẼ: QH - 02 | IN : A1 | TỶ LỆ : 1/500 | NGÀY: 8/2023 |
| THIẾT KẾ | KTS. ĐÀO ANH TIẾN | | |
| CHỦ TRÌ | KTS. ĐÀO ANH TIẾN | | |
| CHỦ NHIỆM | KTS. NGÔ XUÂN CƯỜNG | | |



HOÀNG ANH HIỂN